

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH ĐÃ ĐÁP ỨNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN, THỦ TỤC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN, KHÔNG HÀM Ý BẢO ĐẢM VỀ NỘI DUNG CỦA BẢN CÁO BẠCH, KHÔNG HÀM Ý VIỆC ĐẦU TƯ VÀO CHỨNG QUYỀN ĐƯỢC BẢO ĐẢM HAY ĐƯỢC THANH TOÁN ĐẦY ĐỦ CŨNG NHƯ MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ, PHƯƠNG ÁN KINH DOANH CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.

NHÀ ĐẦU TƯ ĐƯỢC KHUYẾN NGHỊ NÊN ĐỌC KỸ VÀ HIỂU CÁC NỘI DUNG QUY ĐỊNH Ở BẢN CÁO BẠCH, ĐẶC BIỆT LÀ PHẦN CẢNH BÁO RỦI RO Ở TRANG 05 TRONG BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ CHÚ Ý ĐẾN CÁC KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ, THUẾ KHI GIAO DỊCH CHỨNG QUYỀN CÓ ĐẢM BẢO.

GIÁ GIAO DỊCH CHỨNG QUYỀN CÓ THỂ THAY ĐỔI TÙY VÀO TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG, NHÀ ĐẦU TƯ CÓ THỂ CHỊU THIẾT HẠI VỀ SỐ VỐN ĐẦU TƯ VÀ CÓ THỂ MẤT TOÀN BỘ VỐN ĐẦU TƯ.

CÁC THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH VÀ CÁC CHỨNG QUYỀN PHÁT HÀNH TRƯỚC ĐÂY (NẾU CÓ) CHỈ MANG TÍNH CHẤT THAM KHẢO VÀ KHÔNG CÓ Ý NGHĨA LÀ VIỆC ĐẦU TƯ SẼ SINH LỜI CHO NHÀ ĐẦU TƯ.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 68/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 06/11/2007, Giấy phép điều chỉnh số 63/GPĐC-UBCK ngày 07/08/2025)

Vietcap

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

(Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền số 422./GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17/11/2025...)

CHỨNG QUYỀN ACB/VIETCAP/M/Au/T/A5

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

TỔ CHỨC CHÀO BÁN

Vietcap

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

Trụ sở chính

Địa chỉ: Tháp Tài chính Bitexco, Lầu 15, 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp.HCM

Điện thoại: +84 (0)28 3914 3588 Fax: +84 (0)28 3914 3209

Website: www.vietcap.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Hà Nội

Điện thoại: +84 (0)24 6262 6999 Fax: +84 (0)24 6278 2688

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Ông Đoàn Minh Thiện

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Số điện thoại: +84 (0)28 3914 3588

Fax: +84 (0)28 3914 4531

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 68/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 06/11/2007, Giấy phép điều chỉnh số 63/GPĐC-UBCK ngày 07/08/2025)



Địa chỉ: Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 (0)28 3914 3588 Fax: +84 (0)28 3914 3209 Website: www.vietcap.com.vn

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

Tên chứng quyền:	Chứng quyền ACB/VIETCAP/M/Au/T/A5
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng TMCP Á Châu
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng Việt Nam
Thời hạn:	06 tháng
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	2:1 (2 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN



CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM)

Địa chỉ: Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Tp.Hồ Chí Minh
Điện thoại: +84 (0)28 3823 0796

NGÂN HÀNG NHẬN KÝ QUỸ TÀI SẢN ĐẢM BẢO THANH TOÁN



**NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
– CN NAM KỲ KHỞI NGHĨA**

Địa chỉ: Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, Tp.Hồ Chí Minh
Điện thoại: +84 (0)28 3821 8812

MỤC LỤC

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	5
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền	5
2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền	6
3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở	7
4. Rủi ro về kinh tế	7
5. Rủi ro về pháp luật	12
6. Rủi ro về thị trường và thị trường ngừng giao dịch	12
7. Rủi ro khác	12
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	13
1. Tổ chức phát hành	13
2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, tổ chức tư vấn	13
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT	14
IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ	19
1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam	19
2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư	22
V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM	25
1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm	25
2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành	45
3. Tình hình tài chính	60
VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM	65
1. Thông tin chung về chứng quyền	65
2. Thông tin về chứng khoán cơ sở	67
3. Thời gian phân phối chứng quyền	69
4. Đăng ký mua và phân phối chứng quyền	69
5. Thực hiện chứng quyền	70
6. Quyền của người sở hữu chứng quyền	72
7. Điều chỉnh chứng quyền	72
8. Các khoản phí, lệ phí, thuế phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền	73
9. Hoạt động tạo lập thị trường	74
VII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM	75
1. Quy trình quản trị rủi ro	75

2. Phương án phòng ngừa rủi ro dự kiến.....	81
3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền của tổ chức phát hành.....	83
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN.....	84
1. Ngân hàng nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán.....	84
2. Tổ chức kiểm toán	85
IX. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....	86
X. CÁC CHỨNG QUYỀN BẢO ĐẢM MÀ CÔNG TY ĐÃ PHÁT HÀNH VÀ ĐANG NIÊM YẾT ..	86
XI. CAM KẾT	86
XII. PHỤ LỤC	87

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư cần đọc bản cáo bạch này và các tài liệu kèm theo để nắm vững các nội dung của chứng quyền có bảo đảm (CW), các rủi ro đi kèm với việc đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm, đồng thời đánh giá sự phù hợp của khoản đầu tư vào sản phẩm chứng quyền có bảo đảm với mục tiêu đầu tư và tình hình tài chính của mình. Nhà đầu tư được khuyến nghị tham khảo các chuyên viên tư vấn tài chính, môi giới chứng khoán hoặc chuyên viên phân tích để nắm vững về cách thức đầu tư vào sản phẩm chứng quyền có bảo đảm này.

Chứng quyền có bảo đảm là sản phẩm cấu trúc phái sinh, có tính chất phức tạp và không phù hợp với các nhà đầu tư thiếu kinh nghiệm. Chúng tôi không khuyến khích nhà đầu tư tham gia đầu tư khi chưa hiểu rõ sản phẩm và chưa sẵn sàng chấp nhận các rủi ro đầu tư được trình bày dưới đây.

Chúng tôi không cam kết thực hiện điều tra, nghiên cứu liên quan tới tổ chức phát hành (TCPH) chứng khoán cơ sở (CKCS). Chúng tôi không đảm bảo về bất cứ sự nghiên cứu, điều tra nào liên quan tới hoạt động của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Người sở hữu (NSH) CW không nên hiểu sự phát hành CW như một khuyến nghị của chúng tôi liên quan tới CKCS. Ngoài ra, người sở hữu nên lưu ý rằng các công ty hoặc tổ chức có CKCS hoặc các tổ chức liên quan khác không tham gia vào soạn thảo bản cáo bạch này.

1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền

1.1 Rủi ro từ giao dịch của tổ chức phát hành

TCPH luôn có thể mua lại CW trên thị trường và các CW này có thể được nắm giữ hoặc bị hủy hoặc bán lại. TCPH có thể thực hiện các giao dịch để phòng ngừa rủi ro và giao dịch này có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán cơ sở, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến giá CW.

1.2 Rủi ro CW bị hủy niêm yết

Trong trường hợp TCPH bị đình chỉ, tạm ngừng hoạt động, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động, CW sẽ bị hủy niêm yết. Do đó tồn tại rủi ro CW bị hủy trước ngày đáo hạn.

1.3 Rủi ro thanh toán

Nhà đầu tư cần lưu ý rằng, trong quá trình phát hành chứng quyền, mặc dù những tiêu chuẩn khắt khe về khả năng thanh toán phải luôn được chấp hành bởi tổ chức phát hành, luôn tồn tại rủi ro tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán và không thể thực hiện quyền cho nhà đầu tư. Trong trường hợp tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán hoặc không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền được thực hiện theo quy định pháp luật liên quan.

1.4 Rủi ro từ việc thực hiện sự tự chủ của tổ chức phát hành

Người sở hữu CW nên lưu ý rằng chúng tôi có quyền tự chủ trong các hoạt động kinh doanh phù hợp với điều khoản trong Bản cáo bạch này, và có thể ảnh hưởng đến giá CW. Trong các sự kiện bị mua lại hoặc thay đổi cấu trúc doanh nghiệp liên quan tới quyền lợi của người sở hữu CW, chúng tôi có quyền lựa chọn các hoạt động liên quan tới CW mà chúng tôi cho rằng phù hợp. TCPH cam kết sẽ đưa ra các quyết định mang tính cẩn trọng. Nếu các bên liên quan đến các nghĩa vụ với TCPH không thể đảm bảo được các nghĩa vụ của mình thì điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động liên quan tới CW.

1.5 Rủi ro do mâu thuẫn quyền lợi

TCPH tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau có thể gây ra mâu thuẫn quyền lợi với người sở hữu CW. TCPH luôn có thể phát hành và niêm yết các CW khác có khả năng ảnh hưởng đến giá CW này.

1.6 Rủi ro bảo mật thông tin

TCPH cam kết cố gắng hết sức để đảm bảo sự bảo mật của thông tin khách hàng, tuy nhiên TCPH không cam kết có thể cung cấp sự bảo mật hoàn toàn đối với các thông tin này.

2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền

2.1 Rủi ro đầu tư chung

Người sở hữu nên có kiến thức về phương pháp định giá của CW và chỉ nên giao dịch sau khi đã xem xét cẩn trọng. CW là sản phẩm phù hợp với nhà đầu tư hiểu rõ về các rủi ro và các cơ chế giá liên quan. Một khoản đầu tư vào CW không tương đương với một khoản đầu tư vào Tài sản cơ sở (TSCS). Mặc dù lợi nhuận của một khoản đầu tư vào CW liên quan mật thiết tới thay đổi trong giá của TSCS, sự thay đổi của CW đối với sự thay đổi giá TSCS có thể không tương đương. Hệ số đòn bẩy cao của CW có nghĩa rằng người sở hữu sẽ có rủi ro đầu tư cao hơn so với đầu tư cùng giá trị vào TSCS.

2.2 Rủi ro do thời gian đáo hạn của CW

Do CW có thời gian đáo hạn nên giá của CW có thể bị giảm khi đến gần ngày đáo hạn, và mức giảm giá này có thể sẽ khá lớn. Nếu nhà đầu tư nắm giữ CW đến ngày đáo hạn và giá thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng giá thực hiện quyền, thì giá của CW sẽ bằng không, khi đó nhà đầu tư sẽ chịu một khoản lỗ bằng đúng số tiền đã bỏ ra để mua CW. Vì vậy, trước khi quyết định đầu tư vào CW, nhà đầu tư cần nghiên cứu kỹ xu thế biến động giá của chứng khoán cơ sở trong khoảng thời gian còn hiệu lực của CW.

2.3 Rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro do sự thay đổi giá của CW. Sự thay đổi giá của CW phụ thuộc vào nhiều yếu tố như giá của chứng khoán cơ sở, mức độ biến động giá CKCS, thời gian còn hiệu lực của CW, lãi suất, cổ tức của CKCS, trong đó, yếu tố quan trọng nhất chính là giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra giá của CW còn phụ thuộc vào yếu tố cung cầu của thị trường về CW. Mặc dù TCPH thường phát hành khối lượng CW theo khối lượng đã đăng ký với UBCK NN, tuy nhiên, TCPH vẫn có thể tăng khối lượng cung ứng CW thông qua Phương thức phát hành bổ sung CW, miễn là hạn mức phát hành CW đó chưa vượt quá hạn mức phát hành tối đa theo quy định của UBCK NN. Việc phát hành thêm này có thể ảnh hưởng đến giá của CW.

2.4 Rủi ro từ tính đòn bẩy

Đầu tư vào CW chỉ liên quan đến sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở chứ không phải đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở, do đó nhà đầu tư được hưởng lợi từ tính chất đòn bẩy của CW khi có thể nhận được toàn bộ sự thay đổi giá của CKCS trong khi chỉ phải bỏ ra một phần chứ không phải toàn bộ giá của CKCS. Ngoài ra, tỷ lệ thay đổi giá của CW trên thị trường có thể lớn hơn tỷ lệ thay đổi giá của CKCS, vì vậy nhà đầu tư có thể lời nhiều hơn hoặc lỗ nhiều hơn so với việc đầu tư trực tiếp vào CKCS.

2.5 Rủi ro thanh khoản

Là rủi ro xảy ra khi nhà đầu tư không thể bán CW ở mức giá mong muốn do thị trường thiếu thanh khoản đối với CW đó. Thanh khoản của CW phụ thuộc vào cung cầu thị trường và hiệu quả hoạt động tạo lập thị trường của TCPH. Mặc dù TCPH cam kết sẽ thực hiện các công tác tạo lập thị trường và cung cấp thanh khoản cho thị trường CW, TCPH không cam kết thị trường giao dịch của CW sẽ sôi động.

2.6 Rủi ro của chứng quyền kiểu châu Âu

CW kiểu châu Âu chỉ cho phép thực hiện quyền vào ngày đáo hạn. Do đó, giá của CW có thể được giao dịch bằng với mức giá đã được chiết khấu so với giá hợp lý ở thời điểm đáo hạn.

2.7 Chứng quyền đóng vai trò công cụ phòng ngừa rủi ro

Giá CW có thể thay đổi ngược với kỳ vọng của Nhà đầu tư sở hữu CW, do đó CW không đảm bảo sẽ luôn là một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả cho Nhà đầu tư sở hữu CW.

2.8 Không có quyền sở hữu tương tự cổ đông

Nhà đầu tư sở hữu CW không có quyền lợi tương tự cổ đông sở hữu chứng khoán cơ sở bao gồm nhưng không giới hạn quyền tham dự ĐHĐCĐ, nhận cổ tức, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, hoặc các quyền khác phát sinh từ chứng khoán cơ sở.

2.9 Rủi ro về thuế

Khi nắm giữ chứng quyền qua ngày đáo hạn và thực hiện quyền thì thuế thu nhập cá nhân mà nhà đầu tư phải chịu sẽ cao hơn so với thuế thu nhập cá nhân mà nhà đầu tư đóng khi giao dịch bán chứng quyền trước ngày đáo hạn theo Công văn 1468/BTC-CST (xem chi tiết tại mục V.8).

3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở

Một số sự kiện pháp lý xảy ra và phát sinh bao gồm và không giới hạn, phát hành quyền, phát hành cổ phiếu thưởng hoặc phân phối tiền bởi Công ty, chia nhỏ hoặc hợp nhất CKCS hoặc sự kiện tái cấu trúc ảnh hưởng tới Công ty, có thể dẫn đến việc chúng tôi phải điều chỉnh các điều khoản của Chứng quyền. Tuy nhiên, chúng tôi không có nghĩa vụ phải điều chỉnh các điều khoản và điều kiện của Chứng quyền cho mọi sự kiện liên quan tới CKCS. Bất kỳ sự điều chỉnh hoặc các quyết định không điều chỉnh nào đều sẽ có tác động tới giá trị của chứng quyền. Việc điều chỉnh CW sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật. Ngoài ra, một số sự kiện xảy ra (bao gồm chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch) dẫn đến việc chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch theo quy định của pháp luật.

4. Rủi ro về kinh tế

Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là i) tốc độ tăng trưởng kinh tế; ii) tỷ lệ lạm phát và iii) tỷ lệ lãi suất. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh.

4.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế

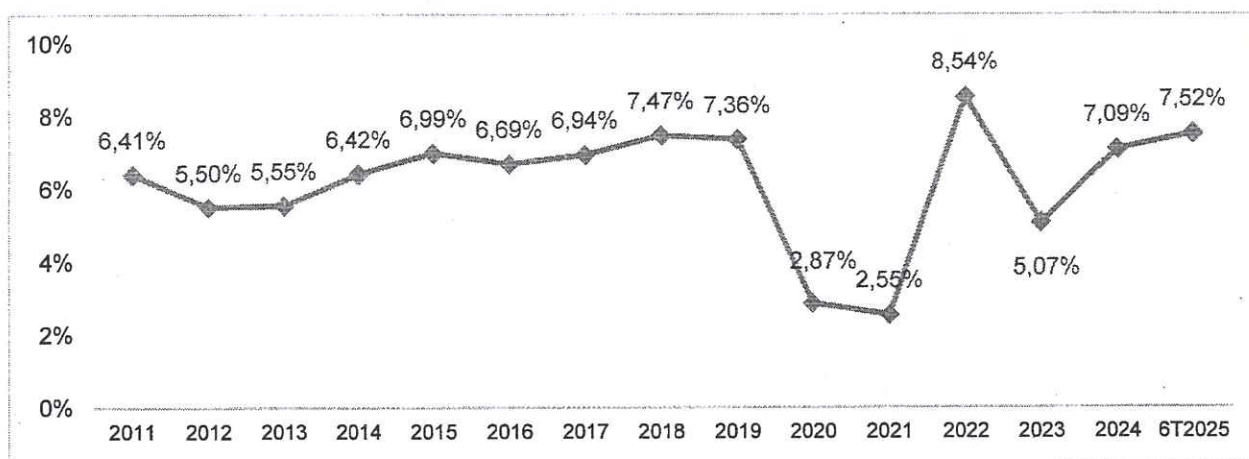
Đây là yếu tố vĩ mô quan trọng nhất ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực của nền kinh tế. Theo Cục Thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong những năm gần đây lần lượt là 2,55%, 8,54%, 5,07% và 7,09% trong các năm 2021, 2022, 2023 và 2024.

Theo số liệu của Cục Thống kê, GDP năm 2020 tăng 2,87% và 2021 chỉ tăng 2,55% khi dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh.

Sang năm 2022 khi các quốc gia triển khai mạnh mẽ chiến lược tiêm chủng vắc-xin phòng Covid-19 đã giúp giảm nhanh số ca lây nhiễm và tử vong. Điều này đã giúp cho nền kinh tế phục hồi trở lại. Theo số liệu từ Cục Thống kê, GDP của Việt Nam năm 2022 tăng trưởng 8,54% so với cùng kỳ năm trước, đây là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Xét tổng quát, tăng trưởng GDP trong cả năm 2022 đánh dấu mức tăng trưởng nhanh nhất kể từ năm 1997 và giúp Việt Nam có thể nằm trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong khu vực Châu Á. Động lực đến từ hầu hết các khu vực kinh tế chính khi nền kinh tế mở cửa hoàn toàn sau Covid-19, cũng như những yếu tố nền tảng đến từ tiêu dùng nội địa và dòng vốn FDI. Tuy nhiên, cũng cần phải lưu ý rằng ngay cả khi tăng trưởng mạnh mẽ vào năm 2022, nền kinh tế vẫn chưa tiến gần đến mức tăng trưởng trung bình trong giai đoạn trước Covid (6,5%/năm), khi tăng trưởng GDP bình quân hàng năm giai đoạn 2020-2022 là ước tính khoảng 4,5%/năm.

GDP năm 2023 tăng 5,07% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng GDP của những năm bùng phát đại dịch COVID-19 (2020-2021) và thấp hơn tốc độ tăng GDP những năm còn lại của giai đoạn 2011-2023. Quy mô GDP của nền kinh tế Việt Nam tính đến cuối năm 2023 ước đạt khoảng 10,22 triệu tỷ đồng. GDP bình quân đầu người năm 2023 theo giá hiện hành ước đạt 101,9 triệu đồng/người, tương đương 4.284 USD, tăng 160 USD so với năm 2022.

Hình 1: Tăng trưởng GDP qua các năm giai đoạn 2011 – 6 tháng năm 2025



Nguồn: GSO

Theo Cục Thống kê, GDP năm 2024 tăng 7,09% so với năm 2023. Quy mô GDP của nền kinh tế Việt Nam tính đến cuối năm 2024 ước đạt khoảng 11,51 triệu tỷ đồng. GDP bình quân đầu người năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 113,6 triệu đồng/người, tương đương 4.700 USD, tăng 9,7%

so với năm 2023. Ngành dịch vụ tiếp tục là động lực chính đóng góp vào tăng trưởng GDP của Việt Nam, với tỷ trọng đóng góp lên tới 49,46%. Ngành này tăng trưởng 7,38%, cao hơn mức 6,91% của năm 2023, nhờ vào sự phục hồi mạnh mẽ của nhu cầu nội địa và sự gia tăng lượng khách quốc tế đến Việt Nam. Ngành dịch vụ không chỉ là động lực chính trong năm 2024 mà còn là yếu tố quan trọng giúp nền kinh tế Việt Nam duy trì đà tăng trưởng ổn định.

Trong 7 tháng đầu năm 2025, bức tranh kinh tế toàn cầu đầy phức tạp và khó đoán định. Những căng thẳng địa chính trị, xung đột quân sự lan rộng, cùng các chính sách khó lường từ các nền kinh tế lớn đã gây ra sự bất ổn nghiêm trọng. Trước những thách thức từ bên ngoài, Việt Nam đã thể hiện quyết tâm chính trị mạnh mẽ, tập trung huy động tối đa mọi nguồn lực cho sự phát triển. Nhờ sự lãnh đạo sát sao và nỗ lực đồng lòng của toàn bộ hệ thống chính trị, kinh tế - xã hội Việt Nam đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Theo đó, GDP 6 tháng đầu năm 2025 tăng 7,52% so với cùng kỳ năm 2024 ở mức tăng 6,42%, nhờ tiêu dùng nội địa, xuất khẩu và sự phục hồi mạnh mẽ của lĩnh vực sản xuất, dịch vụ.

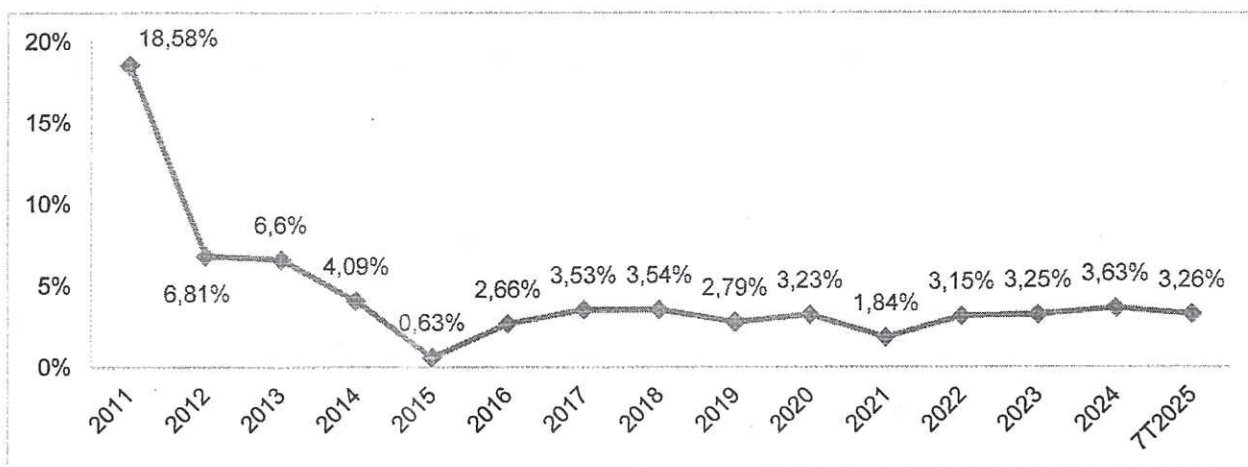
Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán nên Công ty chịu ảnh hưởng bởi biến động của nền kinh tế. Trước những tác động khó lường của nền kinh tế, Công ty đã thực hiện xem xét một cách thận trọng trong việc lên chiến lược phát triển của mình trên cơ sở hạn chế tối đa những tác động tiêu cực đồng thời tận dụng lợi ích từ các chính sách ban hành, nhằm đảm bảo tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận mà Công ty đề ra.

4.2 Lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có thể tác động đến mọi chủ thể trong nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Lạm phát tăng cao hoặc siêu lạm phát sẽ khiến giá nguyên vật liệu đầu vào và đầu ra biến động không ngừng, gây ra sự ổn định giả tạo của quá trình sản xuất và ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như tình hình tài chính của các doanh nghiệp. Ngược lại, nếu lạm phát quá thấp (1,8% năm 2014) kéo dài cộng thêm thâm hụt ngân sách liên tiếp có thể làm cho tăng trưởng kinh tế phục hồi chậm, thậm chí dễ dẫn đến trì trệ, tiêu thụ sản phẩm gặp khó khăn rất dễ dẫn tới suy thoái kinh tế.

Theo số liệu của Cục Thống kê, CPI năm 2023 tăng 3,25% so với năm 2022, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. CPI có xu hướng giảm dần trong nửa năm đầu và tăng trở lại từ tháng 7 trở đi. Nguyên nhân chủ yếu đến từ chỉ số giá tại các nhóm ngành tăng cao như nhóm Giáo dục tăng 7,44% do một số địa phương tăng học phí năm 2023-2024 theo lộ trình của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; chỉ số giá nhóm Nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 6,58%, do giá xi măng, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào, cùng với đo giá thuê nhà ở tăng cao, chỉ số giá nhóm lương thực tăng 6,85%. Ngoài ra, chỉ số giá nhóm điện sinh hoạt năm 2023 tăng 4,86% do nhu cầu sử dụng điện tăng cùng với sự điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam và chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác cũng tăng 4,65%.

Hình 2: CPI của Việt Nam giai đoạn 2011 – 7 tháng năm 2025



Nguồn: GSO

Sang năm 2024, CPI tăng trung bình 3,63% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản năm 2024 tăng 2,71% so với năm 2023, thấp hơn mức tăng CPI bình quân chung (3,63%), chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Bước sang 7 tháng đầu năm 2025, chỉ số giá tiêu dùng trung bình tăng 3,26% so với cùng kỳ năm 2024. Các yếu tố tác động làm tăng CPI 7 tháng đầu năm 2025 chủ yếu từ bốn yếu tố chính. Yếu tố đầu tiên là chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng cao nhất với 12,81%, làm CPI chung tăng 0,69 điểm phần trăm do giá dịch vụ y tế tăng theo Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế do điều chỉnh lương cơ sở từ 1,8 triệu đồng/tháng lên 2,34 triệu đồng/tháng. Yếu tố thứ hai là nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 7,07%, tác động làm CPI chung tăng 1,33 điểm phần trăm, nguyên nhân chủ yếu do giá thuê nhà. Yếu tố thứ ba là nhóm giáo dục tăng 3,05% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 0,19 điểm phần trăm. Yếu tố cuối cùng là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,92% tác động làm CPI chung tăng 0,98 điểm phần trăm, trong đó giá nhóm lương thực tăng 0,24%; thực phẩm tăng 2,99%; ăn uống ngoài gia đình tăng 3,9%.

Theo Cục Thống kê, để kiểm soát lạm phát năm 2025 đạt được mục tiêu đề ra, cần phải theo dõi chặt chẽ diễn biến giá cả, lạm phát trên thế giới, kịp thời cảnh báo các nguy cơ ảnh hưởng đến giá cả, lạm phát của Việt Nam. Từ đó có các biện pháp ứng phó phù hợp nhằm đảm bảo nguồn cung, bình ổn giá trong nước.

4.3 Lãi suất

Bên cạnh lạm phát, lãi suất có ý nghĩa quan trọng tác động tăng trưởng kinh tế mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật thường xuyên để hoạch định chiến lược đầu tư phù hợp. Đa số doanh nghiệp đều sử dụng vốn vay từ ngân hàng để bổ sung cho hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay hình thành nên chi phí vốn và là chi phí đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh; có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Nếu lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại tăng sẽ khiến cho chi phí đầu vào và giá thành sản phẩm tăng lên, khiến lợi nhuận và khả năng cạnh tranh suy giảm, dẫn đến thua lỗ và thậm chí phá sản. Khi đó, các doanh nghiệp sẽ có xu hướng cắt giảm và thu hẹp quy mô hoạt động. Trong khi đó, cắt giảm lãi suất sẽ là động lực cho

doanh nghiệp giảm chi phí và giá thành, đồng thời tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Hơn thế, lãi suất thấp là động lực cho các doanh nghiệp mở rộng đầu tư và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, kích thích tăng trưởng kinh tế vĩ mô.

Sau 2 lần tăng lãi suất trong năm 2022 thì bước sang năm 2023, bước ngoặt chính sách đã xuất hiện trong chính sách tiền tệ của NHNN. Từ tháng 3/2023 đến tháng 6/2023, NHNN đã điều chỉnh giảm 4 lần các mức lãi suất với mức giảm từ 0,5% đến 2%/năm vào các ngày 15/03/2023, 03/04/2023, 25/05/2023 và 19/06/2023. Cụ thể: (1) Giảm 1,5%/năm lãi suất tái cấp vốn và lãi suất chiết khấu, giảm 2%/năm lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với TCTD; (2) Giảm 0,5% đến 1,25%/năm lãi suất tối đa tiền gửi bằng đồng Việt Nam kỳ hạn dưới 6 tháng; (3) Giảm 1,5%/năm mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế.

Theo thống kê của NHNN, tăng trưởng tín dụng năm 2023 đạt ở mức 13,5%, tăng 15% so với cuối năm 2022, tổng dư nợ tín dụng của nền kinh tế trong năm 2023 đạt gần 13,6 triệu tỷ đồng, theo đó ước tính 1,3 triệu tỷ đồng đã được bơm ra nền kinh tế. Đây là con số tích cực và là kết quả của (1) yếu tố thời vụ, (2) hoạt động kinh tế liên tục được cải thiện nhờ mặt bằng lãi suất thấp hơn, (3) giải ngân cho vay đối với các dự án công và (4) sự nỗ lực điều chỉnh của Thủ tướng, Chính phủ và ngành ngân hàng trong cả năm vừa qua trong việc áp dụng nhiều chính sách nhằm kích thích tăng trưởng tín dụng, đặc biệt các tháng cuối năm 2023.

Theo NHNN, tăng trưởng tín dụng năm 2024 đạt 15,08%, bổ sung khoảng 2,2 triệu tỷ đồng vào nền kinh tế, tương đương với mức tăng trưởng GDP đạt 7,09%. Trong năm 2024, FED đã cho ra quyết định giảm lãi suất 3 lần sau khi tỷ lệ lạm phát giảm của Mỹ về gần bằng mức 2%, giảm từ 5,25% - 5,5% xuống còn 4,25% - 4,5%. Ngoài ra, lãi suất tại Việt Nam cũng có xu hướng điều chỉnh tăng cho tiền gửi kỳ hạn và giảm đối với tín dụng, ghi nhận kết quả tăng trưởng tín dụng đạt 15,03% so với năm 2023. Cụ thể, năm 2024, lãi suất cho vay bình quân đối với những khoản mới ở mức khoảng 6,65%/năm, giảm 0,59%/năm, riêng 4 ngân hàng thương mại có vốn nhà nước giảm khoảng 1% so với cuối năm 2023. Trong năm 2024, NHNN đã chủ động điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và kiểm soát lạm phát. Các chính sách chủ yếu bao gồm: (1) điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng: NHNN đã thực hiện hai lần điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho các TCTD vào ngày 28/8/2024 và ngày 28/11/2024, nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế và hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh; (2) điều hành lãi suất: NHNN tiếp tục duy trì lãi suất điều hành ở mức thấp để định hướng thị trường giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng; (3) ưu tiên tín dụng cho sản xuất, kinh doanh và lĩnh vực ưu tiên: Tín dụng được tập trung vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và các ngành ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ, nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững; và (4) hỗ trợ doanh nghiệp và người dân gặp khó khăn: NHNN đã yêu cầu các TCTD hỗ trợ doanh nghiệp và người dân gặp khó khăn do ảnh hưởng của thiên tai, như cơn bão số 3, thông qua các chương trình tín dụng ưu đãi và hỗ trợ thanh khoản. Mặt khác, lãi suất tiền gửi bình quân đối với những khoản mới là 4,03%/năm, tăng 0,71%/năm. Sự điều chỉnh trên cũng cho thấy các tổ chức tín dụng đã nỗ lực hợp tác hỗ trợ các doanh nghiệp nội địa, đem về nhiều kết quả khả quan về thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước. Tuy nhiên, sau phiên họp đánh giá lại thị trường vào tháng 12/2024, với tình hình lãi suất thực ngày càng cao, FED đã gia tăng kỳ vọng về tăng trưởng và tăng mức lạm phát kỳ vọng khiến cho lãi suất danh nghĩa cũng tăng theo, làm chậm quá trình cắt giảm lãi suất toàn cầu.

Bước sang 7 tháng đầu năm 2025, NHNN tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành nhằm tạo điều kiện cho các TCTD tiếp cận nguồn vốn với chi phí thấp, qua đó hỗ trợ nền kinh tế. Tại thời điểm tháng 6/2025, lãi suất tiền gửi bình quân bằng đồng Việt Nam của ngân hàng thương mại (NHTM) trong nước ở mức 0,1%-0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 3,2%-4,0%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 4,5%-5,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng; 4,8%-6,1%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ trên 12 tháng đến 24 tháng và 6,8%-7,1%/năm đối với kỳ hạn trên 24 tháng. Lãi suất cho vay bình quân của NHTM trong nước đối với các khoản cho vay mới và cũ còn dư nợ ở mức 6,5%-8,8%/năm. Lãi suất cho vay ngắn hạn bình quân bằng đồng Việt Nam đối với lĩnh vực ưu tiên khoảng 3,9%/năm, thấp hơn mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa theo quy định của NHNN (4,0%/năm).

5. Rủi ro về pháp luật

Rủi ro về pháp luật là rủi ro phát sinh từ việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Hoạt động kinh doanh của công ty bị chi phối chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán. Hiện nay, hệ thống pháp luật của Việt Nam vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên tính ổn định chưa cao, các quy định còn mới đối với doanh nghiệp và có thể phát sinh bất cập. Các sửa đổi, bổ sung được thay đổi khá thường xuyên, ít nhiều có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Chính vì vậy, để hạn chế tối đa rủi ro về pháp luật, Công ty luôn chú trọng cập nhật hệ thống pháp luật; nghiên cứu, phân tích và dự báo về sự thay đổi của pháp luật; đồng thời phối hợp với phòng Pháp chế triển khai tập huấn, phổ biến kiến thức pháp luật cho cán bộ công nhân viên Công ty.

6. Rủi ro về thị trường và thị trường ngừng giao dịch

Trong trường hợp giao dịch có liên quan kết thúc sớm, sự gián đoạn hay tạm ngừng giao dịch ("Các sự kiện gián đoạn thị trường") hoặc thay đổi luật áp dụng, ngăn ngừa rủi ro gián đoạn, tăng chi phí ngăn ngừa rủi ro, sự phá sản của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở hoặc một sự kiện tiền tệ ("Sự kiện gián đoạn bổ sung"), trì hoãn hoặc điều chỉnh định giá trong trường hợp xảy ra sự kiện gián đoạn thị trường hoặc điều chỉnh kỳ hạn (nếu có sự đồng ý với chủ sở hữu chứng quyền) hoặc chấm dứt chứng quyền trong trường hợp sự kiện gián đoạn bổ sung đối với các chứng quyền đó có thể có ảnh hưởng bất lợi đến giá trị của chứng quyền đó và/hoặc số tiền mua lại cuối cùng.

7. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, hoạt động của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của thiên tai như động đất, dịch bệnh, lũ lụt... mà khi xảy ra có thể gây thiệt hại đến tài sản cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

- | | |
|------------------------------|-------------------------------------|
| ▪ Bà: Nguyễn Thanh Phương | Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| ▪ Ông: Tô Hải | Chức vụ: Tổng Giám đốc |
| ▪ Ông: Đoàn Trần Phương Thảo | Chức vụ: Kế toán trưởng |
| ▪ Bà: Mai Thị Thanh Trang | Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

Chúng tôi có thể cập nhật hoặc sửa đổi bản cáo bạch này trong quá trình phát hành chứng quyền để đảm bảo đúng các quy định được ban hành. Bất kỳ sự cập nhật bổ sung nào sẽ được công bố thông tin tại SGDCK.

2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, tổ chức tư vấn

Không có

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

Các khái niệm:

- **Chứng quyền có bảo đảm** (sau đây gọi tắt là chứng quyền, hoặc là CW) là hợp đồng giữa nhà đầu tư và tổ chức phát hành chứng quyền được định nghĩa theo khoản 6 Điều 4 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019.
- **Chứng khoán cơ sở** là chứng khoán được sử dụng làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
- **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở** là tổ chức phát hành chứng khoán làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
- **Tổ chức phát hành chứng quyền** (sau đây gọi tắt là tổ chức phát hành) là công ty chứng khoán phát hành chứng quyền.
- **Ngân hàng lưu ký** là ngân hàng thực hiện việc lưu ký, giám sát tài sản do tổ chức phát hành chứng quyền ký quỹ để bảo đảm thanh toán cho các chứng quyền đã phát hành và không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.
- **Người sở hữu chứng quyền** là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của tổ chức phát hành và không phải là tổ chức phát hành chứng quyền.
- **Chứng quyền kiểu châu Âu** là chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
- **Giá thực hiện** là mức giá mà người sở hữu chứng quyền có quyền mua (đối với chứng quyền mua) được tổ chức phát hành dùng để xác định khoản thanh toán cho người sở hữu chứng quyền.
- **Tỷ lệ chuyển đổi** là số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở.
- **Ngày đáo hạn** là ngày cuối cùng mà người sở hữu chứng quyền được thực hiện chứng quyền.
- **Chứng quyền đang lưu hành** là chứng quyền chưa đáo hạn và đang được nắm giữ bởi người sở hữu chứng quyền.
- **Chứng quyền chưa lưu hành** là chứng quyền đã phát hành nhưng chưa được sở hữu bởi nhà đầu tư. Chứng quyền chưa lưu hành được lưu ký trên tài khoản của tổ chức phát hành.
- **Chứng quyền có lãi (ITM)** là chứng quyền mua có giá thực hiện (chỉ số thực hiện) thấp hơn giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở.
- **Chứng quyền lỗ (OTM)** là chứng quyền mua có giá thực hiện cao hơn giá của chứng khoán cơ sở.
- **Chứng quyền hòa vốn (ATM)** là chứng quyền mua có giá thực hiện bằng giá của chứng khoán cơ sở.
- **Vị thế mở** chứng quyền của tổ chức phát hành bao gồm tất cả các chứng quyền đang lưu hành chưa được thực hiện.
- **Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết** là vị thế được tính toán căn cứ trên phương án phòng ngừa rủi ro đã được tổ chức phát hành nêu trong Bản cáo bạch.
- **Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế** là vị thế được tính toán căn cứ trên vị thế thực tế có trong tài khoản phòng ngừa rủi ro của tổ chức phát hành.

- **Giá thanh toán chứng quyền khi thực hiện quyền** là bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch gần nhất, không bao gồm ngày đáo hạn.
- **Delta** là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi rất nhỏ trong giá chứng khoán cơ sở.

Công thức:

$$\text{Delta} = (\text{Mức độ thay đổi giá chứng quyền}) / (\text{Mức độ thay đổi giá chứng khoán cơ sở})$$

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

▪ Bản cáo bạch	Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán
▪ Cổ phiếu	Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
▪ Công ty	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
▪ Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
▪ Điều lệ	Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap thông qua
▪ Luật Chứng Khoán	Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
▪ Luật Doanh Nghiệp	Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
▪ Người có liên quan	Là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây: Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty; Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty; Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp; Người quản lý doanh nghiệp; Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia; Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát; Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;

Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.

▪ Room nước ngoài	Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài
▪ Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
▪ VIETCAP	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
▪ Vốn điều lệ	Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

▪ BCTC	Báo cáo tài chính
▪ BKS	Ban Kiểm soát
▪ CAGR	Tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm (Compound Annual Growth Rate)
▪ CKCS	Chứng khoán cơ sở
▪ CNTT / IT	Công nghệ thông tin
▪ CP	Cổ phần
▪ CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
▪ CPLH	Cổ phiếu lưu hành
▪ Chỉ số P/E	Price/ Earnings: là chỉ số giá trị thị trường trên thu nhập của mỗi cổ phiếu
▪ Chỉ số P/B	Price to Book: là tỷ lệ được sử dụng để so sánh giá của một cổ phiếu so với giá trị ghi sổ của cổ phiếu đó
▪ CW	Covered Warrants
▪ DMA	Truy nhập thị trường trực tiếp (Direct Market Access)
▪ DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
▪ DTT	Doanh thu thuần
▪ ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
▪ ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
▪ EPS	Earnings Per Share: là lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu $EPS = (Lợi\ nhuận\ ròng - Cổ\ tức\ cổ\ phiếu\ ưu\ đãi) / Lượng\ cổ\ phiếu\ bình\ quân\ đang\ lưu\ thông$
▪ FED	Cục Dự trữ Liên bang Mỹ

▪ FDI	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Foreign Direct Investment)
▪ FIX	Chuẩn kết nối FIX (Financial Information eXchange)
▪ GCN/ Giấy CN	Giấy chứng nhận
▪ GDP	Tổng thu nhập quốc nội
▪ GSO	Cục Thống kê
▪ GTGT	Thuế giá trị gia tăng
▪ GTSS	Giá trị sổ sách
▪ HĐ	Hợp đồng
▪ HĐQT	Hội đồng Quản trị
▪ HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
▪ HSX	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
▪ IB	Ngân hàng đầu tư (Investment Banking)
▪ IPO	Chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng
▪ ISB	Môi giới khách hàng tổ chức (Institutional Sales Brokerage)
▪ KTT	Kế toán trưởng
▪ LB	Môi giới trong nước (Local Brokerage)
▪ LN	Lợi nhuận
▪ LNST	Lợi nhuận sau thuế
▪ LNTT	Lợi nhuận trước thuế
▪ M&A	Mua bán & Sáp nhập (Merger & Acquisition)
▪ NHNN	Ngân hàng nhà nước
▪ NSH	Người sở hữu
▪ OTC	Thị trường phi tập trung (Over the counter)
▪ ROA	Hệ số LNST / Tổng tài sản bình quân
▪ ROE	Tỷ lệ LNST / Vốn chủ sở hữu bình quân
▪ STP	Cổng giao dịch trực tuyến (Straight-through Processing)
▪ TCPH	Tổ chức phát hành
▪ TCTD	Tổ chức tín dụng
▪ TNCN	(thuế) Thu nhập cá nhân

▪ TNDN	(thuế) Thu nhập doanh nghiệp
▪ TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
▪ TPP	Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (Trans Pacific Partnership)
▪ TSCĐ	Tài sản cố định
▪ TSCS	Tài sản cơ sở
▪ TTCK	Thị trường chứng khoán
▪ UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
▪ UBND	Ủy ban nhân dân
▪ USD	Đô la Mỹ (U.S.Dollar)
▪ VCAM	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
▪ VĐL	Vốn điều lệ
▪ Vốn CSH	Vốn chủ sở hữu
▪ VND	Đồng Việt Nam
▪ VSDC	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

- GDP: Theo Cục Thống kê, GDP năm 2024 tăng 7,09% so với năm trước, với ngành dịch vụ tiếp tục là động lực chính đóng góp vào tăng trưởng GDP của Việt Nam, với tỷ trọng đóng góp lên tới 49,46%, nhờ vào sự phục hồi mạnh mẽ của nhu cầu nội địa và sự gia tăng lượng khách quốc tế đến Việt Nam. Sang năm 2025, Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2025 đạt từ 8,0% trở lên. Mục tiêu này dựa trên kỳ vọng tăng trưởng xuất khẩu, thu hút đầu tư, tiêu dùng nội địa và cải cách môi trường kinh doanh.

Trong 6 tháng đầu năm 2025, GDP của Việt Nam tăng 7,52% so với cùng kỳ năm trước, đây là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2025. Kết quả này cho thấy sự bền bỉ và khả năng chống chịu mạnh mẽ của nền kinh tế trước những biến động toàn cầu. Tăng trưởng GDP được đóng góp bởi ba khu vực chính: nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,84%, đóng góp 5,59%; công nghiệp và xây dựng tăng 8,33%, đóng góp 42,20%; dịch vụ tăng 8,14%, đóng góp lớn nhất với 52,21%.

Sản xuất công nghiệp tiếp tục giữ vai trò động lực tăng trưởng, với chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 9,2% so với mức 8,0% cùng kỳ năm trước. Đặc biệt, ngành chế biến, chế tạo đạt mức tăng mạnh mẽ 11,1% (cùng kỳ năm 2024 tăng 8,9%), khẳng định vị thế quan trọng và tiềm năng phát triển của lĩnh vực công nghiệp.

Theo dự báo của Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh tại Anh (CEBR), kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng trung bình 5,8%/năm trong giai đoạn 2025-2029 và 5,6%/năm trong giai đoạn 2030-2039. Với đà phát triển này, Việt Nam được kỳ vọng sẽ vươn lên vị trí thứ 25 thế giới về quy mô kinh tế vào năm 2039.

- Lạm phát: Theo Cục Thống kê, trong năm 2024, CPI trung bình tăng 3,63% so với cùng kỳ năm trước. Điều này nhờ vào chính sách tiền tệ linh hoạt, nguồn cung hàng hóa ổn định, và diễn biến tích cực của giá xăng dầu thế giới, giúp kiểm soát lạm phát. Tuy nhiên, giá lương thực, thực phẩm, đặc biệt là gạo, tăng mạnh do nhu cầu xuất khẩu cao, góp phần đẩy CPI lên. Ngoài ra, giá dịch vụ giáo dục và y tế cũng tăng lần lượt 5,37% và 7,16% do việc điều chỉnh học phí và viện phí tại một số địa phương. Bên cạnh đó, giá điện, nước và vật liệu xây dựng tăng theo chi phí đầu vào, tác động đáng kể đến chi tiêu của người dân.

Trong 7 tháng đầu năm 2025, lạm phát cơ bản tăng 3,18% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng bình quân chung của CPI (3,26%). Nguyên nhân chính là do các yếu tố như giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt và dịch vụ y tế - những mặt hàng này tuy tác động làm tăng CPI nhưng lại không nằm trong danh mục tính lạm phát cơ bản. Nhìn chung, lạm phát trung bình 7 tháng đầu năm 2025 vẫn được kiểm soát ở mức hợp lý thấp hơn mức mục tiêu 4,5% rất nhiều. Tuy nhiên, dự báo, áp lực lạm phát trong thời gian tới vẫn rất đáng kể. Trong ngắn hạn và trung hạn, lạm phát toàn cầu có thể tiếp tục chịu nhiều áp lực, dù mức tăng đã thấp hơn so với giai đoạn cao điểm 2022-2023.

Trước tình hình này, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã tập trung chỉ đạo các giải pháp duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm cân đối lớn của nền kinh tế. Tại Hội nghị Chính phủ với các địa phương, Thủ tướng đã giao Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính phối hợp chặt chẽ để điều hành chính sách tiền tệ một cách chủ động, linh hoạt, hiệu quả, kết hợp hài hòa với chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm và trọng điểm.

- FDI: Theo Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tính đến hết năm 2024, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 38,23 tỷ USD, giảm 3% so với năm 2023. Có 3.375 dự án được cấp phép mới, với tổng vốn đăng ký hơn 19,7 tỷ USD (giảm 7,6%), 1.539 lượt dự án điều chỉnh vốn với tổng vốn tăng thêm gần 14 tỷ USD (tăng 50,4%), và 3.502 giao dịch giao dịch góp vốn mua cổ phần với giá trị gần 4,54 tỷ USD (giảm 48,1%). Đối với giá trị góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài vào các ngành kinh tế chủ lực, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với 25,58 tỷ USD (chiếm 66,9% tổng vốn đăng ký), theo sau là bất động sản với 6,31 tỷ USD (chiếm 16,5%), tăng 18,8%. Bán buôn, bán lẻ dẫn đầu về số dự án mới (chiếm 34,7%) và giao dịch góp vốn mua cổ phần (chiếm 40,9%), trong khi chế biến, chế tạo dẫn đầu về lượt dự án điều chỉnh vốn (chiếm 63,8%).

Đã có 114 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư tại Việt Nam, trong đó Singapore đứng đầu với 10,21 tỷ USD (chiếm 26,7%), tăng 31,4%. Hàn Quốc đứng thứ hai với 7,06 tỷ USD (chiếm 18,5%), tăng 37,5%, tiếp theo là Trung Quốc, Hồng Kông và Nhật Bản. Trung Quốc dẫn đầu về số dự án đầu tư mới (chiếm 28,3%), Hàn Quốc dẫn đầu về lượt điều chỉnh vốn (chiếm 22,8%) và giao dịch góp vốn mua cổ phần (chiếm 25,2%). Bắc Ninh dẫn đầu các địa phương với 5,12 tỷ USD (chiếm 13,4%), tăng gấp 2,8 lần cùng kỳ, tiếp theo là Hải Phòng (4,94 tỷ USD, tăng 42,4%) và TP. Hồ Chí Minh (3,04 tỷ USD, giảm 49,4%). TP. Hồ Chí Minh dẫn đầu về số dự án mới (chiếm 42%), lượt điều chỉnh vốn (15,4%) và góp vốn mua cổ phần (69%).

Trong năm 2024, các dự án đầu tư nước ngoài ước giải ngân khoảng 25,35 tỷ USD (tăng 9,4%), xuất khẩu (kể cả dầu thô) đạt 290,9 tỷ USD (tăng 12,3%), chiếm 71,7% kim ngạch xuất khẩu cả nước. Nhập khẩu của khu vực đầu tư nước ngoài đạt 241,6 tỷ USD (tăng 15,1%), chiếm 63,2% kim ngạch nhập khẩu cả nước. Khu vực đầu tư nước ngoài xuất siêu gần 50,3 tỷ USD (kể cả dầu thô), trong khi khu vực doanh nghiệp trong nước nhập siêu hơn 25,5 tỷ USD.

Theo Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tính đến ngày 31/7/2025, vốn FDI thực hiện đạt 13,6 tỷ USD, tăng 8,4% so với cùng kỳ và là mức cao nhất của 7 tháng đầu năm trong giai đoạn 2021-2025. Tổng vốn đăng ký mới, điều chỉnh vốn và góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 24,09 tỷ USD, tăng 27,3% so với cùng kỳ năm 2024. Cụ thể, có 2.254 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 10,03 tỷ USD, tăng 15,2% so với cùng kỳ năm trước về số dự án.

Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo được cấp phép mới đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký đạt 5,61 tỷ USD, chiếm 55,9% tổng vốn đăng ký cấp mới; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 2,36 tỷ USD, chiếm 23,5%; các ngành còn lại đạt 2,06 tỷ USD, chiếm 20,6%.

Xét về vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam, trong 7 tháng đầu năm 2025, Singapore là nhà đầu tư lớn nhất với 2,84 tỷ USD, chiếm 28,3% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Trung Quốc 2,27 tỷ USD, chiếm 22,6%; Thụy Điển 1,0 tỷ USD, chiếm 10,0%; Nhật Bản 865,8 triệu USD, chiếm 8,6%; Đài Loan 735,0 triệu USD, chiếm 7,3%; Đặc khu hành chính Hồng Kông (Trung Quốc) 721,2 triệu USD, chiếm 7,2%; Quần đảo Virgin thuộc Anh 317,1 triệu USD, chiếm 3,2%. Ngoài ra, 920 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư tăng thêm 9,99 tỷ USD, tăng 95,3% so với cùng kỳ năm trước.

- Thương mại: Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2024 đạt 786,9 tỷ USD, tăng 15,5% so với năm 2023 (tương ứng 681,3 tỷ USD), trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt 405,9 tỷ USD, tăng 14,4%, và nhập khẩu đạt 381,0 tỷ USD, tăng 16,7%. Đặc biệt,

cán cân thương mại tiếp tục xuất siêu 24,9 tỷ USD, đánh dấu năm thứ 9 liên tiếp xuất siêu. Sự tăng trưởng xuất khẩu được thúc đẩy bởi các mặt hàng chủ lực như điện tử, điện thoại, máy móc, dệt may, giày dép và gỗ. Đáng chú ý, ngành điện tử, máy tính và linh kiện đã bứt phá mạnh mẽ, trở thành mặt hàng xuất khẩu chủ lực, đạt kim ngạch 72,6 tỷ USD, tăng 26,6% so với năm 2023. Xuất khẩu nông sản cũng ghi nhận nhiều kết quả tích cực, đặc biệt là gạo, cà phê, hạt điều và trái cây.

Ngoài ra, thị trường xuất khẩu mở rộng sang các khu vực mới như châu Phi, Nam Mỹ, bên cạnh các thị trường lớn như Mỹ, EU và Trung Quốc. Việt Nam cũng tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do (FTA) như EVFTA, CPTPP và RCEP để thúc đẩy thương mại. Những kết quả đạt được trong năm 2024 đã đưa Việt Nam vào nhóm 20 nền kinh tế có quy mô thương mại lớn nhất thế giới, đồng thời tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển trong năm 2025.

Mặc dù đạt được nhiều thành tựu, hoạt động xuất nhập khẩu năm 2024 vẫn còn một số hạn chế. Nhu cầu từ các thị trường lớn suy giảm do suy thoái kinh tế toàn cầu, đặc biệt là sự sụt giảm xuất khẩu sang Trung Quốc. Việc phụ thuộc vào một số mặt hàng chủ lực và khó khăn trong cải thiện hạ tầng logistics cũng là những thách thức cần được giải quyết. Xuất khẩu nông sản và thủy sản cũng gặp khó khăn do biến động giá cả và yêu cầu khắt khe từ các thị trường nhập khẩu.

Trong 7 tháng đầu năm 2025, theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt 514,7 tỷ USD, tăng 16,3% so với cùng kỳ năm trước, tương ứng tăng 72,3 tỷ USD, tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng của thương mại quốc tế đối với nền kinh tế. Trong đó, trị giá xuất khẩu đạt 262,5 tỷ USD (tăng 14,8%, tương ứng tăng 33,9 tỷ USD so với cùng kỳ năm trước) và trị giá nhập khẩu đạt 252,3 tỷ USD (tăng 17,9%, tương ứng tăng 38,4 tỷ USD so với cùng kỳ năm trước). Xét về số tương đối, trong 7 tháng/2025, có 30/45 nhóm hàng tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, có 4 nhóm hàng trị giá xuất khẩu tăng cao trên 30% so với cùng kỳ năm trước là đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận tăng 117,6%; cà phê tăng 64,9%; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 41,9% và sản phẩm từ sắt thép tăng 30,2%. Bên cạnh đó, có 2 nhóm hàng trị giá xuất khẩu lại giảm mạnh trên 30% so với cùng kỳ năm trước là xăng dầu các loại giảm 53,1% và dầu thô giảm 36%.

- Tỷ giá: Theo Ngân hàng Nhà nước (NHNN hoặc SBV), tỷ giá trung tâm bình quân năm 2024 ổn định ở mức 24.170,4 VND/USD, tăng 1,6% so với bình quân năm 2023, nhờ việc điều hành tỷ giá của NHNN phù hợp, can thiệp ngoại tệ linh hoạt, hạn chế áp lực biến động bất thường với tỷ giá thị trường. Tính đến cuối năm 2024, tỷ giá trung tâm đạt 24.335 VND/USD, giá bán USD tại ngân hàng thương mại leo lên mức cao kỷ lục 25.551 VND/USD, trong khi trên thị trường tự do, giá USD chạm ngưỡng 25.850 VND/USD.

Mặc dù thị trường ngoại hối có nhiều biến động, NHNN đã linh hoạt điều hành, giữ biên độ tỷ giá trong khoảng +/-5%, đảm bảo nguồn cung ngoại tệ và ổn định kinh tế vĩ mô.

Đến ngày 31/7/2025, tỷ giá trung tâm ở mức 25.240 VND/USD, tăng 3,71% so với thời điểm cuối năm 2024. Tỷ giá niêm yết mua - bán của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương ở mức 26.020-26.380 VND/USD, tăng 3,04%-3,24% so với cuối năm 2024 ở mức 25.251-25.551 VND/USD. Ngoài ra, việc thu hút hơn 13,6 tỷ USD vốn FDI trong 7 tháng đầu năm đã thúc đẩy hoạt động xuất khẩu, từ đó gia tăng nguồn cung ngoại tệ, góp phần làm dịu áp lực tỷ giá trong trung hạn.

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

2.1 Triển vọng của thị trường chứng khoán Việt Nam

- Tính đến ngày 31/12/2024, chỉ số VNIndex đạt 1.266,78 điểm tăng 1,3% so với cuối tháng trước và tăng 12,1% so với cuối năm trước. Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu năm 2024 đạt 7.173,3 nghìn tỷ đồng tăng 20,8% so với năm 2023. Tỷ lệ vốn hóa thị trường so với tổng sản phẩm trong nước đạt 62,31%. Số lượng tài khoản chứng khoán tăng mạnh, đạt 9,2 triệu, vượt xa mục tiêu 5% dân số được đặt ra trong Đề án Cơ cấu lại thị trường chứng khoán đến năm 2025.

Trong năm 2024, thị trường chứng khoán đã có những bước tiến lớn về chính sách đã góp phần cải thiện chất lượng và thu hút dòng vốn quốc tế. Thông tư 68/2024/TT-BTC được ban hành, quy định về việc ký quỹ trước khi giao dịch của nhà đầu tư tổ chức nước ngoài và yêu cầu minh bạch thông tin, giúp thị trường Việt Nam đáp ứng các tiêu chí nâng hạng theo tiêu chuẩn của FTSE Russell. Bên cạnh đó, Luật Chứng khoán sửa đổi được Quốc hội thông qua vừa bổ sung các quy định về cơ chế thanh toán bù trừ trung tâm, vừa tăng cường các biện pháp bảo vệ nhà đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để thị trường hoạt động hiệu quả và minh bạch hơn.

- Bước sang nửa đầu năm 2025, thị trường có những biến động, đặc biệt trong nửa đầu tháng 4/2025 khi Hoa Kỳ công bố áp thuế đối ứng tối đa 46% đối với Việt Nam. Chỉ số VN-Index đến cuối quý II/2025 mới được cải thiện nhờ nền kinh tế dần hồi phục.

Ngoài ra, hệ thống KRX chính thức vận hành từ 05/05/2025 trên HOSE, HNX, VSDC. Với nhiều tính năng mới được tích hợp, đây là một bước tiến mới cho thị trường chứng khoán Việt Nam, đáp ứng tốt hơn nhu cầu phát triển và phục vụ tốt hơn doanh nghiệp, nhà đầu tư, là cơ hội để triển khai các sản phẩm mới, cũng như hướng tới mục tiêu nâng hạng thị trường.

Bên cạnh đó, khung pháp lý cũng đã có những thay đổi quan trọng trong năm nay, tạo nền tảng hỗ trợ tiến trình nâng hạng. Luật Chứng khoán sửa đổi đã chính thức có hiệu lực từ ngày 1/1/2025, cùng với việc Ngân hàng Nhà nước ban hành 03/2025/TT-NHNN có hiệu lực ngày 16/6/2025 cho phép nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản bằng đồng Việt Nam và đơn giản hóa thủ tục đối với dòng vốn đầu tư gián tiếp. Cùng với đó, các chính sách hỗ trợ kinh tế tư nhân theo Nghị quyết 198/2025/QH15, cùng với các cải cách liên quan đến quản lý dòng vốn và đầu tư gián tiếp, được kỳ vọng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình nâng hạng thị trường.

Trên thị trường cổ phiếu, tính đến ngày 31/07/2025, chỉ số VNIndex đạt 1.502,52 điểm, tăng 18,6% so với cuối năm 2024 ở mức 1.266,78 điểm; mức vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt 6.484,9 nghìn tỷ đồng, tăng 24,5% so với mức 5.207,9 nghìn tỷ đồng.

Những kết quả này được hỗ trợ bởi nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định, các chính sách tiền tệ và tài khóa linh hoạt như giữ lãi suất ở mức thấp, đẩy mạnh giải ngân đầu tư công, kích thích tiêu dùng, và cải cách thủ tục hành chính.

Với những nền tảng tích cực này, thị trường chứng khoán Việt Nam đang trên đà hướng tới mục tiêu nâng hạng lên thị trường mới nổi, đồng thời tiếp tục khẳng định vai trò là kênh huy động vốn quan trọng cho sự phát triển kinh tế trung và dài hạn.

2.2 Cơ hội đầu tư ở Việt Nam

- Trong năm 2025, kinh tế toàn cầu chưa hồi phục mạnh mẽ. Các nền kinh tế lớn như Trung Quốc, Mỹ, và EU đều có những thách thức riêng. Xung đột thương mại, chính sách thuế quan

của Mỹ, và căng thẳng địa chính trị giữa các nước lớn, sẽ tạo ra các thách thức cho Việt Nam trong thời gian tới.

- Để vượt qua những khó khăn, thử thách từ tình hình thế giới, Chính phủ tập trung thực hiện các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giữ vững ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm cân đối, tạo cơ hội và dư địa tăng trưởng kinh tế tốt trong 2025 và tương lai. Trong đó, ngành công nghiệp được kỳ vọng tăng trưởng 7-9%, nông nghiệp tiếp tục phục hồi nhờ FTA và ứng dụng công nghệ cao, còn khu vực dịch vụ tăng tốc nhờ xuất khẩu, du lịch và tiêu dung nội địa.
- Trong năm 2025, các nhóm ngành có đóng góp lớn vào vốn hóa thị trường được kỳ vọng đến từ nhóm Ngân hàng, Tiêu dùng, Bất động sản Nhà ở và Vật liệu Xây dựng.
- Ngành Ngân hàng được dự báo tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống năm 2025 ở mức cao 15,4%, được thúc đẩy bởi đà tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ và môi trường lãi suất thấp. Nhu cầu tín dụng từ khối doanh nghiệp sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao, đồng thời dự báo cho vay bán lẻ, bao gồm cho vay mua nhà, sẽ tiếp tục phục hồi. Bên cạnh đó, chất lượng tài sản được kỳ vọng sẽ duy trì ổn định năm 2025 nhờ hoạt động kinh tế cải thiện trong môi trường lãi suất thấp, thị trường bất động sản tiếp tục phục hồi và hành lang pháp lý liên quan đến xử lý nợ xấu được cải thiện với việc luật hóa Nghị quyết 42. Định giá các ngân hàng tư nhân được đánh giá vẫn hấp dẫn so với triển vọng tăng trưởng lợi nhuận và ROE.
- Ngành Tiêu dùng được dự báo sẽ duy trì tốc độ tăng trưởng bền vững trong dài hạn, được thúc đẩy bởi nỗ lực của Việt Nam trong việc chống hàng giả và siết chặt thuế cùng với xu hướng nhân khẩu học thuận lợi duy trì lâu dài. Bên cạnh đó, các biện pháp siết chặt tuân thủ thuế đang giúp tăng lợi thế cạnh tranh cho các doanh nghiệp lớn, so với các hộ kinh doanh cá nhân, và tăng cường vai trò của hiệu quả quy mô trong ngành. Ngoài ra, lợi thế nhân khẩu học trong dài hạn, bao gồm dư địa đô thị hóa lớn và tầng lớp trung lưu ngày càng tăng trưởng sẽ thúc đẩy sự tăng trưởng của kênh bán lẻ hiện đại, xu hướng tiêu dùng cao cấp hóa (premiumization), và chi tiêu cho chăm sóc sức khỏe.
- Đối với ngành Bất động sản Nhà ở lượng giao dịch sơ cấp sẽ tăng trưởng trong năm 2025 so với mức nền thấp của giai đoạn 2023–2024, được thúc đẩy bởi: nhu cầu ở thực vững chắc, dòng tiền đầu tư quay trở lại, nguồn cung cải thiện nhờ thủ tục pháp lý thuận lợi hơn, mặt bằng lãi suất vay mua nhà duy trì ổn định và tiến độ triển khai các dự án hạ tầng trọng điểm được đẩy mạnh. Ngoài ra, vẫn còn tồn tại khả năng thị trường phục hồi chậm hơn kỳ vọng do những bất định từ chính sách thuế quan của Mỹ. Trong dài hạn, các động lực tăng trưởng cốt lõi cho thị trường bất động sản nhà ở Việt Nam vẫn vững chắc, bao gồm sự phát triển về cơ sở hạ tầng, đô thị hóa, sự gia tăng của tầng lớp trung lưu và tỷ lệ thâm nhập của thị trường cho vay mua nhà thế chấp.
- Ngành Vật liệu xây dựng, thị trường trong nước dự kiến chiếm ưu thế hơn so với xuất khẩu. Nhu cầu thép trong nước được thúc đẩy bởi mức chi tiêu mạnh cho hạ tầng và sự phục hồi của thị trường bất động sản, qua đó hỗ trợ doanh số bán thép xây dựng. Các dự án quy mô lớn đã được phê duyệt với tốc độ nhanh chóng, đồng thời kế hoạch chi tiêu công cho hạ tầng năm 2025 cũng liên tục được điều chỉnh tăng hiện đã cao hơn hơn 40% so với kế hoạch được trình vào tháng 10/2023, và đã trải qua hai lần điều chỉnh tính đến tháng 2/2025. Hoạt động xuất khẩu thép của Việt Nam sẽ được chuyển hướng vào thị trường trong nước do xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ tại các thị trường xuất khẩu chính và sự cạnh tranh gay gắt từ thép Trung Quốc

trên thị trường quốc tế. Trong khi đó, thị trường trong nước hiện đang được bảo vệ bởi thuế chống bán phá giá (CBPG) đối với thép Trung Quốc.

2.3 Cơ hội đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm

- Thể hiện sự tin tưởng cao hơn đối với cổ phiếu bằng cách sử dụng chứng quyền để nâng tỷ lệ đòn bẩy.
- Hạn chế tối đa tổn thất bằng cách sử dụng chứng quyền mua.
- Tổn thất được giới hạn ở mức giá của chứng quyền.
- Là công cụ nợ, chúng có thể được sử dụng trong danh mục đầu tư trái phiếu để có được rủi ro và lợi tức giống chứng khoán.
- Chứng quyền có đảm bảo, nếu được sử dụng một cách thận trọng, có thể quản lý rủi ro tốt hơn so với giao dịch ký quỹ.
- Chứng quyền giúp chuyển giao trách nhiệm quản lý rủi ro cơ bản, delta, và biến động một cách hiệu quả đối với người phát hành chứng quyền.

V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

1.1 Giới thiệu chung về tổ chức phát hành

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP**
- Tên Tiếng Anh: **VIETCAP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **Vietcap**
- Trụ sở: Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp.HCM
- Điện thoại: +84 (0)28 3914 3588
- Fax: +84 (0)28 3914 3209
- Website: www.vietcap.com.vn
- Giấy phép thành lập: Giấy phép thành lập số 68/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 06/11/2007, Giấy phép điều chỉnh số 63/GPĐC-UBCK ngày 07/08/2025
- Vốn điều lệ đăng ký: 7.226.000.000.000 đồng (Bảy nghìn hai trăm hai mươi sáu tỷ đồng)
- Vốn điều lệ thực góp: 7.226.000.000.000 đồng (Bảy nghìn hai trăm hai mươi sáu tỷ đồng)
- Logo: 
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Hải, Tổng Giám đốc
- Số tài khoản: 119.010.4696 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
- Ngành nghề kinh doanh: Môi giới chứng khoán
Tự doanh chứng khoán
Tư vấn đầu tư chứng khoán
Bảo lãnh phát hành chứng khoán
Lưu ký chứng khoán

1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Năm 2007	▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (Vietcap) được thành lập và chính thức hoạt động vào tháng 11/2007 với mức vốn điều lệ ban đầu là 360 tỷ đồng
Năm 2008	▪ Thành lập chi nhánh tại Hà Nội
Năm 2009	▪ Vietcap được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) quyết định chấp thuận là thành viên đầu thầu trái phiếu ▪ Chính thức đưa vào sử dụng hệ thống phần mềm lõi chứng khoán Tong Yang (nay là Lotte HPT Vietnam) ▪ Tăng vốn điều lệ từ 360 tỷ đồng lên 378 tỷ đồng theo giấy phép số 276/UBCK-GP do UBCK Nhà nước cấp tháng 11/2009
Năm 2010	▪ Thuộc nhóm 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất 6 tháng cuối năm tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) ▪ Thuộc nhóm 10 công ty chứng khoán có thị phần giao dịch trái phiếu lớn nhất Quý 3 tại HNX ▪ Thành lập phòng giao dịch Nguyễn Công Trứ
Năm 2011	▪ Vươn lên nhóm 6 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất HSX ▪ Tạp chí Finance Asia vinh danh "Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất Việt Nam" ▪ Tạp chí The Asset bình chọn "Công ty môi giới tốt nhất Việt Nam" ▪ Tạp chí Alpha Southeast Asia vinh danh "Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất", "Công ty tư vấn tài chính doanh nghiệp quy mô vừa tốt nhất" tại Việt Nam ▪ UBND Tp.HCM trao tặng giải thưởng "Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu năm 2011"
Năm 2012	▪ Thuộc nhóm 5 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất trên HSX ▪ Tạp chí Finance Asia bình chọn là "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam" ▪ Tạp chí Alpha Southeast Asia công nhận, "Công ty tư vấn tài chính doanh nghiệp quy mô vừa tốt nhất", "Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất" và "Nhà môi giới tổ chức tốt nhất", là công ty duy nhất nhận đồng thời 3 giải thưởng trên tại Việt Nam ▪ Tăng vốn điều lệ lên 398,4 tỷ đồng theo giấy phép số 122/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp
Năm 2013	▪ Chuyển dịch cân bằng, hoàn thiện các mảng hoạt động kinh doanh ▪ Vươn lên vị trí 3 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất trên HSX ▪ Tạp chí Finance Asia vinh danh "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam" và "Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất" tại Việt Nam ▪ Tạp chí Alpha Southeast Asia công nhận "Nhà môi giới tổ chức tốt nhất", "Công ty tư vấn tài chính doanh nghiệp quy mô vừa tốt nhất", "Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất Việt Nam"

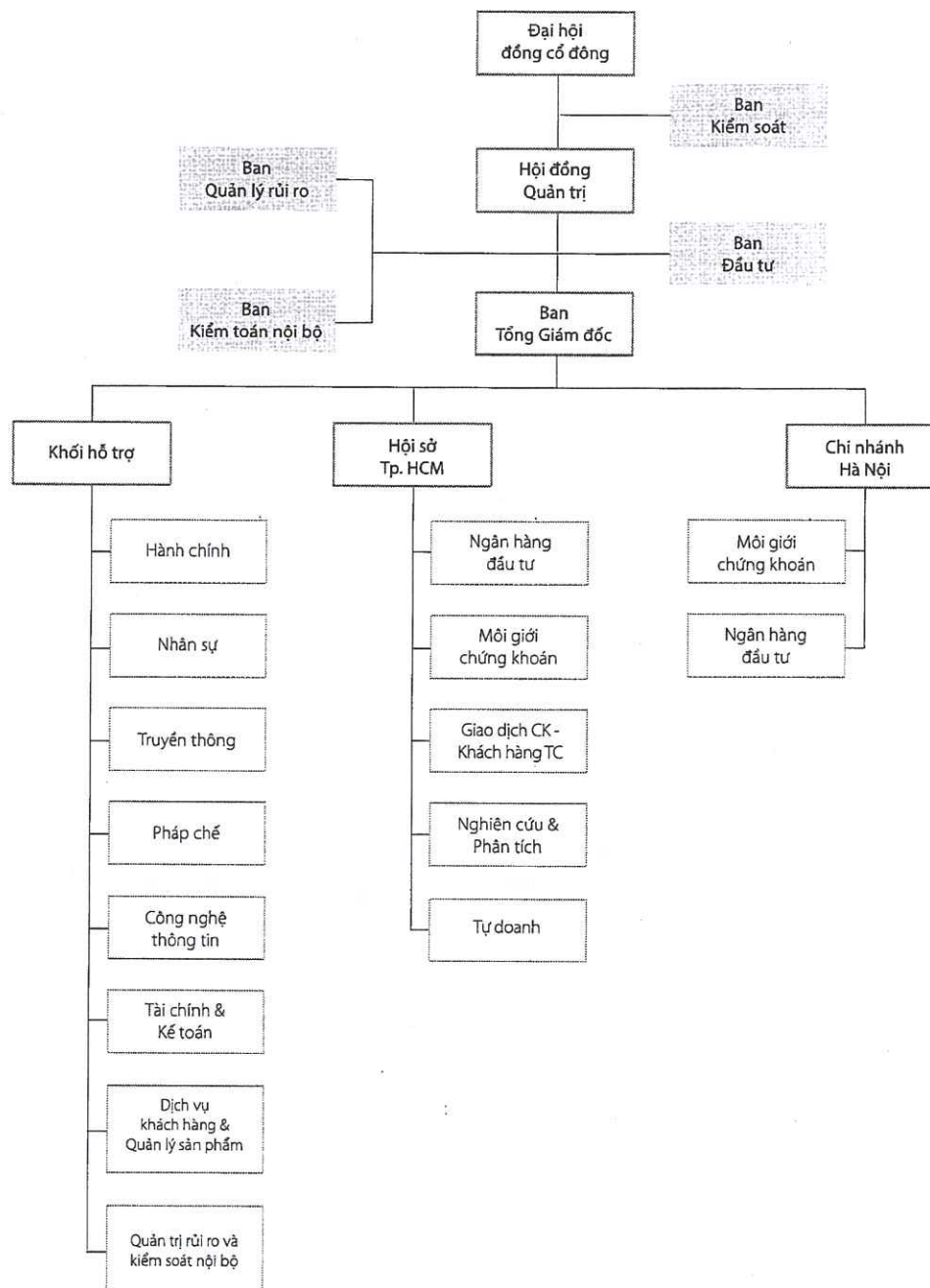
	▪ Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2009-2013"
Năm 2014	▪ Đột phá trong kết quả hoạt động, với tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) vượt ngưỡng mục tiêu 25% ▪ Thuộc Top 3 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất HSX ▪ Tạp chí Alpha Southeast Asia vinh danh "Nhà môi giới tổ chức tốt nhất Việt Nam" ▪ Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2003-2014" ▪ Tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng theo giấy phép số 20/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào tháng 9/2014
Năm 2015	▪ Củng cố nguồn lực, duy trì sức mạnh nội tại với tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đạt trên 30% ▪ Tạp chí Euromoney bình chọn "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam" ▪ Tạp chí Finance Asia vinh danh "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam" ▪ Tạp chí Alpha Southeast Asia bình chọn "Công ty tư vấn tài chính quy mô vừa tốt nhất Việt Nam" ▪ HNX bình chọn là "Một trong ba công ty chứng khoán có dịch vụ tư vấn tốt nhất giai đoạn 2005-2015" ▪ Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2014-2015" ▪ Giữ vững vị thế Top 3 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất trên HSX
Năm 2016	▪ Giữ vững top 3 thị phần môi giới, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức ▪ Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2011-2016" ▪ Tạp chí Finance Asia bình chọn "Nhà tư vấn phát hành cổ phiếu tốt nhất Việt Nam" và "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam" ▪ Tạp chí Alpha Southeast Asia trao giải "Nhà huy động vốn tốt nhất Việt Nam giai đoạn 2007-2016". ▪ Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất Việt Nam". ▪ Tăng vốn điều lệ lên 1.032 tỷ đồng theo giấy phép số 47/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào tháng 12/2016.
Năm 2017	▪ Giữ vững top 3 thị phần môi giới, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức, đẩy mạnh dịch vụ tư vấn. ▪ Tạp chí Finance Asia bình chọn "Nhà tư vấn phát hành cổ phiếu tốt nhất Việt Nam", "Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam" và "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam" ▪ Tạp chí Alpha Southeast Asia trao giải "Ngân hàng đầu tư và tư vấn sáp nhập tốt nhất Việt Nam". ▪ Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất Việt Nam" ▪ Tăng vốn điều lệ lên 1.200 tỷ đồng theo giấy phép số 35/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào tháng 8/2017.

Năm 2018	- Giữ vững top 3 thị phần môi giới, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức, đẩy mạnh dịch vụ tư vấn. - Tạp chí Finance Asia bình chọn "Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam". - Tăng vốn điều lệ lên 1.629 tỷ đồng theo giấy phép số 76/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào tháng 9/2018.
Năm 2019	- Giữ vững top 3 thị phần môi giới, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức, đẩy mạnh dịch vụ tư vấn - Tăng vốn điều lệ lên 1.644 tỷ đồng theo giấy phép số 53/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào tháng 9/2019.
Năm 2020	- Top 5 thị phần môi giới, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức. Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, các hoạt động huy động vốn, M&A xuyên quốc gia bị ngưng trệ, dẫn tới việc quy mô cũng như giá trị của các giao dịch giảm nhiều so với năm 2019. Tuy nhiên, Vietcap vẫn thành công trong việc tư vấn hàng loạt các thương vụ trong nước. - Tăng vốn điều lệ lên 1.656 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 65/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào tháng 10/2020.
Năm 2021	- Top 5 thị phần môi giới, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức. - Tăng vốn điều lệ lên 3.330 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 52/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào ngày 12/07/2021.
Năm 2022	- Top 7 thị phần môi giới, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức. - Tăng vốn điều lệ lên 3.350 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 01/07/2022 - Tăng vốn điều lệ lên 4.354,99 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 91/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 26/09/2022
Năm 2023	- Top 8 thị phần môi giới, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức. - CTCP Chứng khoán Bản Việt chính thức đổi tên thành CTCP Chứng khoán Vietcap ("Vietcap") theo giấy phép điều chỉnh số 26/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 12/04/2023. - Tăng vốn điều lệ lên 4.375 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 58/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 17/07/2023.
Năm 2024	- Top 5 thị phần môi giới, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức. - Tăng vốn điều lệ lên 4.419 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 15/07/2024. - Tăng vốn điều lệ lên 5.745 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 72/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 08/10/2024. - Tăng vốn điều lệ lên 7.181 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 89/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 03/12/2024.
Năm 2025	- Top 4 thị phần môi giới tại quý 2/2025, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức. - Tăng vốn điều lệ lên 7.226 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 63/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 07/08/2025

1.3 Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty được trình bày trong sơ đồ dưới đây:

Hình 3: Sơ đồ tổ chức Công ty



Tổ chức và hoạt động của Công ty được dựa trên những văn bản pháp lý sau đây:

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều Lệ của Công ty; và
- Những văn bản pháp lý khác liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

a. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông bao gồm:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định mức chi trả cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Điều lệ này;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
- Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế khác của Công ty.

b. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty. Hội đồng Quản trị Vietcap gồm có 06 (sáu) thành viên với nhiệm kỳ 05 (năm). Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- Quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã phát hành của từng loại trong mỗi mười hai (12) tháng; quyết định phương án chào bán, chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty;

- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng của Công ty, quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đại diện theo ủy quyền;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý của Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị mức trả cổ tức, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- Thiết lập một quy trình chuẩn về triệu tập họp, bỏ phiếu và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị để Đại hội đồng cổ đông thông qua; trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị; xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị với Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;
- Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát rủi ro;
- Giải quyết xung đột trong Công ty: Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;
- Phê chuẩn các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc đề trình (nếu có);
- Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế khác của Công ty.

c. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát của Vietcap có ba (03) thành viên; nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là năm (05) năm. Nhiệm vụ của Ban Kiểm soát:

- Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các nhiệm vụ của mình;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị; trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty;
- Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty;
- Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế khác của Công ty.

d. Ban Tổng Giám đốc

Thành phần Ban tổng giám đốc của Công ty gồm có: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của Công ty.

Thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị thuê hoặc bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của các thành viên Ban Tổng Giám đốc khác là năm (05) năm.

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc cụ thể như sau:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng Quản trị;
- Tổ chức thực hiện quyết định của Hội đồng Quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, kiến nghị hoặc ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh phải được Hội đồng Quản trị phê duyệt;
- Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng Quản trị;
- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Tuyển dụng lao động;
- Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại hợp đồng lao động mà Tổng Giám đốc ký với Công ty theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

e. Ban đầu tư

Ban Đầu tư phê duyệt các giao dịch và hạn mức đầu tư. Ban Đầu tư bao gồm các thành viên: Chủ tịch HĐQT / Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

f. Ban quản lý rủi ro

Ban quản lý rủi ro được thiết lập nhằm đảm bảo khả năng xác định rủi ro, theo dõi rủi ro, báo cáo rủi ro và xử lý một cách hiệu quả các rủi ro trọng yếu đồng thời đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tuân thủ theo quy định.

g. Ban Kiểm toán nội bộ

Kiểm soát nội bộ giám sát và kiểm tra hoạt động của các bộ phận nhằm:

- Đảm bảo hoạt động đạt hiệu quả cao trong kinh doanh và tuân thủ nghiêm túc mọi quy định liên quan của pháp luật và các quy định, quy chế và quy trình nghiệp vụ của công ty;
- Ngăn ngừa những hiện tượng vi phạm hoặc không tuân thủ pháp luật, quy định, quy chế và quy trình nghiệp vụ của công ty dẫn đến rủi ro trong hoạt động;
- Bảo vệ an toàn tài sản và uy tín của công ty;
- Kiến nghị với Ban giám đốc Công ty trong việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy chế và quy trình nghiệp vụ nhằm tăng cường biện pháp đảm bảo an toàn tài sản, giảm thiểu rủi ro và tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh.

1.4 Danh sách cổ đông

a. Cơ cấu cổ đông hiện tại

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông của Công ty

STT	Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Giá trị (theo mệnh giá) (đồng)	Tỷ lệ %/VDL
I	Cổ đông trong nước	20.139	537.741.650	5.377.416.500.000	74,42%
	Tổ chức	91	29.325.434	293.254.340.000	4,06%
	Cá nhân	20.048	508.416.216	5.084.162.160.000	70,36%
II	Cổ đông nước ngoài	248	184.858.350	1.848.583.500.000	25,58%
	Tổ chức	77	180.370.573	1.803.705.730.000	24,96%
	Cá nhân	171	4.487.777	44.877.770.000	0,62%
III	Cổ phiếu quỹ				
	Tổng cộng	20.387	722.600.000	7.226.000.000.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 03/07/2025

b. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

STT	Họ và tên	Số GCNĐKKD/ CMND	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % / vốn điều lệ thực góp
1	Tô Hải	034073008380	21B/3 Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao, Q.1, Tp. HCM	129.139.403	17,87%

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 03/07/2025

c. Danh sách người có liên quan của Công ty

STT	Họ tên	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Số CMND/HC/ĐKKD	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	091180000104	22.815.000	3,16%
1.1	Nguyễn Hoàng Bảo	Chồng	079073000764	0	0,00%
1.2	Nguyễn Bảo Hoàng Mi	Con	079313037444	0	0,00%
1.3	Nguyễn Bảo Hoàng Mai	Con	079313031345	0	0,00%
1.4	Nguyễn Tấn Dũng	Cha	096049000018	0	0,00%
1.5	Trần Thanh Kiệt	Mẹ	093154000023	0	0,00%
1.6	Nguyễn Thanh Nghị	Anh ruột	023798768987	0	0,00%
1.7	Phan Diệu Linh	Chị dâu	001181017216	6.500	0,00%
1.8	Nguyễn Minh Triết	Em ruột	091088000068	0	0,00%
1.9	Đồng Thanh Vi	Em dâu	072193000728	0	0,00%
1.10	CTCP QLQ Đầu tư CK Bản Việt	Công ty có liên quan	08/UBCK-GPHĐ	0	0,00%
1.11	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Công ty có liên quan	0025/NH-GP	0	0,00%
1.12	Công ty CP Bất Động Sản Bản Việt	Công ty có liên quan	305051312	0	0,00%
2	Tô Hải	Thành viên HĐQT & Tổng Giám đốc	034073008380	129.139.403	17,87%
2.1	Trương Nguyễn Thiên Kim	Vợ	068176000014	12.530.351	1,73%
2.2	Tô Hồng Hà	Em trai	034076005064	93.355	0,01%
2.3	Lê Kim Phương	Em dâu	072184008157	0	0,00%
2.4	Trần Thị Lan	Mẹ	035151000112	0	0,00%
2.5	Tô Hữu Định	Cha	034047000908	0	0,00%

STT	Họ tên	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Số CMND/HC/ĐKKD	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
2.6	Tô Thị Lan Hương	Chị	034172005081	0	0,00%
2.7	Phạm Nguyên Vũ	Anh rể	079072002592	0	0,00%
2.8	Nguyễn Thị Thể	Mẹ vợ	060143004524	0	0,00%
2.9	Tô Lâm	Con		0	0,00%
2.10	Tô An	Con		0	0,00%
2.11	Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Sữa IDP	Công ty có liên quan	0500463609	0	0,00%
3	Đình Quang Hoàn	Thành Viên HĐQT & Phó Tổng Giám đốc	031076024210	590.694	0,08%
3.1	Đình Quang Tập	Cha	031053009979	0	0,00%
3.2	Nguyễn Thị Hánh	Mẹ	031153008990	0	0,00%
3.3	Lâm Bình Lễ	Cha vợ	052043003009	0	0,00%
3.4	Lâm Thị Tổ Nga	Vợ	079176027001	0	0,00%
3.5	Đình Quang Khải	Con trai	079204002398	0	0,00%
3.6	Đình Quang Minh	Con trai	079209045491	0	0,00%
3.7	Đình Quang Hợp	Anh trai	031073014593	0	0,00%
3.8	Lê Minh Tâm	Chị dâu	038181013431	0	0,00%
3.9	Công Ty Cổ Phần Sữa Quốc Tế LOF	Chủ tịch HĐQT	0500463609	0	0,00%
3.10	Công ty Cổ phần Lothamilk	Thành viên HĐQT	3600361211	0	0,00%
4	Nguyễn Việt Hòa	Thành viên HĐQT	038175034220	0	0,00%
4.1	Lê Thị Độ	Mẹ	056147003918	0	0,00%
4.2	Nguyễn Văn Thám	Bố	054045000285	0	0,00%
4.3	Nguyễn Quốc Thái	Em Trai	056080000168	0	0,00%
4.4	Phạm Nhật Quang	Chồng	001070016736	0	0,00%
4.5	Phạm Việt Dũng	Con trai	079203007231	0	0,00%
4.6	Phạm Anh Thư	Con gái	079308019934	0	0,00%
4.7	Nguyễn Thị Hoi	Mẹ Chồng	001146002413	0	0,00%
4.8	Vũ Thị Thanh Hiền	Em dâu	066182000121	0	0,00%
4.9	Phạm Hoài Thanh	Anh chồng	001068029764	0	0,00%

STT	Họ tên	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Số CMND/HC/ĐKKD	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
4.10	Nguyễn Thị Thu Trang	Chị bạn dâu	079169026882	0	0,00%
4.11	Phạm Tuấn Minh	Em chồng	001073013028	0	0,00%
4.12	Nguyễn Ngọc Minh Trúc	Em bạn dâu	079179028150	0	0,00%
4.13	Công ty cổ phần Thương mại - Dịch vụ Bến Thành	Chủ tịch HĐQT	0301164065	0	0,00%
4.14	Công ty cổ phần Bến Thành - Mũi Né	Thành viên HĐQT	3400383497	0	0,00%
4.15	Công ty cổ phần Du lịch Bến Thành - Non Nước	Thành viên HĐQT	0400403042	0	0,00%
5	Nguyễn Lâm Trung Anh	Thành viên HĐQT	001088041933	0	0,00%
5.1	Nguyễn Lâm Trung	Cha	001055008794	0	0,00%
5.2	Đặng Bích Ngà	Mẹ	001155009240	0	0,00%
5.3	Nguyễn Ngọc Lưu Ly	Chị ruột	001181021650	0	0,00%
5.4	Trần Ngọc Minh	Anh rể	001081000261	0	0,00%
5.5	Trần Thị Kim Hà	Vợ	056189002263	0	0,00%
5.6	Nguyễn Hà Trang	Con		0	0,00%
5.7	Nguyễn Lâm Gia Hưng	Con		0	0,00%
5.8	Trần Văn Hải	Bố vợ	056065001242	0	0,00%
5.9	Phan Thị Tuyết Hằng	Mẹ vợ	056167001551	0	0,00%
5.10	Trần Văn Hào	Em vợ	056091015177	0	0,00%
5.11	Trần Thị Kim Hiền	Em vợ	056195017413	0	0,00%
5.12	Công ty TNHH Phoenix Holdings	Tổng Giám đốc	0313478179	0	0,00%
5.13	Công ty Cổ phần First Ai Holdings	Thành viên HĐQT	0317271288	0	0,00%
5.14	Công ty Cổ phần Timo Việt Nam	Thành viên HĐQT	0313193007	0	0,00%
5.15	Công ty Cổ phần Gro Holdings	Thành viên HĐQT	0316226620	0	0,00%
5.16	Công ty Cổ phần Seven System Việt Nam	Thành viên HĐQT	0313330856	0	0,00%
5.17	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Thành viên HĐQT	0102766770	0	0,00%

STT	Họ tên	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Số CMND/HC/ĐKKD	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
6	Lê Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT	079091029788	0	0,00%
6.1	Lê Văn Trúc	Cha ruột	049054001192	0	0,00%
6.2	Phan Thị Thanh	Mẹ ruột	049156007401	0	0,00%
6.3	Lê Thị Ngọc Phượng	Chị ruột	A9779757	0	0,00%
6.4	Lê Ngọc Linh	Anh ruột	079080028173	0	0,00%
6.5	Lê Thị Ngọc Minh	Chị ruột	049183007936	0	0,00%
6.6	Nguyễn Văn Thiên	Anh rể	051081000311	0	0,00%
6.7	CTCP Cafe Katinat	Phó Tổng Giám Đốc	0316612746	0	0,00%
6.8	CTCP Thương mại - Dịch vụ Bến Thành	Thành viên HĐQT	0301164065	0	0,00%
7	Nguyễn Quang Bảo	Phó Tổng Giám đốc	001075010479	2.324.156	0,32%
7.1	Ngô Thị Phúc	Mẹ đẻ	040144009573	0	0,00%
7.2	Lê Đỗ Tập	Bố vợ	13027553	0	0,00%
7.3	Nguyễn Thị Kim Thoa	Mẹ vợ	036140010582	0	0,00%
7.4	Lê Thị Đỗ Quyên	Vợ	036175024076	0	0,00%
7.5	Nguyễn Ngọc Mai	Con	001199024343	0	0,00%
7.6	Nguyễn Quỳnh Anh	Con	001304011847	0	0,00%
7.7	Nguyễn Quang Tuấn	Anh trai	001066008329	0	0,00%
7.8	Lương Thị Tuyết	Chị dâu	031167002061	3.380	0,00%
7.9	Nguyễn Quang Đông	Em trai	RA4448473	0	0,00%
7.10	Trần Thị Lương Khánh	Em dâu	RA1795526	0	0,00%
8	Đoàn Minh Thiện	Phó Tổng Giám đốc	046081000192	451.000	0,06%
8.1	Đoàn Don	Cha	046052000553	0	0,00%
8.2	Hồ Thị Việt	Mẹ	046159005262	0	0,00%
8.3	Nguyễn Đình Minh	Cha vợ	046051000500	0	0,00%
8.4	Đỗ Thị Phúc	Mẹ vợ	046157000922	0	0,00%
8.5	Nguyễn Thị Ái Phương	Vợ	045181000213	0	0,00%
8.6	Đoàn Thiện nghĩa	Con	Không	0	0,00%

STT	Họ tên	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Số CMND/HC/ĐKKD	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
8.7	Đoàn Nguyễn Thiện Nhân	Con	Không	0	0,00%
8.8	Đoàn Thiên Long	Con	Không	0	0,00%
8.9	Đoàn Thị Ngọc Quý	Em ruột	046184001248	0	0,00%
8.10	Đoàn Quang Trường	Em ruột	046087000270	0	0,00%
8.11	Đoàn Thị Ngọc Xuân	Em ruột	046193018276	0	0,00%
8.12	Nguyễn Văn Minh Trí	Em rể	048089008205	0	0,00%
8.13	Võ Chánh	Em rể	046082005543	0	0,00%
8.14	Phan Lê Hoài Anh	Em dâu	046187008491	0	0,00%
8.15	Công ty Cổ phần Lothamilk	Thành viên Ban Kiểm soát	3600361211	0	0,00%
8.16	Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	Thành viên HĐQT	3702226772	0	0,00%
9	Mai Thị Thanh Trang	Trưởng Ban Kiểm soát	070181000117	0	0,00%
9.1	Mai Văn Phước	Cha	079055008035	0	0,00%
9.2	Nguyễn Thị Thanh Mai	Mẹ	079160016259	0	0,00%
9.3	Trần Hải Nam	Con		0	0,00%
9.4	Trần Mai Hải Anh	Con		0	0,00%
9.5	Mai Văn Tuấn	Em	070083006008	0	0,00%
10	Bùi Thị Minh Nguyệt	Thành viên BKS	080178022495	0	0,00%
10.1	Nguyễn Minh Tuấn	Chồng	040074000933	0	0,00%
10.2	Nguyễn Bùi Thanh Mai	Con	08030300391	0	0,00%
10.3	Nguyễn Bùi Tuấn Minh	Con	079208049114	0	0,00%
10.4	Nguyễn Thị Lạc	Mẹ ruột	080158002526	0	0,00%
10.5	Bùi Công Đệ	Em ruột	080080022943	0	0,00%
10.6	Trần Thị Lâm Xuyên	Em dâu	080181003396	0	0,00%
10.7	Bùi Thị Bích Nguyên	Em ruột	080183000785	0	0,00%
10.8	Nguyễn Văn Dũng	Em rể	040080007445	0	0,00%
10.9	Bùi Minh Thông	Em ruột	080086014850	0	0,00%
10.10	Phạm Thanh Nguyên	Em dâu	080188011866	0	0,00%
10.11	Bùi Thị Bích Phương	Em ruột	080189004637	0	0,00%

STT	Họ tên	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Số CMND/HC/ĐKKD	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
10.12	Nguyễn Thị Hồng Tư	Mẹ chồng	0370008413	0	0,00%
10.13	Công ty TNHH Phoenix Holdings	Giám đốc điều phối văn phòng	313478179	0	0,00%
11	Trương Thị Huyền Trang	Thành viên BKS	060188008802	0	0,00%
11.1	Trương Trọng Phương	Bố	044053004260	0	0,00%
11.2	Nguyễn Thị Kim Cúc	Mẹ	049157005541	0	0,00%
11.3	Trương Thị Lệ Quyên	Chị gái	060183008236	0	0,00%
11.4	Phạm Đức Hoài	Anh rể	001077037611	0	0,00%
11.5	Trương Hoàng Bảo Thi	Em gái	044198007980	0	0,00%
11.6	Công ty CP Bất Động Sản Bản Việt	Kế toán trưởng	305051312	0	0,00%
12	Đoàn Trần Phương Thảo	Kế toán trưởng	079187021937	35.000	0,00%
12.1	Đoàn Kim Sa	Cha	079058011991	0	0,00%
12.2	Trần Thị Cẩm Tiên	Mẹ	079161015617	0	0,00%
12.3	Đoàn Trần Hiếu	Anh ruột	079085012233	0	0,00%
12.4	Đoàn Trần Thanh	Em ruột	079095029893	0	0,00%
12.5	Trần Thị Diễm My	Chị dâu	089193001530	0	0,00%
13	Bùi Vũ Hoàng Tuyên	Phụ trách quản trị Công ty	079087012762	81.100	0,01%
13.1	Bùi Xuân Tứ	Cha	079058017128	0	0,00%
13.2	Vũ Thị Kim Phượng	Mẹ	079162031807	0	0,00%
13.3	Đinh Hải Anh	Vợ	024167855	0	0,00%
13.4	Bùi Hoàng Thủy Trúc	Con	Không	0	0,00%
13.5	Bùi Hoàng Bảo Sơn	Con	Không	0	0,00%
13.6	Bùi Vũ Hoàng My	Chị	079185006386	0	0,00%
13.7	Bùi Vũ Hoàng Kim	Em	N2175589	0	0,00%
13.8	Đinh Đức Ninh	Cha vợ	030059001030	0	0,00%
13.9	Nguyễn Thị Then	Mẹ vợ	034158003194	0	0,00%
13.10	Nguyễn Quốc Huy	Anh rể	023333456	0	0,00%
13.11	Chu Vi Thông	Em rể	C1468936	0	0,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 03/07/2025

d. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap được thành lập từ năm 2007, đến nay đã quá 03 (ba) năm nên không còn bị ràng buộc về hạn chế chuyển nhượng.

1.5 Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

a. Công ty mẹ của Vietcap

Không có

b. Danh sách công ty con của Vietcap

Không có

c. Danh sách những công ty mà Vietcap đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có

d. Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Vietcap

Không có

1.6 Thông tin về Ban điều hành của tổ chức phát hành

a. Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bảng 3: Danh sách Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	CCCD/ Hộ chiếu
Ông Tô Hải	Tổng Giám đốc	1973	034073008380
Ông Nguyễn Quang Bảo	Phó Tổng Giám đốc	1975	001075010479
Ông Đinh Quang Hoàn	Phó Tổng Giám đốc	1976	031076024210
Ông Đoàn Minh Thiện	Phó Tổng Giám đốc	1981	046081000192
Bà Đoàn Trần Phương Thảo	Kế toán trưởng	1987	079187021937

b. Sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc: Ông Tô Hải

- Họ và tên: Tô Hải
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/12/1973
- Nơi sinh: Thái Bình
- Số CMND/CCCD: 034073008380
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 21B/3 Nguyễn Đình Chiểu, P.Tân Định, Tp.HCM
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 1997 - 2000 Cán bộ Dự án, Công ty viễn thông liên tỉnh, Tổng Công ty Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam (Vietnam Telecom Nation)
 - ✓ Từ 2001 – 2002 Chuyên viên phân tích, Công ty Chứng khoán Bảo Việt
 - ✓ Từ 2002 – 2003 Trưởng phòng Tư vấn, Công ty Chứng khoán Đông Á
 - ✓ Từ 2003 – 2007 Giám đốc Chi nhánh, Công ty Chứng khoán Bảo Việt
 - ✓ Từ 2007 – hiện nay Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Phó Tổng Giám đốc: Ông Nguyễn Quang Bảo

- Họ và tên: Nguyễn Quang Bảo
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 18/01/1975
- Nơi sinh: Hà Nội
- Số CMND/CCCD: 001075010479
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 9 Ngõ 82, Phạm Ngọc Thạch, P.Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 1996 - 2000 Nhân viên, Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam
 - ✓ Từ 2000 – 2002 Nhân viên Môi giới, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam
 - ✓ Từ 2002 – 2005 Trưởng phòng Môi giới, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam
 - ✓ Từ 2005 -2007 Phó Giám Đốc, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam

- ✓ Từ 2007 – 2008 *Phó Giám Đốc khối dịch vụ chứng khoán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn*
- ✓ Từ 2008 – hiện nay *Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám Đốc Chi Nhánh Hà Nội, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap*
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: *Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám Đốc Chi Nhánh Hà Nội, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap*
Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Phó Tổng Giám đốc: Ông Đinh Quang Hoàn

- Họ và tên: **Đinh Quang Hoàn**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/08/1976
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Số CMND/CCCD: 031076024210
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: C22 Nam Long, KP2, P.Phú Thuận, Tp.HCM
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành tài chính
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 09/1998 – 06/2002 *Kiểm toán viên, Công ty Kiểm toán Arthur Andersen*
 - ✓ Từ 06/2002 – 03/2007 *Trưởng phòng Kiểm toán, Công ty Kiểm toán KPMG*
 - ✓ Từ 03/2007 – 08/2007 *Phó phòng Tư vấn, Công ty Chứng khoán Bảo Việt*
 - ✓ Từ 08/2007 – 01/2013 *Giám Đốc Tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap*
 - ✓ 02/2013 – hiện nay *Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap*
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: *Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap*
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: *Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Lothamilk*
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Phó Tổng Giám đốc: Ông Đoàn Minh Thiện

- **Họ và tên:** **Đoàn Minh Thiện**
- **Giới tính:** **Nam**
- **Ngày sinh:** **11/06/1981**
- **Nơi sinh:** **Thừa Thiên Huế**
- **Số CMND/CCCD:** **046081000192**
- **Quốc tịch:** **Việt Nam**
- **Dân tộc:** **Kinh**
- **Địa chỉ thường trú:** **521/69C CMT8, P. Hòa Hưng, Tp.Hồ Chí Minh**
- **Trình độ chuyên môn:** **Cử nhân Tài chính**
- **Quá trình công tác:**
 - ✓ **Từ 08/2003 – 08/2004** **Nhân viên Kế toán, Công ty TM-Xây dựng Hải Lê**
 - ✓ **Từ 08/2004 – 07/2005** **Nhân viên Kế toán, Công ty Waseco**
 - ✓ **Từ 07/2005 – 04/2007** **Nhân viên Kế toán, Công ty Jonathan Charles Fine Furniture**
 - ✓ **Từ 04/2007 – 09/2011** **Phó phòng Tài chính và Kế toán, Công ty Petro Vietnam Telecom (nay là Petrosetco Distribution)**
 - ✓ **Từ 09/2011 – 8/2024** **Kế toán trưởng, Bộ phận Tài chính kế toán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap**
 - ✓ **Từ 08/2024 – hiện nay** **Phó Tổng Giám Đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap**
- **Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng:** **Phó Tổng Giám Đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap**
- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** **Không có**
- **Những khoản nợ đối với Công ty:** **Không có**
- **Lợi ích liên quan đối với Công ty:** **Không có**
- **Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:** **Không có**

Kế toán trưởng: Đoàn Trần Phương Thảo

- **Họ và tên:** **Đoàn Trần Phương Thảo**
- **Giới tính:** **Nữ**
- **Ngày sinh:** **22/08/1987**
- **Nơi sinh:** **Hồ Chí Minh**
- **Số CMND/CCCD:** **079187021937**
- **Quốc tịch:** **Việt Nam**
- **Dân tộc:** **Kinh**
- **Địa chỉ thường trú:** **641A Nguyễn Duy, P. Phú Định, TP Hồ Chí Minh**

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 08/2009 – 06/2011 Trợ lý Kiểm toán, Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
 - ✓ Từ 07/2011 – 06/2014 Chuyên viên Kiểm toán, Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
 - ✓ Từ 07/2014 – 01/2019 Phó trưởng Phòng Kiểm toán, Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
 - ✓ Từ 02/2019 – 06/2021 Trưởng phòng Kiểm toán, Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
 - ✓ Từ 07/2011 – 06/2024 Trưởng phòng Kiểm toán cấp cao, Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
 - ✓ Từ 07/2024 – 08/2024 Kế toán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
 - ✓ Từ 08/2024 – hiện nay Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

1.7 Thông tin về nhân sự quản lý rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành chứng quyền

Trưởng bộ phận quản trị rủi ro cho nghiệp vụ Chứng quyền bảo đảm: Ông Nguyễn Văn Khoa

- Họ và tên: Nguyễn Văn Khoa
- Trình độ học vấn
 - ✓ 1998 Cử nhân Tài chính kế toán – Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
 - ✓ 2004 Chứng nhận Quản trị tài chính cao cấp – Viện Quản Trị Doanh Nghiệp
 - ✓ 2009 Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ – Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Kinh nghiệm công tác:
 - ✓ Từ 1998 – 2004 Chuyên viên kế toán – Công ty Scavi Việt Nam
 - ✓ Từ 2005 – 2007 Kế toán trưởng – Công ty TNHH Sitto Việt Nam
 - ✓ Từ 2008 – 2018 Kế toán trưởng – CTCP Chứng khoán Nhất Việt
 - ✓ Từ 2019 – hiện tại Trưởng phòng Quản lý rủi ro – CTCP Chứng khoán Vietcap

2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành

2.1 Giá trị dịch vụ qua các năm

a. Doanh thu

Bảng 4: Doanh thu theo lĩnh vực kinh doanh chính qua các năm

Chi tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Lũy kế 9 tháng 2025	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Ngân hàng đầu tư	35	1,4%	35	0,9%	16	0,8%
Đầu tư chứng khoán	1.156	46,3%	2.014	53,7%	1.804	88,5%
Dịch vụ môi giới chứng khoán	514	20,6%	769	20,5%	770	37,7%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	791	31,7%	932	24,9%	898	44,1%
Tổng cộng	2.496	100,0%	3.750	100,0%	3.488	100,0%

Nguồn: Vietcap

Năm 2024, tổng doanh thu hoạt động đạt 3.750 tỷ đồng, tăng 50,2% so với năm 2023. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2025, tổng doanh thu đạt 3.488 tỷ đồng, đạt 80% kế hoạch kinh doanh năm 2025. Chi tiết doanh thu các mảng hoạt động như sau:

Hoạt động ngân hàng đầu tư

Vietcap được xem là công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam trong mảng tư vấn mua bán & sáp nhập (M&A) và huy động vốn, chào bán ra công chúng (IPO).

- Bộ phận ngân hàng đầu tư ("Investment Banking", "IB") của Vietcap cung cấp các dịch vụ tư vấn về M&A, huy động vốn, phát hành trái phiếu, IPO và niêm yết, gồm hai văn phòng tại Tp.HCM và Hà Nội với đội ngũ các chuyên gia trong và ngoài nước. Bộ phận ngân hàng đầu tư của Vietcap có thị phần dẫn đầu vượt trội trong mảng tư vấn tại Việt Nam và là đơn vị tư vấn chính cho hầu hết các doanh nghiệp lớn trong nước, đồng thời cũng là đơn vị tư vấn trong nước được lựa chọn bởi các nhà đầu tư nước ngoài.
- Bộ phận IB của Vietcap có đội ngũ chuyên gia tư vấn tài chính am hiểu thị trường Việt Nam, từng có kinh nghiệm làm việc tại các công ty danh tiếng như Goldman Sachs, Credit Suisse, Bank of America Merrill Lynch... giúp đảm bảo khả năng triển khai giao dịch thành công, thực hiện các thương vụ đáp ứng chuẩn mực và chất lượng quốc tế để đem lại lợi ích tối đa cho khách hàng.
- Bộ phận IB của Vietcap liên tục nhận được các giải thưởng tiêu biểu như "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam", "Công ty tư vấn phát hành tốt nhất" hàng năm từ các tổ chức quốc tế bao gồm Alpha Southeast Asia, Euromoney và Finance Asia.
- Trong năm 2022, Mảng Ngân hàng Đầu tư ghi nhận doanh thu 431 tỷ đồng (tăng 28% so với năm 2021) và LNTT 342 tỷ đồng trong năm 2022 (tăng 48% so với năm 2021). Vietcap ghi nhận doanh thu từ các thương vụ đáng chú ý như Masan Meat Life chuyển nhượng mảng kinh doanh

thức ăn chăn nuôi cho De Heus Việt Nam, phát hành riêng lẻ cho CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ), phát hành trái phiếu của CTCP Phát Đạt (PDR), Hưng Thịnh Group mua lại CTCP Sông Tiền (dự án Angel Island), đồng thời tư vấn cho các cổ đông sáng lập của chuỗi trà sữa Phúc Long bán phần vốn chi phối cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN).

- Trong năm 2023, Mảng Ngân hàng Đầu tư ghi nhận doanh thu 27 tỷ đồng. Trong giai đoạn này, mảng Ngân hàng Đầu tư của Vietcap đang trong quá trình thực hiện các thương vụ tư vấn. Doanh thu và lợi nhuận từ các thương vụ chưa hoàn thành này chưa được ghi nhận đầy đủ vào Kết quả kinh doanh năm 2023.
- Trong năm 2024, mảng Ngân hàng Đầu tư ghi nhận doanh thu đạt 35 tỷ đồng (giảm 2% so với năm 2023) và ghi nhận khoản lãi ròng 2 tỷ đồng (so với mức lỗ ròng 32 tỷ đồng trong năm 2023). Phòng Ngân hàng Đầu tư của Vietcap đã tư vấn độc quyền cho Hợp Trí trong thương vụ chuyển nhượng 49% cổ phần cho Summit Agro International, và đóng vai trò đại lý chào mua công khai cho Sabeco tăng tỷ lệ sở hữu tại Sabibeco.
- Trong 9 tháng đầu năm 2025, mảng Ngân hàng Đầu tư ghi nhận doanh thu đạt 16 tỷ đồng (giảm 9% so với cùng kỳ năm trước) nhưng ghi nhận khoản lỗ ròng 13 tỷ đồng (so với mức lỗ ròng 10 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm 2024). Phòng Ngân hàng Đầu tư của Vietcap đang trong quá trình thực hiện các thương vụ tư vấn đáng chú ý.
- Các thương vụ tiêu biểu trong các năm qua:



Là đơn vị tư vấn độc quyền cho Hợp Trí trong thương vụ chuyển nhượng 49% cổ phần cho Summit Agro International (2024)



Là đại lý chào mua công khai cho Sabeco tăng tỷ lệ sở hữu tại Sabibeco từ 22,7% lên 65,9% (2024)



Là đơn vị tư vấn niêm yết Cổ phiếu CTCP Điện lực GELEX (GEE) trên sàn chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với giá trị niêm yết 11.145 tỷ đồng (dựa vào giá tham chiếu ngày đầu tiên niêm yết) (2024)



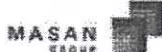
Là đơn vị tư vấn phát hành riêng lẻ cho Cổ phiếu CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (KDH) với giá trị thương vụ 3.000 tỷ đồng (2024)



Là đơn vị tư vấn phát hành riêng lẻ Cổ phiếu CTCP Chứng khoán Vietcap (VCI) với giá trị thương vụ 4.022 tỷ đồng (2024)



Là đơn vị tư vấn tài chính cho việc thoái vốn của cổ đông hiện hữu và huy động vốn cho Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế (IDP) với tổng giá trị hơn \$100 triệu (2023)



Là đơn vị tư vấn cho các cổ đông sáng lập của chuỗi trà sữa Phúc Long bán phần vốn chi phối cho Tập đoàn Masan (2022)

PIZZA 4P'S

MEKONG
CAPITAL

Là đơn vị tư vấn cho Mekong Capital bán phần vốn tại Pizza 4P's - một chuỗi pizza với công thức độc đáo (2022)



Là đơn vị tư vấn cho Indorama Venture hoàn tất việc mua lại Công ty Cổ phần Công Nghiệp - Dịch vụ - Thương Mại Ngọc Nghĩa - một trong những công ty đi đầu trong lĩnh vực bao bì nhựa PET tại Việt Nam (2022)



Là đơn vị tư vấn cho Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận (PNJ), nhà sản xuất trang sức hàng đầu Việt Nam, chào bán riêng lẻ 15 triệu cổ phiếu với tổng giá trị 60 triệu đô-la Mỹ cho nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước (2022)



JERA

Là đơn vị đồng tư vấn cho JERA, doanh nghiệp sản xuất năng lượng lớn nhất Nhật Bản trong việc mua lại 35% cổ phần của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (GEC) (2022)



Là đơn vị tư vấn cho Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1, nhà xây lắp và tổng thầu các công trình điện số 1 Việt Nam, đặc biệt là các công trình có yêu cầu kỹ thuật công nghệ cao, chào bán riêng lẻ trái phiếu doanh nghiệp với tổng giá trị 1.200 tỷ đồng cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước (2022)

MASAN
MEAT Life

Là đơn vị tư vấn bán mảng kinh doanh thức ăn chăn nuôi của Masan Meat Life cho De Hues Việt Nam

FE CREDIT
VAY TIỀN DÙNG TÍN CHẤP

Là đơn vị tư vấn bán FE Credit cho Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC)

TECHCOMBANK

Là đơn vị đồng tư vấn phát hành riêng lẻ & IPO cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam với giá trị vốn hóa là khoảng 6,5 tỷ USD (2018)

MC
NGUYỄN CHAU JSC

Là đơn vị tư vấn độc quyền bên bán cho giao dịch bán 97% cổ phần Công ty Cổ phần Ngự Á Châu, trị giá 180 tỷ đồng (2018)

Traphaco

Là đơn vị đồng tư vấn bên bán cho giao dịch bán cổ phần Công ty Cổ phần TRAPHACO, trị giá 105 triệu USD (2017)

VPBank

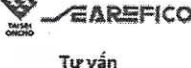
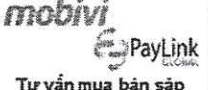
Tư vấn độc quyền phát hành riêng lẻ & IPO cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng với giá trị vốn hóa là khoảng 2,3 tỷ USD (2017)

PNJ

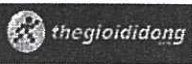
Tư vấn phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ) với tổng giá trị phát hành là hơn 975 tỷ đồng (2017)

CENTRAL Group		Là đơn vị đồng tư vấn cho Casino Group chuyển nhượng chuỗi siêu thị BigC Việt Nam cho Tập đoàn Central Group với giá 1,1 tỷ Euro (2016)
		Tư vấn cho bên mua là Fraser & Neave trong thương vụ mua 78,3 triệu cổ phần Vinamilk từ SCIC (tương ứng 5,4% vốn điều lệ) thông qua đấu giá với giá trị thương vụ 500 triệu USD (2016)
		Là đơn vị đồng tư vấn cho đợt bán cổ phần có quy mô lớn nhất trong những năm gần đây, VietJet Air – 170 triệu USD (2016); đơn vị tư vấn niêm yết duy nhất cho VietJet Air (2017)
		Là đơn vị đồng tư vấn cho đợt bán cổ phần Novaland trị giá 120 triệu USD (2016)
		Tư vấn thành công thương vụ chuyển nhượng 100% vốn tại Công ty TNHH Togico – doanh nghiệp phân phối thực phẩm hàng đầu tại Việt Nam cho Kato Sangyo – tập đoàn nước giải khát Nhật Bản với vai trò là đơn vị tư vấn độc quyền cho bên bán (2016)
		Tư vấn việc bán 30% cổ phần của Công ty ANCO cho Masan Nutri-Science nhằm tăng tỷ lệ sở hữu của Masan tại đây lên 100% (2016)
		Tư vấn phát hành trái phiếu và cổ phiếu ra công chúng cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền với tổng giá trị phát hành hơn 1.600 tỷ đồng (2015)
		Tư vấn cho Công ty cổ phần Masan thông qua Công ty Masan Nutri-Science mua lại 70% cổ phần Anco và 52% cổ phần Proconco (2015)
		Là đơn vị đồng tư vấn cho giao dịch Nguyễn Kim bán cổ phần cho Central Group Thái Lan (2014)
		Là đơn vị tư vấn cho giao dịch chào bán cổ phần riêng lẻ Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (Mobile World) cho nhà đầu tư nước ngoài – 30 triệu USD (2014)
		Là đơn vị tư vấn cho Metro Pacific Tollways Corp. mua lại cổ phần Công ty CII B&R – 90 triệu USD (2014)
		Là đơn vị đồng tư vấn cho giao dịch bán 40% cổ phần Proconco cho Masan, trị giá 96 triệu USD (2013)

▪ Các thương vụ thành công khác:

VICEM  Tư vấn Vicem trong giao dịch thoái vốn của LafargeHolcim tại Holcim Việt Nam 890 triệu USD 2016	Chuỗi Siêu thị Big C  Đồng tư vấn M&A 1,100 triệu EUR 2016	TOGICO  Tư vấn mua bán sáp nhập 20 triệu USD 2016	Fraser & Neave ("F&N")  VINAMILK Tư vấn bên mua US\$500mn 2016	Bảo bì Tân Tiến Bảo bì Minh Việt  Tư vấn mua bán sáp nhập cho bên bán Bảo mật 2015
CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền  Tư vấn mua lại dự án Bảo mật 2016	Khang Dien House BCCI  Tư vấn mua bán sáp nhập Bảo mật 2015	CTCP Phát triển BDS Phát Đạt  Tư vấn mua lại dự án Bảo mật 2015	CTCP Thương mại Nguyễn Kim  Đồng tư vấn M&A Bảo Mật 2014	CTCP Savimex  Tư vấn mua bán sáp nhập 6.9 triệu USD 2014
Xi Măng Hải Vân  Tư vấn mua bán sáp nhập 38.6 triệu USD 2014	Metro Pacific Tollways Corp (MPTC) CII B&R  Tư vấn bên mua - MPTC mua lại CII B&R 90 triệu USD 2014	Taisei Oncho Co., Ltd. Searefico  Tư vấn mua bán sáp nhập <10 triệu USD 2013	Mobivi Paylink  Tư vấn mua bán sáp nhập 10 triệu USD 2012	Tập đoàn Masan  Tư vấn Masan mua cổ phần bia Phú Yên 12.5 triệu USD 2013
CTCP phân bón & hóa chất dầu khí  Tư vấn mua bán sáp nhập 779 triệu USD 2012	Licogi 16.6  Tư vấn mua bán sáp nhập <10 triệu USD 2012	Xi Măng Hải Vân  Tư vấn bên bán cho Vicem Hai Van mua lại Nhà máy xi măng Ang Sơn II 40 triệu USD 2012	CTCP Hàng tiêu dùng Masan  Đại lý chào mua công khai Vinacafe Biên Hòa 50 triệu USD 2011	CTCP Viễn Thông FPT  Tư vấn sát nhập FPT Information system, FPT trading and FPT Software 50 triệu USD 2011

Hãng hàng không Vietjet Air  Đồng tư vấn chào bán đại chúng & niêm yết HOSE 1.3 tỷ USD 2017	Tập đoàn đầu tư địa ốc Novaland  Đồng tư vấn chào bán riêng lẻ 1.35 tỷ USD 2016	Vissan  Sức Sống Mỗi Ngày Đồng tư vấn chào bán đại chúng & UPCOM 290 triệu USD 2016	CTCP Xây lắp điện 1  PCCI Tư vấn niêm yết HOSE 120 triệu USD 2016	Tập đoàn NaFoods  nafoods Tư vấn niêm yết HOSE 37 triệu USD 2015
CTCP Hàng tiêu dùng Masan  MASAN CONSUMER Tư vấn UPCOM Bảo mật 2016	Tổng Công ty Xây dựng số 1  CC1 Tư vấn cổ phần hóa 70 triệu USD 2016	Cty TNHH – MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương  Tư vấn cổ phần hóa 96 triệu USD 2016	Tổng Cty Chè VN – CTCP Vina Tea  VINATEA Tư vấn IPO 5 triệu USD 2015	Masan Tài Nguyên  MASAN RESOURCES Tư vấn UPCOM 500 triệu USD 2015
CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau  DAM CA MAU Tư vấn cổ phần hóa 219 triệu USD 2014	Thế giới di động  thegioididong Tư vấn niêm yết HOSE 200 triệu USD 2013	Phân bón Bình Điền  Tư vấn niêm yết HOSE 63.5 triệu USD 2013	An Dương Thảo Điện  An Duong Thao Dien Tư vấn niêm yết HOSE 50 triệu USD 2012	Tổng Cty Khí VN – PetroVietnam Gas  PETROVIETNAM GAS Tư vấn niêm yết HOSE 3.2 tỷ USD 2012
CTCP Docimexco  Tư vấn niêm yết HOSE 15 triệu USD 2011	Vinacafe Bien Hoa  VINACAFE Tư vấn niêm yết HOSE 68 triệu USD 2011	Hanoi Southern City Development  NHN Tư vấn niêm yết UPCOM 49 triệu USD 2011	Cty Lương thực Đồng Tháp – Dong Thap Food  Tư vấn niêm yết HOSE 21 triệu USD 2011	CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng  Tư vấn UPCOM 50 triệu USD 2011

Home Credit Việt Nam  Tư vấn chứng chỉ tiền gửi US\$10mn 2015	HD Sai Son  Tư vấn chứng chỉ tiền gửi US\$27mn 2015	Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Bến Thành  Tư vấn trái phiếu doanh nghiệp US\$15mn 2015	Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo  Tư vấn phát hành cổ phiếu US\$<10mn 2014	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động  Tư vấn chào bán riêng lẻ US\$30mn 2014
--	--	--	--	--

CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền  Tư vấn phát hành riêng lẻ US\$40mn 2014	Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Bến Thành  Tư vấn phát hành cổ phiếu US\$<10mn 2013	Tập đoàn Masan  Tư vấn chào bán riêng lẻ US\$110mn 2013	Tổng Công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí  Đồng tư vấn chào bán riêng lẻ US\$40mn 2013	Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1  Tư vấn chào bán riêng lẻ US\$57mn 2013
--	---	--	--	--

Công ty Phân bón Bình Điền  Tư vấn phát hành cổ phần ra công chúng US\$3.7mn 2013	Công ty Cổ phần Giấy Sài Gòn  Đồng tư vấn chào bán riêng lẻ Bảo mật 2012	Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật  Tư vấn phát hành cho đối tác chiến lược US\$10mn 2012	CTCP Đầu tư và Phát triển Nhà đất COTEC  Tư vấn phát hành cổ phiếu US\$<10mn 2012	Ngân hàng Gia Định  Tư vấn phát hành cổ phiếu USD\$50mn 2011
--	---	---	---	---

Công ty Cổ phần Xây lắp I - Petrolimex  Tư vấn phát hành cổ phần ra công chúng US\$<10mn 2011	Tổng công ty XD Thủy lợi 4  Tư vấn phát hành cổ phiếu US\$<10mn 2011	Công ty Cổ phần Long Hậu  Tư vấn phát hành cổ phần ra công chúng Bảo mật 2011	Công ty Cổ phần Sữa Vinamilk  Tư vấn phát hành cổ phiếu US\$88mn 2011	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan  Tư vấn phát hành cổ phiếu US\$50mn 2011
---	--	--	--	--

Hoạt động đầu tư chứng khoán

- Vietcap thực hiện đầu tư vào các khách hàng tư vấn của Vietcap giúp tạo ra một danh mục đầu tư hiệu quả.
- Chiến lược đầu tư tập trung vào các doanh nghiệp tăng trưởng, chuẩn bị niêm yết.
- Từ khi thành lập, Vietcap luôn tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các công ty tốt và triển vọng trong những ngành nghề khai thác được tiềm năng của thị trường Việt Nam với quy mô dân số hơn 90 triệu người.
- Với vị trí dẫn đầu trong mảng ngân hàng đầu tư, Vietcap có thể phối hợp chặt chẽ với các khách hàng tư vấn và có nhiều cơ hội để tham gia đầu tư tạo giá trị.
- Trong cả năm 2022, Mảng Đầu tư ghi nhận doanh thu 1.344 tỷ đồng trong năm 2022 (giảm 31% so với năm 2021) và LNTT đạt 298 tỷ đồng (giảm 71% so với năm 2021), Trong cả năm 2022, doanh thu và lợi nhuận đầu tư của Vietcap bị ảnh hưởng bởi xu hướng giảm chung của thị trường khi VNI-Index khép lại năm 2022 với mức giảm 33%, gần như mất toàn bộ thành quả trong năm 2021 và kết thúc năm 2022 ở mức 1.007 điểm.
- Trong 2023, mảng Đầu tư tiếp tục là động lực dẫn dắt thu nhập chính của Vietcap trong cả năm, với LNTT đạt 347 tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2022. Trong năm, Vietcap thực hiện giao dịch một số cổ phiếu như BSR, MBB, PVS, VPB, VNM, FPT, POW cùng với các cổ phiếu khác.
- Trong cả năm 2024, mảng Đầu tư ghi nhận doanh thu đạt 2.014 tỷ đồng (tăng 74% so với năm 2023) và LNTT đạt 554 tỷ đồng (tăng 60% so với năm 2023). Trong cả năm 2024, Vietcap đã thực hiện một số giao dịch cổ phiếu như ACB, MBB, CTG, DGC, IDC, FRT, MWG, FPT, MCH cùng các cổ phiếu khác.
- Trong 9 tháng đầu năm 2025, mảng Đầu tư ghi nhận doanh thu đạt 1.804 tỷ đồng (tăng 21% so với cùng kỳ năm ngoái) và lợi nhuận trước thuế đạt 473 tỷ đồng (giảm 2% so với cùng kỳ năm ngoái). Trong 9 tháng đầu năm 2025, Vietcap đã thực hiện một số giao dịch tại các cổ phiếu như FPT, FRT, ACB, MBB, HPG và MCH.

Dịch vụ môi giới chứng khoán

Môi giới khách hàng tổ chức nước ngoài (“Institutional Sales and Brokerage”, “ISB”): Vietcap dẫn đầu thị phần trong mảng môi giới khách hàng nước ngoài.

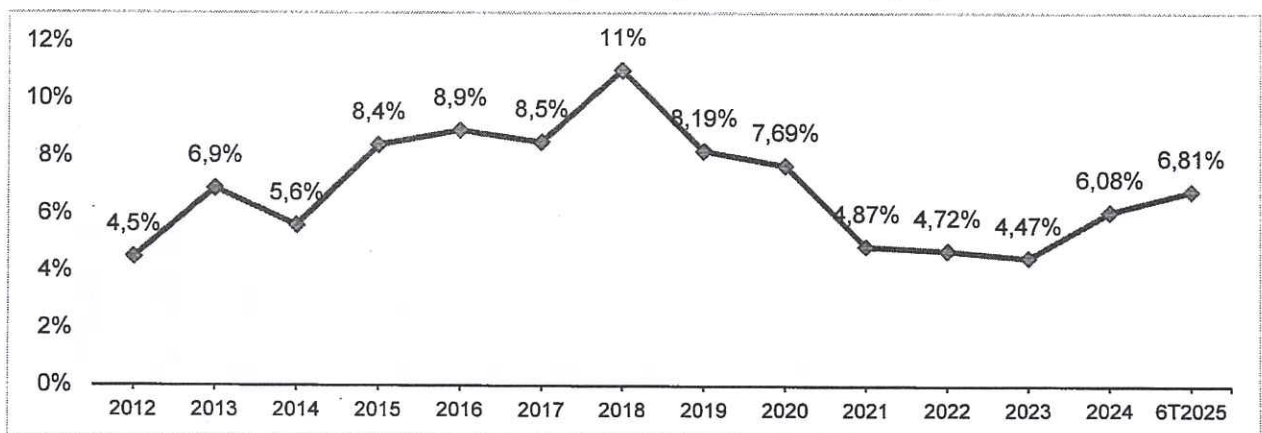
- Bộ phận môi giới khách hàng tổ chức cung cấp đầy đủ các dịch vụ môi giới và giao dịch bao gồm:
 - Môi giới cổ phiếu và trái phiếu
 - Giao dịch lô lớn
 - Tư vấn đầu tư và thoái vốn
 - Lưu ký
 - Tiếp xúc doanh nghiệp
 - Hỗ trợ DMA, STP và FIX
- Bộ phận môi giới khách hàng tổ chức hiện nay gồm một đội ngũ nhiều chuyên gia trong nước và quốc tế giàu kinh nghiệm, am hiểu thị trường, tư vấn đầu tư hiệu quả. Bên cạnh đó, bộ phận ISB được hỗ trợ bởi một đội ngũ phân tích thị trường, phụ trách báo cáo các doanh nghiệp, báo cáo ngành, báo cáo chiến lược...

- Bộ phận môi giới khách hàng tổ chức là đơn vị đầu mối tổ chức sự kiện “Vietnam Access Day” – VAD – một hội nghị thường niên uy tín thu hút đông đảo các nhà đầu tư tổ chức trong nước và quốc tế với số lượng tham dự lên đến 500 đơn vị. Ngoài ra, bộ phận ISB còn là trung gian kết nối các doanh nghiệp hàng đầu trong nước với nhà đầu tư quốc tế, thường xuyên tổ chức các chuyến thăm doanh nghiệp hoặc tổ chức các chuyến giới thiệu doanh nghiệp Việt Nam (non-deal roadshow) tại thị trường nước ngoài như Mỹ, Châu Âu, Hongkong, Nhật Bản, Singapore, Thái Lan...
- Với lợi thế từ hoạt động tư vấn tài chính, M&A, bộ phận ISB có điều kiện tiếp cận, làm việc trực tiếp với nhiều doanh nghiệp tốt, có uy tín, thương hiệu trên thị trường. Từ đó, ISB có thể giới thiệu các cơ hội các cơ hội đầu tư tốt cho các khách hàng hiện hữu.
- Bộ phận ISB của Vietcap được bình chọn là (1) “Nhà môi giới khách hàng tổ chức tốt nhất Việt Nam” bởi Alpha Southeast Asia năm 2014 và 2015; (2) “Nhà môi giới tốt nhất” bởi Finance Asia năm 2016-2018; (3) “Nhà môi giới tổ chức tốt nhất Việt Nam” (Best Institutional Broker in Vietnam) năm 2020 bởi Alpha Southeast Asia.

Môi giới khách hàng trong nước (“Local Brokerage”, “LB”): Vietcap đang giữ vị trí thứ 4 về thị phần môi giới tại HSX.

- Bộ phận môi giới trong nước phục vụ khách hàng cá nhân trong nước với đầy đủ các dịch vụ môi giới và hiện có hơn 50.000 tài khoản đang hoạt động. Các dịch vụ bao gồm môi giới, lưu ký, quản lý cổ đông, cung cấp dịch vụ ký quỹ... với đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm, am hiểu thị trường và tận tâm với khách hàng. Tư vấn đầu tư được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của bộ phận môi giới.
- Bộ phận môi giới trong nước có khả năng tư vấn sâu sắc và toàn diện từ bộ phận nghiên cứu phân tích, hỗ trợ nhà đầu tư ra quyết định đúng đắn và hiệu quả.
- Bộ phận môi giới trong nước không ngừng cải tiến các phương thức giao dịch, trong đó phải kể đến các phương thức tương tác trực tuyến như V-Pro, V-Web, V-Mobile; hỗ trợ DMA và STP... đảm bảo tính nhanh chóng, thuận lợi và bảo mật thông tin.
- Số lượng khách hàng cá nhân của Vietcap ngày càng tăng trong các năm qua, và với tỷ lệ giao dịch của khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng chi phối trong toàn bộ giá trị giao dịch trên thị trường.
- Vietcap hướng đến khách hàng có doanh số cao, mục đích đầu tư ổn định và lâu dài.

Hình 4: Thị phần môi giới tổng thể của Vietcap tại HSX



Nguồn: HSX

Năm 2023, mảng Môi giới ghi nhận tổng doanh thu 514 tỷ đồng (giảm 16% so với năm 2022) và LNTT đạt 102 tỷ đồng (giảm 47% so với năm 2022). Theo số liệu của HSX, năm 2023 Vietcap tiếp tục củng cố thị phần môi giới trong Top 8 trên HSX với 4,47% thị phần, giảm 0,25% so với năm 2022.

Trong cả năm 2024, mảng môi giới ghi nhận doanh thu đạt 769 tỷ đồng (tăng 50% so năm 2023) và LNTT đạt 297 tỷ đồng (tăng 191% so với năm 2023). Tính chung cả năm 2024, Vietcap xếp hạng năm trên HOSE với thị phần môi giới là 6,08%, tăng vượt bậc so với hạng tám cùng thị phần 4,47% vào năm 2023. Riêng trong Quý 4/2024, thị phần môi giới trên HOSE của Vietcap tiếp tục tăng lên 7,03% và đứng thứ tư so với mức 6,78% trong Quý 3/2024.

Trong 9 tháng đầu năm 2025, mảng Môi giới ghi nhận doanh thu đạt 770 tỷ đồng (tăng 36% so với cùng kỳ năm ngoái) và lợi nhuận trước thuế đạt 287 tỷ đồng (tăng 36% so với cùng kỳ năm ngoái). Kết quả tích cực của mảng môi giới chủ yếu do thanh khoản thị trường tăng trong Quý 3/2025, với giá trị giao dịch trung bình tăng 80% so với Quý 2/2025 và đạt mức cao nhất kể từ Quý 2/2024. Vietcap xếp hạng thứ tư trên HOSE trong 6 tháng đầu năm 2025 với thị phần môi giới đạt 6,81%, tiếp tục tăng so với mức thị phần 6,08% trong năm 2024. Trong Quý 3/2025, Vietcap tiếp tục giữ vị trí thứ tư với thị phần môi giới đạt 6,43%, giảm nhẹ so với mức 6,81% trong Quý 2/2025.

Hoạt động giao dịch ký quỹ (“Margin lending”)

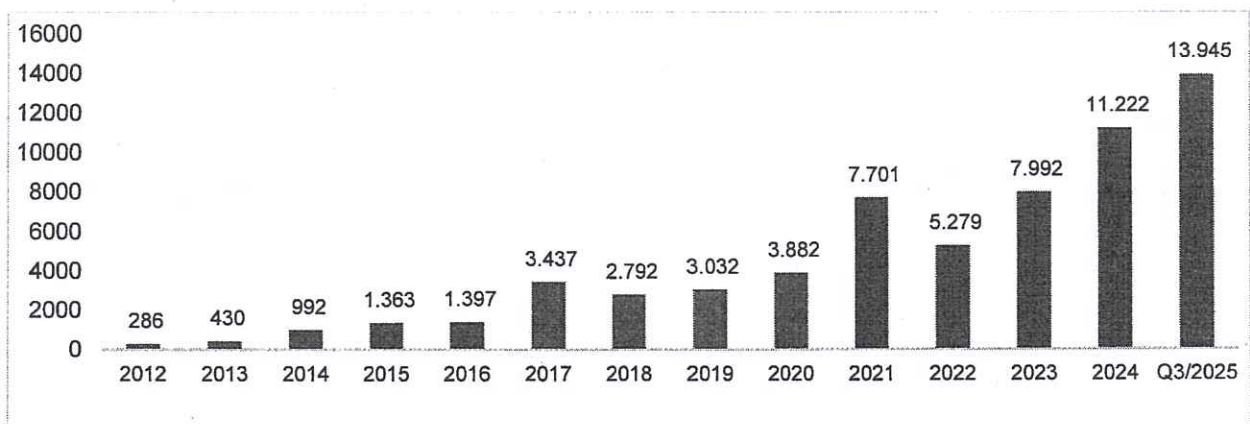
Mảng Cho vay Ký quỹ ghi nhận doanh thu 791 tỷ đồng trong năm 2023 (giảm 2,1% so với năm 2022) và LNTT đạt 153 tỷ đồng (giảm 33% so với năm 2022). Dư nợ cho vay ký quỹ của Vietcap tại cuối tháng 12/2023 đạt 7.992 tỷ đồng (tăng 51% so với cuối năm 2022). Hoạt động của mảng Cho vay Ký quỹ vẫn duy trì ổn định bất chấp các điều kiện thị trường biến động trong năm 2023 khi Vietcap vẫn theo đuổi chính sách thận trọng trong hoạt động cho vay ký quỹ.

Mảng cho vay ký quỹ đạt doanh thu 932 tỷ đồng trong cả năm 2024 (tăng 18% so năm 2023) và LNTT đạt 236 tỷ đồng (tăng 54% so với năm 2023). Dư nợ cho vay ký quỹ của Vietcap tiếp tục đạt mức cao kỷ lục 11.222 tỷ đồng tính đến cuối tháng 12/2024 (tăng 46% so với cuối năm 2023). Tỷ lệ dư nợ cho vay ký quỹ trên tổng vốn chủ sở hữu của Vietcap vẫn ở mức lành mạnh là 0,86 lần tại thời điểm cuối tháng 12/2024.

Tại 30/09/2025, dư nợ cho vay ký quỹ đạt 13.945 tỷ và tỷ lệ dư nợ cho vay ký quỹ trên tổng vốn chủ sở hữu đạt 1,07 lần. Mảng cho vay ký quỹ tăng trưởng tích cực nhờ thị phần môi giới của Vietcap ngày càng tăng trong cả năm 2024 và 2025.

Hình 5: Số dư hoạt động cho vay ký quỹ 2012 – 9 tháng đầu năm 2025

Đơn vị: tỷ đồng



Nguồn: Vietcap

b. Lợi nhuận trước thuế

Bảng 5: Tổng lợi nhuận trước thuế theo lĩnh vực kinh doanh chính qua các năm

Chi tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Lũy kế 9 tháng 2025	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Ngân hàng đầu tư	(32)	(5,6%)	2	0,2%	(13)	(2,2%)
Đầu tư chứng khoán	347	60,9%	554	50,9%	473	83,5%
Dịch vụ môi giới chứng khoán	102	17,9%	297	27,3%	287	50,6%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	153	26,8%	236	21,7%	338	59,7%
Tổng cộng	570	100,0%	1.089	100,0%	1.086	100,0%

Nguồn: Vietcap

2.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Trong năm 2024, lợi nhuận trước thuế (LNTT) đạt 1.089 tỷ đồng, tăng 91% so với năm 2023 và vượt 56% kế hoạch năm 2024 của Vietcap là 700 tỷ đồng. Trong 9 tháng đầu năm 2025, Vietcap ghi nhận LNTT đạt 1.086 tỷ đồng, tăng 30% so với cùng kỳ năm trước và đạt 76% kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Vietcap là 1.420 tỷ đồng.

Bảng 6: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% Tăng/(giảm) 2023-2024	9 tháng 2025
Tổng giá trị tài sản	17.255.135	26.592.124	54,1%	29.717.532
Doanh thu hoạt động	2.472.461	3.695.525	49,5%	3.453.893
Kết quả hoạt động	570.010	1.086.552	90,6%	1.070.278
Lợi nhuận khác	128	2.785	2069,1%	15.262
Lợi nhuận trước thuế	570.139	1.089.337	91,1%	1.085.540
Lợi nhuận sau thuế	491.905	910.692	85,1%	899.030

Nguồn: BCTC kiểm toán 2023, 2024 và BCTC 9 tháng đầu năm 2025

2.3 Các tranh chấp/ kiện tụng mà công ty đang gặp phải và diễn biến tại thời điểm hiện tại (nếu có)

Vietcap không có bất kỳ tranh chấp/ kiện tụng nào tính đến thời điểm hiện tại.

2.4 Các sự kiện vi phạm khác trong 01 năm gần nhất tính đến thời điểm hiện tại (nếu có)

Ngày 04/02/2025, Vietcap đã nhận Quyết định số 61/QĐ-XPHC của UBCKNN ban hành ngày 24/01/2025 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Vietcap đã hoàn thành các biện pháp khắc phục vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trong năm 2025, Vietcap đã nhận Quyết định số 725/QĐ-DNL ngày 30/6/2025 từ Chi Cục Thuế Doanh Nghiệp Lớn về việc truy thu số tiền 5,41 tỷ liên quan vi phạm hành chính và tiền chậm nộp tiền thuế cho năm 2023 và 2024. Vietcap đã nộp đủ số tiền vào ngân sách nhà nước, hoàn thành nghĩa vụ vào ngày 03/07/2025.

Ngoài các sự kiện trên, Vietcap không có khoản xử phạt vi phạm pháp luật nào khác trong 01 năm gần nhất tính đến thời điểm hiện tại.

2.5 Các chứng quyền mà công ty đã phát hành

Stt	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Thời hạn (tháng)	Loại chứng quyền	Kiểu chứng quyền	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện (đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số lượng chào bán	Tình trạng thanh toán
1	Chứng quyền MWG/VCSC/M/Au/T/A1	CMWG1905	MWG	6	Mua	Châu Âu	5:1	94.000	09/09/2019	09/12/2019	1.500.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
2	Chứng quyền FPT/VCSC/M/Au/T/A1	CFPT2002	FPT	6	Mua	Châu Âu	2:1	58.000	22/01/2020	22/07/2020	1.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
3	Chứng quyền VPB/VCSC/M/Au/T/A1	CVPB2003	VPB	6	Mua	Châu Âu	1:1	22.000	22/01/2020	22/07/2020	1.500.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
4	Chứng quyền MBB/VCSC/M/Au/T/A1	CMBB2005	MBB	6	Mua	Châu Âu	1:1	20.000	24/04/2020	26/10/2020	1.500.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
5	Chứng quyền MWG/VCSC/M/Au/T/A1	CMWG2006	MWG	6	Mua	Châu Âu	5:1	110.000	24/04/2020	26/10/2020	1.500.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
6	Chứng quyền PNJ/VCSC/M/Au/T/A1	CPNJ2003	PNJ	6	Mua	Châu Âu	5:1	75.000	24/04/2020	26/10/2020	1.500.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
7	Chứng quyền TCB/VCSC/M/Au/T/A1	CTCB2003	TCB	6	Mua	Châu Âu	1:1	25.000	24/04/2020	26/10/2020	1.500.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
8	Chứng quyền FPT/VCSC/M/Au/T/A2	CFPT2014	FPT	6	Mua	Châu Âu	2:1	55.000	09/10/2020	09/04/2021	1.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
9	Chứng quyền HPG/VCSC/M/Au/T/A1	CHPG2025	HPG	6	Mua	Châu Âu	1:1	34.000	09/10/2020	09/04/2021	1.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
10	Chứng quyền MSN/VCSC/M/Au/T/A1	CMSN2012	MSN	6	Mua	Châu Âu	2:1	65.000	09/10/2020	09/04/2021	1.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
11	Chứng quyền VNM/VCSC/M/Au/T/A1	CVNM2014	VNM	6	Mua	Châu Âu	5:1	140.000	09/10/2020	09/04/2021	1.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
12	Chứng quyền VPB/VCSC/M/Au/T/A2	CVPB2013	VPB	6	Mua	Châu Âu	1:1	27.000	09/10/2020	09/04/2021	1.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
13	Chứng quyền MWG/VCSC/M/Au/T/A3	CMWG2102	MWG	6	Mua	Châu Âu	5:1	120.000	01/02/2021	02/08/2021	2.500.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
14	Chứng quyền PNJ/VCSC/M/Au/T/A2	CPNJ2102	PNJ	6	Mua	Châu Âu	5:1	80.000	01/02/2021	02/08/2021	2.500.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT

Stt	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Thời hạn (tháng)	Loại chứng quyền	Kiểu chứng quyền	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện (đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số lượng chào bán	Tình trạng thanh toán
15	Chứng quyền FPT/VCSC/M/Au/T/A3	CFPT2102	FPT	6	Mua	Châu Âu	5:1	90.000	09/07/2021	10/01/2022	1.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
16	Chứng quyền HPG/VCSC/M/Au/T/A2	CHPG2109	HPG	6	Mua	Châu Âu	1:1	55.000	09/07/2021	10/01/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
17	Chứng quyền STB/VCSC/M/Au/T/A1	CSTB2105	STB	6	Mua	Châu Âu	1:1	30.000	09/07/2021	10/01/2022	3.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
18	Chứng quyền VNM/VCSC/M/Au/T/A2	CVNM2106	VNM	6	Mua	Châu Âu	5:1	100.000	13/07/2021	13/01/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
19	Chứng quyền KDH/VCSC/M/Au/T/A1	CKDH2106	KDH	6	Mua	Châu Âu	1:1	49.000	10/08/2021	10/02/2022	3.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
20	Chứng quyền MBB/VCSC/M/Au/T/A2	CMBB2105	MBB	6	Mua	Châu Âu	1:1	36.000	10/08/2021	10/02/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
21	Chứng quyền MWG/VCSC/M/Au/T/A4	CMWG2109	MWG	6	Mua	Châu Âu	5:1	170.000	10/08/2021	10/02/2022	1.500.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
22	Chứng quyền PNJ/VCSC/M/Au/T/A3	CPNJ2107	PNJ	6	Mua	Châu Âu	5:1	110.000	10/08/2021	10/02/2022	1.500.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
23	Chứng quyền VHM/VCSC/M/Au/T/A1	CVHM2109	VHM	6	Mua	Châu Âu	5:1	130.000	10/08/2021	10/02/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
24	Chứng quyền TCB/VCSC/M/Au/T/A3	CTCB2108	TCB	6	Mua	Châu Âu	1:1	58.000	13/09/2021	14/03/2022	4.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
25	Chứng quyền VPB/VCSC/M/Au/T/A4	CVPB2107	VPB	6	Mua	Châu Âu	1:1	74.000	13/09/2021	14/03/2022	4.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
26	Chứng quyền MSN/VCSC/M/Au/T/A3	CMSN2107	MSN	6	Mua	Châu Âu	5:1	150.000	13/09/2021	14/03/2022	2.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
27	Chứng quyền MWG/VCSC/M/Au/T/A5	CMWG2108	MWG	6	Mua	Châu Âu	5:1	126.000	13/09/2021	14/03/2022	2.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
28	Chứng quyền PNJ/VCSC/M/Au/T/A4	CPNJ2106	PNJ	6	Mua	Châu Âu	5:1	98.000	13/09/2021	14/03/2022	2.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
29	Chứng quyền ACB/VCSC/M/Au/T/A1	CACB2103	ACB	6	Mua	Châu Âu	1:1	37.000	24/11/2021	24/05/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
30	Chứng quyền FPT/VCSC/M/Au/T/A4	CFPT2111	FPT	6	Mua	Châu Âu	5:1	106.000	24/11/2021	24/05/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
31	Chứng quyền HPG/VCSC/M/Au/T/A3	CHPG2119	HPG	6	Mua	Châu Âu	2:1	53.000	24/11/2021	24/05/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
32	Chứng quyền MSN/VCSC/M/Au/T/A4	CMSN2111	MSN	6	Mua	Châu Âu	7:1	160.000	24/11/2021	24/05/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
33	Chứng quyền MWG/VCSC/M/Au/T/A6	CMWG2113	MWG	6	Mua	Châu Âu	6:1	154.000	24/11/2021	24/05/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
34	Chứng quyền PNJ/VCSC/M/Au/T/A5	CPNJ2110	PNJ	6	Mua	Châu Âu	5:1	113.000	24/11/2021	24/05/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán

Stt	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Thời hạn (tháng)	Loại chứng quyền	Kiểu chứng quyền	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện (đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số lượng chào bán	Tình trạng thanh toán
35	Chứng quyền STB/VCSC/M/Au/T/A2	CSTB2112	STB	6	Mua	Châu Âu	1:1	31.000	24/11/2021	24/05/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
36	Chứng quyền VIC/VCSC/M/Au/T/A2	CVIC2109	VIC	6	Mua	Châu Âu	5:1	102.000	24/11/2021	24/05/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
37	Chứng quyền VNM/VCSC/M/Au/T/A3	CVNM2114	VNM	6	Mua	Châu Âu	5:1	96.000	24/11/2021	24/05/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
38	Chứng quyền VRE/VCSC/M/Au/T/A1	CVRE2114	VRE	6	Mua	Châu Âu	1:1	34.000	24/11/2021	24/05/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
39	Chứng quyền POW/VCSC/M/Au/T/A1	CPOW2205	POW	6	Mua	Châu Âu	1:1	13.900	13/07/2022	13/01/2023	4.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
40	Chứng quyền MSN/VCSC/M/Au/T/A5	CMSN2210	MSN	6	Mua	Châu Âu	8:1	116.000	13/07/2022	13/01/2023	4.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
41	Chứng quyền PNJ/VCSC/M/Au/T/A6	CPNJ2205	PNJ	6	Mua	Châu Âu	6:1	129.000	13/07/2022	13/01/2023	4.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
42	Chứng quyền FPT/VCSC/M/Au/T/A5	CFPT2205	FPT	6	Mua	Châu Âu	6:1	93.000	13/07/2022	13/01/2023	4.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
43	Chứng quyền VPB/VCSC/M/Au/T/A5	CVPB2207	VPB	6	Mua	Châu Âu	2:1	33.000	13/07/2022	13/01/2023	4.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
44	Chứng quyền VRE/VCSC/M/Au/T/A2	CVRE2212	VRE	6	Mua	Châu Âu	2:1	30.000	13/07/2022	13/01/2023	4.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
45	Chứng quyền TCB/VCSC/M/Au/T/A4	CTCB2207	TCB	6	Mua	Châu Âu	3:1	43.000	13/07/2022	13/01/2023	4.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
46	Chứng quyền MBB/VCSC/M/Au/T/A3	CMBB2203	MBB	6	Mua	Châu Âu	2:1	35.500	25/03/2022	26/09/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
47	Chứng quyền MWG/VCSC/M/Au/T/A7	CMWG2203	MWG	6	Mua	Châu Âu	7:1	148.000	25/03/2022	26/09/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
48	Chứng quyền NVL/VCSC/M/Au/T/A1	CNVL2203	NVL	6	Mua	Châu Âu	5:1	92.500	25/03/2022	26/09/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
49	Chứng quyền KDH/VCSC/M/Au/T/A2	CKDH2205	KDH	6	Mua	Châu Âu	3:1	58.000	25/03/2022	26/09/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
50	Chứng quyền HDB/VCSC/M/Au/T/A1	CHDB2204	HDB	6	Mua	Châu Âu	2:1	31.500	25/03/2022	26/09/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
51	Chứng quyền HPG/VCSC/M/Au/T/A4	CHPG2207	HPG	6	Mua	Châu Âu	3:1	51.500	25/03/2022	26/09/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
52	Chứng quyền VHM/VCSC/M/Au/T/A2	CVHM2206	VHM	6	Mua	Châu Âu	5:1	86.000	25/03/2022	26/09/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
53	Chứng quyền STB/VCSC/M/Au/T/A3	CSTB2206	STB	6	Mua	Châu Âu	2:1	37.500	25/03/2022	26/09/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
54	Chứng quyền VIB/VCSC/M/Au/T/A1	CVIB2301	VIB	6	Mua	Châu Âu	2:1	25.960	06/02/2023	07/08/2023	4.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT

Stt	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Thời hạn (tháng)	Loại chứng quyền	Kiểu chứng quyền	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện (đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số lượng chào bán	Tình trạng thanh toán
55	Chứng quyền HPG/VCSC/M/Au/T/A5	CHPG2305	HPG	6	Mua	Châu Âu	2:1	23.200	06/02/2023	07/08/2023	4.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
56	Chứng quyền STB/VCSC/M/Au/T/A4	CSTB2302	STB	6	Mua	Châu Âu	2:1	28.200	06/02/2023	07/08/2023	4.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
57	Chứng quyền TPB/VCSC/M/Au/T/A1	CTPB2301	TPB	6	Mua	Châu Âu	3:1	26.000	06/02/2023	07/08/2023	4.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
58	Chứng quyền MBB/VCSC/M/Au/T/A4	CMBB2303	MBB	6	Mua	Châu Âu	2:1	20.800	06/02/2023	07/08/2023	4.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
59	Chứng quyền ACB/VCSC/M/Au/T/A2	CACB2301	ACB	6	Mua	Châu Âu	2:1	27.700	06/02/2023	07/08/2023	4.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
60	Chứng quyền FPT/VIETCAP/M/Au/T/A6	CFPT2312	FPT	6	Mua	Châu Âu	5:1	92.600	14/08/2023	15/02/2024	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
61	Chứng quyền MSN/VIETCAP/M/Au/T/A6	CMSN2312	MSN	6	Mua	Châu Âu	5:1	98.100	14/08/2023	15/02/2024	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
62	Chứng quyền MWG/VIETCAP/M/Au/T/A8	CMWG2311	MWG	6	Mua	Châu Âu	3:1	58.900	14/08/2023	15/02/2024	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
63	Chứng quyền POW/VIETCAP/M/Au/T/A2	CPOW2311	POW	6	Mua	Châu Âu	1:1	15.500	14/08/2023	15/02/2024	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
64	Chứng quyền VNM/VIETCAP/M/Au/T/A4	CVNM2309	VNM	6	Mua	Châu Âu	5:1	82.000	14/08/2023	15/02/2024	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
65	Chứng quyền VRE/VIETCAP/M/Au/T/A3	CVRE2314	VRE	6	Mua	Châu Âu	3:1	34.100	14/08/2023	15/02/2024	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
66	Chứng quyền VPB/VIETCAP/M/Au/T/A6	CVPB2313	VPB	6	Mua	Châu Âu	2:1	24.400	14/08/2023	15/02/2024	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
67	Chứng quyền ACB/VIETCAP/M/Au/T/A3	CACB2401	ACB	6	Mua	Châu Âu	2:1	25.000	18/12/2023	19/06/2024	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
68	Chứng quyền HPG/VIETCAP/M/Au/T/A6	CHPG2401	HPG	6	Mua	Châu Âu	3:1	31.000	18/12/2023	19/06/2024	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
69	Chứng quyền MBB/VIETCAP/M/Au/T/A5	CMBB2401	MBB	6	Mua	Châu Âu	2:1	20.000	18/12/2023	19/06/2024	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
70	Chứng quyền STB/VIETCAP/M/Au/T/A5	CSTB2401	STB	6	Mua	Châu Âu	3:1	31.000	18/12/2023	19/06/2024	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
71	Chứng quyền TCB/VIETCAP/M/Au/T/A5	CTCB2401	TCB	6	Mua	Châu Âu	2:1	34.000	18/12/2023	19/06/2024	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
72	Chứng quyền TPB/VIETCAP/M/Au/T/A2	CTPB2401	TPB	6	Mua	Châu Âu	2:1	18.500	18/12/2023	19/06/2024	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
73	Chứng quyền VHM/VIETCAP/M/Au/T/A3	CVHM2401	VHM	6	Mua	Châu Âu	4:1	43.000	18/12/2023	19/06/2024	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
74	Chứng quyền VIB/VIETCAP/M/Au/T/A2	CVIB2401	VIB	6	Mua	Châu Âu	2:1	21.000	18/12/2023	19/06/2024	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT

Stt	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Thời hạn (tháng)	Loại chứng quyền	Kiểu chứng quyền	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện (đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số lượng chào bán	Tình trạng thanh toán
75	Chứng quyền ACB/VIETCAP /M/Au/T/A4	CACB2506	ACB	6	Mua	Châu Âu	2:1	27.400	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
76	Chứng quyền FPT/VIETCAP /M/Au/T/A7	CFPT2506	FPT	6	Mua	Châu Âu	8:1	164.000	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
77	Chứng quyền HDB/VIETCAP /M/Au/T/A2	CHDB2501	HDB	6	Mua	Châu Âu	2:1	24.800	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
78	Chứng quyền HPG/VIETCAP /M/Au/T/A7	CHPG2507	HPG	6	Mua	Châu Âu	2:1	29.600	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
79	Chứng quyền MBB/VIETCAP /M/Au/T/A6	CMBB2506	MBB	6	Mua	Châu Âu	2:1	26.500	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
80	Chứng quyền MSN/VIETCAP /M/Au/T/A7	CMSN2504	MSN	6	Mua	Châu Âu	4:1	77.700	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
81	Chứng quyền MWG/VIETCAP /M/Au/T/A9	CMWG2506	MWG	6	Mua	Châu Âu	3:1	66.900	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
82	Chứng quyền STB/VIETCAP /M/Au/T/A6	CSTB2506	STB	6	Mua	Châu Âu	2:1	38.100	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
83	Chứng quyền TCB/VIETCAP /M/Au/T/A6	CTCB2505	TCB	6	Mua	Châu Âu	2:1	26.400	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
84	Chứng quyền TPB/VIETCAP /M/Au/T/A3	CTPB2501	TPB	6	Mua	Châu Âu	1:1	17.700	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
85	Chứng quyền VHM/VIETCAP /M/Au/T/A4	CVHM2504	VHM	6	Mua	Châu Âu	2:1	44.500	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
86	Chứng quyền VIB/VIETCAP /M/Au/T/A3	CVIB2503	VIB	6	Mua	Châu Âu	1:1	21.200	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
87	Chứng quyền VIC/VIETCAP /M/Au/T/A3	CVIC2503	VIC	6	Mua	Châu Âu	3:1	42.600	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
88	Chứng quyền VJC/VIETCAP /M/Au/T/A1	CVJC2501	VJC	6	Mua	Châu Âu	6:1	106.100	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
89	Chứng quyền VNM/VIETCAP /M/Au/T/A5	CVNM2505	VNM	6	Mua	Châu Âu	4:1	67.800	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
89	Chứng quyền VPB/VIETCAP /M/Au/T/A7	CVPB2505	VPB	6	Mua	Châu Âu	1:1	21.000	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
91	Chứng quyền VRE/VIETCAP /M/Au/T/A4	CVRE2504	VRE	6	Mua	Châu Âu	1:1	17.900	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT

Nguồn: Vietcap

3. Tình hình tài chính

3.1 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng hoặc khế ước tiền vay. Công ty hiện không có khoản nợ quá hạn.

3.2 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành. Số dư các khoản thuế và phải nộp cho nhà nước tại thời điểm 31/12/2023, 31/12/2024 và 30/09/2025 như sau:

Bảng 7: Số dư thuế và các khoản khác phải nộp nhà nước

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	7.571	35.885	95.892
Thuế thu nhập cá nhân giao dịch chứng khoán nộp hộ khách hàng	20.545	26.385	49.063
Thuế thu nhập cá nhân	2.368	2.140	7.430
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	135	59	228
Tổng cộng	30.619	64.468	152.612

Nguồn: BCTC kiểm toán 2023, 2024 và BCTC 9 tháng đầu năm 2025

3.3 Tổng dư nợ vay

Dưới đây là số dư các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại 31/12/2023, 31/12/2024 và 30/09/2025:

Bảng 8: Số dư các khoản vay ngắn hạn và dài hạn

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Khoản vay ngắn hạn	9.099.275	12.573.864	15.867.226
Vay ngắn hạn	8.979.275	12.573.864	15.867.226
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	120.000	-	-
Khoản vay dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	9.099.275	12.573.864	15.867.226

Nguồn: BCTC kiểm toán 2023, 2024 và BCTC 9 tháng đầu năm 2025

Công ty không có khoản vay dài hạn. Các khoản vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay ngân hàng được trình bày chi tiết ở bảng dưới đây.

Bảng 9: Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị: triệu đồng

Khoản vay	Số dư tại 30/09/2025	Thông tin
Vay ngân hàng trong nước	10.583.000	Vay ngân hàng trong nước bao gồm các khoản vay có tài sản đảm bảo
Vay ngân hàng nước ngoài	3.122.226	Lãi suất tham chiếu là SOFR do CME Group Benchmark Administration Limited (hoặc bất kỳ bên nào khác tiếp quản việc quản lý lãi suất đó) quản lý trong thời gian có liên quan

Khoản vay	Số dư tại 30/09/2025	Thông tin
		CME Group Administration Limited (hoặc bất kỳ bên nào khác tiếp quản việc công bố lãi suất đó) công bố. Các khoản vay nước ngoài có nguyên tệ là đồng Đô la Mỹ. Công ty đã thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá 100% dư nợ và lãi đi vay thông qua hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền. Các hợp đồng này đáo hạn tương ứng với thời điểm đáo hạn của các khoản vay
Vay tổ chức trong nước	1.611.000	Bao gồm các khoản vay tín chấp với các công ty cổ phần trong nước
Vay công ty tài chính trong nước	551.000	Bao gồm các khoản vay tín chấp với các công ty tài chính trong nước
Tổng cộng	15.867.226	

Nguồn: BCTC 9 tháng đầu năm 2025

Toàn bộ các khoản vay ngắn hạn của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Các khoản vay chịu lãi suất từ 3,5% đến 7,0% một năm tùy thuộc vào thời điểm giải ngân. Các khoản nợ của Vietcap tính đến cuối tháng 9/2025 là 15.867 tỷ đồng, tăng 26% so với cuối năm 2024. Tất cả các khoản nợ này đều là nợ ngắn hạn và chủ yếu được sử dụng để tài trợ cho hoạt động cho vay ký quỹ. Tỷ lệ tổng nợ vay trên VCSH của Vietcap tăng lên mức 125,2% vào cuối tháng 9/2025 so với mức 97,1% vào cuối năm 2024.

Công ty hiện không có bất kỳ khoản nợ quá hạn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn nào.

3.4 Tình hình công nợ hiện nay

a. Các khoản phải thu

Bảng 10: Các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.094.492	506.858	288.226
Các khoản phải thu	848.568	393.384	235.397
Trả trước cho người bán	227.931	99.839	28.415
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	31.213	31.373	42.152
Dự phòng các khoản phải thu	(13.220)	(17.737)	(17.737)
Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	1.094.492	506.858	288.226

Nguồn: BCTC kiểm toán 2023, 2024 và BCTC 9 tháng đầu năm 2025

b. Các khoản phải trả

Bảng 11: Các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Nợ phải trả ngắn hạn	9.465.772	13.038.471	16.717.227
Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	8.979.275	12.573.864	15.867.226
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	120.000	-	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	13.209	16.570	26.582
Phải trả người bán ngắn hạn	159.638	41.322	243.952
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	378	2.743	20.708
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30.619	64.468	152.612
Phải trả người lao động	99.745	185.773	124.779
Chi phí phải trả ngắn hạn	47.275	75.873	68.852
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	15.632	77.857	212.515
Nợ phải trả dài hạn	418.133	609.348	330.441
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	418.133	609.348	330.441
Tổng cộng	9.883.905	13.647.819	17.047.567

Nguồn: BCTC kiểm toán 2023, 2024 và BCTC 9 tháng đầu năm 2025

3.5 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

a. Chỉ tiêu về an toàn tài chính

Bảng 12: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Giá trị vốn khả dụng	6.941.160	12.495.980	12.027.098
Tổng giá trị rủi ro thị trường (1)	1.237.473	1.579.889	1.683.905
Tổng giá trị rủi ro thanh toán (2)	69.773	167.472	167.183
Tổng giá trị rủi ro hoạt động (3)	290.848	463.557	549.233
Tổng giá trị rủi ro (4) =(1+2+3)	1.598.094	2.210.918	2.400.320
Tỷ lệ vốn khả dụng			
Giá trị vốn khả dụng / Tổng giá trị rủi ro	434%	565%	501%

Nguồn: Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính tại 31/12/2023, 31/12/2024 và 30/06/2025

Theo quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ tài chính quy định các tổ chức kinh doanh chứng khoán phải đảm bảo tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu không thấp hơn 180%. Vietcap luôn duy trì tỷ lệ vốn khả dụng ở mức rất cao, an toàn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 13: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ / Nợ ngắn hạn)	1,81	2,03	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ phải trả / Tổng tài sản	57,3%	51,3%	
Hệ số Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	134,1%	105,4%	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu hoạt động	19,9%	24,6%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	6,7%	7,0%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	2,9%	3,4%	
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu hoạt động	23,1%	29,4%	
Thu nhập trên cổ phần (EPS – Đồng/ Cổ phiếu)	867	1.540	

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Vietcap lớn hơn 1 (1,81 tại 31/12/2023; 2,03 tại 31/12/2024) cho thấy mức độ an toàn trong việc đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của công ty là tương đối tốt.
- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Tại 31/12/2024, hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu là 105,4%, thấp hơn nhiều so với mức giới hạn 500% áp dụng cho công ty chứng khoán.
- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty như Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu hoạt động và Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu hoạt động trong năm 2023, 2024 đều đạt kết quả tốt. Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu trong hai năm 2023-2024 lần lượt đạt 6,7%; 7,0% là mức sinh lời khá cao so với các công ty trong ngành.

VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Thông tin chung về chứng quyền

Tên chứng quyền:	Chứng quyền ACB/VIETCAP/M/Au/T/A5
Tên chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng TMCP Á Châu
Mã chứng khoán cơ sở	ACB
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng TMCP Á Châu
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng Việt Nam
Thời hạn:	06 tháng
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	2:1 (2 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Hệ số nhân:	Không có
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Tài sản bảo đảm thanh toán	Ký quỹ
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán
Tổng số lượng chứng quyền dự kiến chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chứng quyền dự kiến chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Giá chào bán dự kiến:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Ngày giao dịch theo kế hoạch:	Những ngày mà cả Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội dự kiến mở cửa giao dịch.
Sự kiện gián đoạn bổ sung:	Thay đổi luật pháp, nộp đơn phá sản, ngăn ngừa rủi ro, tăng chi phí bảo đảm, sự kiện tiền tệ, công ty cơ sở vỡ nợ.
Thời gian định giá:	Thời gian đóng cửa theo lịch biểu của giao dịch có liên quan liên quan đến chứng khoán cơ sở.
Phương pháp tính giá chào bán:	Black Scholes Merton

- Trong giai đoạn ban đầu, chúng tôi sẽ sử dụng phương pháp lựa chọn Black Scholes Merton để tính toán chứng quyền có đảm bảo. Sau khi áp dụng phần mềm tính toán tự động, chúng tôi sẽ sử dụng sự kết hợp của các mô hình nội bộ và tính toán phần mềm. Hướng dẫn giám sát sẽ được thông qua để đảm bảo các biện pháp quản lý rủi ro thận trọng có thể được thực hiện.
- Các tính toán mô hình được trình bày chi tiết dưới đây:
- Giả định về tình hình thị trường
 - R - giả định lãi suất kép liên tục
 - D - Giả định lợi suất cổ tức kép liên tục
 - P - Giá của chứng khoán cơ sở
- Giả định mô hình
 - Si - Sigma hoặc biến động
- Giả định hợp đồng
 - K - Giá thực hiện của chứng quyền có bảo đảm
 - T - Thời gian đáo hạn (năm)
 - C - Tỷ lệ chuyển đổi
- Công thức tính
 - (1) $F = \exp((R - Q) * T)$; F là giá tương lai
 - (2) $d1 = (\ln(F / K) + 0,5 (Si^2) T) / (Si * T^{(0,5)})$
 - (3) $d2 = (\ln(F / K) - 0,5 (Si^2) T) / (Si * T^{(0,5)})$
 - (4) $N(d1) = \text{NORMDIST}(d1, 0, 1, \text{TRUE})$; Phân phối chuẩn của d1
 - (5) $N(d2) = \text{NORMDIST}(d2, 0, 1, \text{TRUE})$; Phân phối chuẩn của d2, của quyền mua được thực hiện.
 - (6) $N(-d1) = 1 - N(d1)$
 - (7) $n(d1) = \text{NORM.S.DIST}(d1, \text{FALSE})$; Mật độ xác suất của tiêu chuẩn

Giá quyền mua chứng quyền có đảm bảo = $(\exp(-R * T)) * (F * N(d1) - K * N(d2))$

Delta Quyền Mua = $(\exp(-Q * T)) * N(d1)$

Vega = $P * (\exp(-Q * T)) * (n(d1) * (T^{(0,5)}))$

Gamma = $(\exp(-Q * T)) * n(d1) / (P * Si * (T^{(0,5)}))$

Trong đó, Delta là tỷ lệ thay đổi giá CW so với giá chứng khoán cơ sở

Gamma là tỷ lệ thay đổi của Delta so với thay đổi giá của CW

Vega là tỷ lệ thay đổi giá trị của danh mục đầu tư theo mức biến động của chứng khoán cơ sở

Các thông tin cụ thể về giá chứng khoán cơ sở:	(Xem thông tin chi tiết phần VI.2)
Lãi suất:	Không áp dụng
Độ biến động của chứng khoán cơ sở:	20% - 50% (Độ lệch chuẩn giá chứng khoán cơ sở trong năm 2020 chuẩn hóa theo năm).

- Thông tin về các đợt phát hành chứng quyền cùng loại trước đó (đối với trường hợp chào bán bổ sung): Đây là đợt phát hành chứng quyền lần đầu, không có đợt phát hành chứng quyền cùng loại trước đó.

2. Thông tin về chứng khoán cơ sở

2.1 Chứng khoán cơ sở

a. Thông tin chung

Tên chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng TMCP Á Châu
Mã chứng khoán cơ sở	ACB
Giá trị vốn hóa (tại ngày 21/08/2025):	151.274,54 tỷ đồng
Chỉ số giá/thu nhập hiện tại (P/E):	8,91 lần

b. Tính thanh khoản, tình hình biến động giá (đã điều chỉnh)

- Khối lượng giao dịch bình quân 12 tháng gần nhất: 11.939.645 cổ phiếu/ngày
- Giá đóng cửa điều chỉnh cao nhất 52 tuần: 29.450 đồng/cổ phiếu
- Giá đóng cửa điều chỉnh thấp nhất 52 tuần: 18.214 đồng/cổ phiếu

2.2 Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở

a. Thông tin chung ¹

Tên công ty:	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)
Logo:	
Trụ sở chính:	Số 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại:	+84 (0)28 3833 4085
Fax:	+84 (0)28 3839 9885
Website:	http://www.acb.com.vn
Mã chứng khoán:	ACB
Ngày niêm yết tại HSX:	09/12/2020
Sàn giao dịch:	HOSE
Nhóm ngành:	Ngân hàng

¹ Vui lòng xem thêm thông tin tại <http://www.acb.com.vn>

b. Kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở

Bảng 14: Kết quả kinh doanh

Đơn vị: tỷ đồng

Chi tiêu	2023	2024	% Tăng/(giảm) 2023-2024	9 tháng 2025
Tổng giá trị tài sản	718.795	864.006	20,2%	948.549
Vốn chủ sở hữu	70.956	83.462	17,6%	91.416
Nợ phải trả	647.839	780.544	20,5%	857.134
Thu nhập lãi thuần	24.960	27.795	11,4%	19.812
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	2.922	3.239	10,8%	2.252
Lãi (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.110	1.171	5,5%	1.595
Lãi (lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	168	200	19,0%	428
Lãi (lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	2.647	450	-83,0%	445
Lãi thuần từ hoạt động khác	863	624	-27,8%	980
Lợi nhuận trước thuế	20.068	21.006	4,7%	16.072
Lợi nhuận sau thuế	16.045	16.790	4,6%	12.840

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2023,2024, và 9 tháng đầu năm 2025

Bảng 15: Các chỉ số tài chính chủ yếu trong 02 năm gần nhất

Chỉ số tài chính	2023	2024
Chỉ tiêu về tăng trưởng		
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần	6,1%	11,4%
Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế	17,3%	4,7%
Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	17,2%	4,6%
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ phải trả / Tổng tài sản	90,1%	90,3%
Hệ số Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	913,0%	935,2%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu (ROE)	24,8%	21,7%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	2,4%	2,1%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2023, 2024

c. Các sự kiện vi phạm pháp luật trong 01 năm gần nhất tính đến thời điểm hiện tại (nếu có)

Theo thông tin tổng hợp từ nguồn công bố thông tin chính thức tại website của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở, sở giao dịch chứng khoán và UBCKNN, Ngân hàng TMCP Á Châu đã nhận Quyết định số 368/QĐ-XPHC ngày 19/09/2024 của UBCKNN về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Ngoài ra, Ngân hàng TMCP Á Châu không có khoản xử phạt vi phạm pháp luật nào khác trong 01 năm gần nhất tính đến thời điểm hiện tại.

3. Thời gian phân phối chứng quyền

Đối tượng nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và cá nhân. Thời gian phân phối dự kiến trong vòng (3) ngày làm việc. Vietcap sẽ thực hiện phân phối chứng quyền sau khi được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền, đã hoàn thành việc công bố thông tin tại TCPH và Sở giao dịch chứng khoán, đồng thời hoàn thành ký quỹ bảo đảm thanh toán theo quy định của pháp luật. Thời gian cụ thể sẽ theo thông báo của Vietcap tại Bản thông báo phát hành. Các mốc thời gian thực hiện dự kiến như sau, với giả định T là ngày làm việc:

- Thực hiện công bố thông tin bản cáo bạch và bản thông báo phát hành: dự kiến trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền (T+0), từ ngày T+1 đến ngày T+3;
- Ký quỹ bảo đảm thanh toán: dự kiến trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền (T+0), từ ngày T+1 đến ngày T+3;
- Phân phối chứng quyền: dự kiến trong vòng 03 (ba) ngày làm việc tính từ ngày T+4 đến hết ngày T+6.

4. Đăng ký mua và phân phối chứng quyền

Đăng ký mua trực tiếp tại TCPH thực hiện chứng quyền. Trình tự đăng ký như sau:

- **Bước 1:** Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận chào bán chứng quyền, tổ chức phát hành công bố bản cáo bạch và Bản thông báo phát hành trên trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán và của tổ chức phát hành theo pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- **Bước 2:** Nhà đầu tư đến các chi nhánh của TCPH để đăng ký số lượng chứng quyền cần mua và thực hiện thanh toán theo Thông báo của TCPH. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền:

Số tài khoản:

119.049.1282 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

- **Bước 3:** TCPH phân bổ chứng quyền cho nhà đầu tư đăng ký, trong trường hợp số lượng chứng quyền đăng ký mua lớn hơn số lượng chứng quyền chào bán thì chứng quyền sẽ được phân phối theo nguyên tắc tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư. Số lượng chứng quyền phân bổ cho nhà đầu tư sẽ được làm tròn đến hàng trăm với nguyên tắc làm tròn xuống. Phần lẻ đơn vị sẽ bị hủy bỏ.
- **Bước 4:** TCPH thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký chứng quyền. Sau khi được VSDC cấp Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng quyền, nhà đầu tư thực hiện lưu ký chứng quyền vào tài khoản chứng khoán

- **Bước 5:** TCPH thực hiện các thủ tục niêm yết chứng quyền tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM. Sau khi được cấp Quyết định niêm yết, chứng quyền sẽ được giao dịch trên hệ thống của Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM.

Nguyên tắc giá phân phối chứng quyền:

Giá phân phối chứng quyền sẽ là một mức giá duy nhất được TCPH thông báo tại Bản thông báo phát hành chứng quyền sau khi TCPH được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền.

Số lượng chứng quyền đặt mua tối thiểu: 10.000 chứng quyền

Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua chứng quyền:

Trường hợp lệnh đăng ký mua chứng quyền không hợp lệ/ hoặc được phân phối theo tỷ lệ, trong vòng 05 ngày làm việc sau khi kết thúc đăng ký mua chứng quyền, TCPH sẽ chuyển trả lại tiền cho nhà đầu tư theo hình thức chuyển khoản về tài khoản nhà đầu tư đã đăng ký trong Giấy đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm.

5. Thực hiện chứng quyền

5.1 Trường hợp thanh toán bằng tiền

- (1) Tổ chức phát hành (TCPH) gửi hồ sơ thông báo thực hiện chứng quyền đầy đủ, hợp lệ đến VSDC chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, trong đó có các thông tin sau:
 - Thông tin về ngày đăng ký cuối cùng: Ngày đăng ký cuối cùng là ngày làm việc thứ hai sau ngày giao dịch cuối cùng tại SGDCK. Trường hợp thực hiện chứng quyền do đáo hạn, ngày đăng ký cuối cùng là ngày đáo hạn chứng quyền.
 - Thông tin về ngày thanh toán: Ngày thanh toán là ngày làm việc thứ năm kể từ ngày đăng ký cuối cùng.
- (2) TCPH gửi văn bản thông báo về giá thanh toán chứng quyền đến VSDC chậm nhất vào ngày đăng ký cuối cùng.
- (3) Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền chỉ áp dụng trong trường hợp chứng quyền có lãi.
- (4) Trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của TCPH, VSDC lập và gửi cho HSX và các thành viên thông báo về việc chốt danh sách người sở hữu để thực hiện chứng quyền.
- (5) Chậm nhất vào 9h ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSDC lập và chuyển danh sách người sở hữu chứng quyền lưu ký dưới dạng chứng từ điện tử cho thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp.
- (6) Thành viên lưu ký (TVLK), tổ chức mở tài khoản trực tiếp có trách nhiệm đối chiếu thông tin người sở hữu chứng khoán trong Danh sách do VSDC cung cấp với thông tin do thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp đang quản lý và gửi cho VSDC Thông báo xác nhận dưới dạng chứng từ điện tử chậm nhất vào 15h30 ngày làm việc thứ hai kể từ ngày đăng ký cuối cùng để xác nhận chấp thuận hoặc không chấp thuận các thông tin trong Danh sách. Trường hợp không chấp thuận do có sai sót hoặc sai lệch số liệu, Thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp phải gửi thêm cho VSDC văn bản trong đó nêu rõ các thông tin sai sót hoặc sai lệch để phối hợp với VSDC điều chỉnh. Ngay sau khi điều chỉnh, VSDC

- sẽ cung cấp lại danh sách đã hiệu chỉnh dưới dạng chứng từ điện tử cho TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp.
- (7) Vào ngày làm việc thứ hai sau ngày đăng ký cuối cùng, VSDC gửi TCPH danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền.
 - (8) TCPH gửi Thông báo xác nhận Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền cho VSDC chậm nhất vào ngày làm việc thứ ba sau ngày đăng ký cuối cùng. Trường hợp không chấp thuận thông tin trong danh sách, TCPH phải gửi thông báo bằng văn bản cho VSDC nêu rõ lý do.
 - (9) Trong vòng một (01) ngày làm việc sau ngày nhận được Thông báo xác nhận của TCPH, VSDC gửi văn bản thông báo cho TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp có liên quan xác nhận việc phân bổ tiền do thực hiện chứng quyền.
 - (10) Chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày thanh toán tiền, TCPH chuyển đủ số tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký vào tài khoản tiền theo thông báo của VSDC. Trường hợp chậm chuyển tiền thanh toán, chậm nhất một (01) ngày làm việc trước ngày thanh toán, TCPH phải thông báo bằng văn bản cho VSDC nêu rõ lý do chậm chuyển tiền. Căn cứ vào công văn của tổ chức phát hành, VSDC sẽ thông báo cho thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp có liên quan.
 - (11) Tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký được VSDC phân bổ vào tài khoản của TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp liên quan trong ngày làm việc liền trước ngày thanh toán. TVLK chịu trách nhiệm phân bổ tiền cho khách hàng sở hữu chứng quyền lưu ký trong ngày thanh toán.
 - (12) Trường hợp TCPH thông báo chứng quyền không có lãi và không phải thanh toán cho người sở hữu chứng quyền, trong vòng một (01) ngày làm việc sau ngày nhận được văn bản của TCPH, VSDC gửi thông báo cho SGDCK và các thành viên về việc hủy đợt chốt danh sách thực hiện chứng quyền.
 - Số tiền thanh toán cho một đơn vị chứng quyền là số tiền trên một đơn vị chứng quyền trong trường hợp Giá thanh toán lớn hơn Giá thực hiện, được tính từ chênh lệch Giá thanh toán và Giá thực hiện, bằng $[(\text{Giá thanh toán} - \text{Giá thực hiện}) / \text{Tỷ lệ chuyển đổi}]$.
 - Số tiền thanh toán ròng là số tiền thanh toán giảm trừ các chi phí thực hiện quyền (nếu có).
 - Trường hợp nhà đầu tư không đặt lệnh thực hiện chứng quyền, chứng quyền có lãi được tự động thực hiện theo phương thức thanh toán bằng tiền vào ngày đáo hạn.

5.2 Trường hợp chuyển giao chứng khoán cơ sở

Không có

5.3 Các biện pháp xử lý trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán

Trường hợp bị mất khả năng thanh toán, Công ty sẽ sử dụng các nguồn sau để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty đối với người sở hữu chứng quyền có bảo đảm:

- Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;
- Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký

6. Quyền của người sở hữu chứng quyền

6.1 Quyền của người sở hữu chứng quyền mua

Người sở hữu chứng quyền mua được quyền nhận khoản tiền chênh lệch khi giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện (chỉ số thực hiện) tại thời điểm thực hiện.

6.2 Các trường hợp khác

- Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.
- Trong trường hợp chứng quyền bị hủy niêm yết do tổ chức phát hành đình chỉ, tạm ngừng hoạt động; hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động; khi bị phát hiện hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; do chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết; hoặc không thể xác định được chỉ số chứng khoán vì các nguyên nhân bất khả kháng đã được quy định rõ tại bộ nguyên tắc về xác định chỉ số; hoặc do Sở Giao dịch chứng khoán xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư, thì giá thanh toán được áp dụng là trung bình giá đóng cửa của chứng quyền trong 05 ngày giao dịch liền kề trước ngày hủy niêm yết chứng quyền có hiệu lực.
- Trong vòng 24 giờ kể từ ngày có quyết định hủy niêm yết chứng quyền, Công ty sẽ công bố cách thức xác định giá thanh toán chứng quyền cho người sở hữu chứng quyền từ ngày hủy niêm yết có hiệu lực.
- Kể từ ngày công bố thông tin hủy chứng quyền đến ngày liền trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực, Công ty thực hiện việc mua lại chứng quyền thông qua hoạt động tạo lập thị trường. Giá mua lại là mức giá thanh toán đã công bố và theo quy chế của Sở Giao dịch chứng khoán.

7. Điều chỉnh chứng quyền

7.1 Các trường hợp điều chỉnh chứng quyền

Tổ chức phát hành phải điều chỉnh chứng quyền trong các trường hợp sau: Giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh do tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở chia cổ tức bằng tiền mặt, chia cổ tức bằng cổ phiếu, thưởng cổ phiếu, phát hành cổ phiếu mới, chia tách cổ phiếu...

7.2 Cách thức xác định mức độ điều chỉnh

- Công thức điều chỉnh giá thực hiện và tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền khi chứng khoán cơ sở có sự kiện doanh nghiệp như sau:
- Thời điểm thực hiện điều chỉnh: Ngày giao dịch không hưởng quyền của tài sản cơ sở.
- Giá thực hiện mới = Giá thực hiện cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền / Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).
- Tỷ lệ chuyển đổi mới = Tỷ lệ chuyển đổi cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền / Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).
- Tỷ lệ thực hiện hoặc giá thực hiện điều chỉnh cần làm tròn tới 4 chữ số thập phân,
- Việc điều chỉnh khác sẽ căn cứ theo quyết định điều chỉnh của Sở Giao dịch Chứng khoán, TCPH sẽ thực hiện điều chỉnh.

8. Các khoản phí, lệ phí, thuế phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền

8.1 Phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch chứng quyền có bảo đảm

- Phí mua chứng quyền tại Công ty: là giá chào bán chứng quyền x Số lượng chứng quyền đăng ký mua.
- Phí môi giới tại Công ty.
- Phí giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán: 0,02% trên giá trị giao dịch.
- Phí lưu ký tại VSDC: 0,3 đồng/chứng quyền/tháng.

8.2 Biểu thuế

Theo Công văn hướng dẫn số 1468/BTC-CST ngày 05/02/2018 của Bộ Tài chính về chính sách thuế đối với chứng quyền có bảo đảm, nhà đầu tư sẽ phải chịu mức thuế khi giao dịch chứng quyền có bảo đảm như sau:

a) Về thuế TNCN:

Trường hợp trước ngày đáo hạn, nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền

Thuế được xác định bằng giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần nhân (x) với thuế suất 0,1%.

Trong đó: Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần là giá khớp lệnh chứng quyền trên Sở giao dịch chứng khoán nhân (x) Số lượng chứng quyền.

Trường hợp trước ngày đáo hạn, chứng quyền bị hủy niêm yết

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền được xác định bằng Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần nhân (x) với thuế suất 0,1%.

Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm được tính như sau:

- + Giá mua lại theo mức giá thị trường của tổ chức phát hành thông qua hoạt động tạo lập thị trường nhân (x) số lượng chứng quyền (trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực); hoặc
- + Giá thanh toán chứng quyền do tổ chức phát hành công bố nhân (x) số lượng chứng quyền (sau ngày hủy niêm yết có hiệu lực)

Tại thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền

Tại thời điểm thực hiện quyền chuyển giao bằng tiền, thu nhập của nhà đầu tư áp dụng mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần.

Trong đó, Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần bằng giá thanh toán của chứng khoán cơ sở nhân (x) (Số lượng chứng quyền chia (:) cho Tỷ lệ chuyển đổi)

b) Về thuế TNDN:

Đối với doanh nghiệp trong nước:

Doanh nghiệp có thu nhập từ chứng quyền có bảo đảm thì khoản thu nhập này phải kê khai, nộp thuế TNDN với mức thuế suất 20% theo quy định.

Khoản chênh lệch tăng/giảm do đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm và tài sản cơ sở cuối năm tài chính, doanh nghiệp không tính vào thu nhập/chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

Đối với doanh nghiệp nước ngoài:

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm áp dụng tỷ lệ thuế 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Trong đó, cách tính giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần áp dụng tương tự như cách tính thuế TNCN tại công văn 1468.

c) Về thuế GTGT:

Các hoạt động liên quan tới chào bán, niêm yết, giao dịch, tạo lập thị trường, kinh doanh chứng khoán, bù trừ, thanh toán chứng quyền thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

9. Hoạt động tạo lập thị trường

Nhằm đảm bảo thanh khoản cho các chứng quyền đang lưu hành, Vietcap có nghĩa vụ tạo lập thị trường cho các chứng quyền do mình phát hành, cụ thể:

9.1 Nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

- Vietcap tham gia đặt lệnh tạo lập thị trường trong vòng (05) phút kể từ khi có một trong các sự việc sau đây xảy ra:
- Chỉ có lệnh bên mua hoặc bên bán chứng quyền;
- Không có lệnh bên mua và bên bán chứng quyền;
- Tỷ lệ chênh lệch giá trên thị trường vượt quá 5%. Tỷ lệ chênh lệch giá là tỷ lệ phần trăm của (giá chào bán thấp nhất - giá chào mua cao nhất)/giá chào mua cao nhất.
- Khi tham gia đặt lệnh, tổ chức tạo lập thị trường phải tuân thủ:
- Khối lượng mỗi lệnh tối thiểu là 100 chứng quyền;
- Giá đặt lệnh phải đảm bảo không vượt tỷ lệ chênh lệch giá 5%;
- Trường hợp không có lệnh mua và lệnh bán chứng quyền, tổ chức tạo lập thị trường phải yết giá hai chiều (đặt cả lệnh chào mua và lệnh chào bán);
- Thời gian tồn tại của lệnh trên hệ thống giao dịch tối thiểu là một (01) phút.

9.2 Miễn trừ nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

Trong các trường hợp sau, Vietcap không phải thực hiện hoạt động tạo lập thị trường:

- Đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa, năm (05) phút đầu sau khi kết thúc đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa thị trường và đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa;
- Tài sản cơ sở của chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch;
- Khi giá lý thuyết của chứng quyền được tính theo công thức nêu tại bản cáo bạch của Vietcap nhỏ hơn hoặc bằng 10 đồng;
- Số lượng chứng quyền trên tài khoản tạo lập thị trường không đáp ứng số lượng tối thiểu 100 chứng quyền, Vietcap được miễn đặt lệnh bán;
- Khi chưa có chứng quyền nào được lưu hành (trường hợp Vietcap chưa bán được chứng quyền nào cho nhà đầu tư), Vietcap được miễn đặt lệnh mua;
- Trường hợp thực hiện hủy niêm yết chứng quyền, Vietcap được miễn đặt lệnh bán;

- Giá chứng quyền tăng kịch trần (dư mua trần), Vietcap được miễn đặt lệnh bán hoặc Giá chứng quyền giảm kịch sàn (dư bán sàn), Vietcap được miễn đặt lệnh mua;
- Giá chứng khoán cơ sở tăng kịch trần (dư mua trần), Vietcap được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền mua;
- Giá chứng khoán cơ sở giảm kịch sàn (dư bán sàn), Vietcap được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền mua;
- Chứng quyền đang ở trạng thái có lãi từ 30% trở lên (tức chứng quyền mua đang có giá chứng khoán cơ sở cao hơn 30% so với giá thực hiện, Vietcap được miễn đặt lệnh bán;
- Trong mười bốn (14) ngày trước khi chứng quyền đáo hạn;
- Khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh...
- Các trường hợp khác được SGDCK áp dụng sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

VII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Quy trình quản trị rủi ro

1.1 Các vấn đề liên quan đến quản trị rủi ro của Vietcap

a. Hệ thống quản trị rủi ro

- Vietcap xây dựng, thiết lập và vận hành một hệ thống quản trị rủi ro chung cho toàn Công ty bao gồm một cơ cấu tổ chức hoàn chỉnh và một cơ chế vận hành thống nhất với một bộ quy trình quản trị rủi ro.
- Hệ thống quản trị rủi ro được thiết lập nhằm mục tiêu:
- Nhận diện được các rủi ro tiềm năng có thể xảy ra đối với hoạt động kinh doanh chứng quyền của tổ chức phát hành;
- Xử lý một cách nhanh chóng và hiệu quả đối với các vấn đề liên quan đến các rủi ro đã được nhận diện;
- Đảm bảo tính thống nhất giữa các bộ phận có liên quan trong quá trình quản trị rủi ro, đảm bảo hạn chế ở mức thấp nhất các rủi ro có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh sản phẩm chứng quyền có bảo đảm.
- Hệ thống quản trị rủi ro của Công ty đảm bảo:
- Sự tham gia và giám sát chặt chẽ của Ban kiểm soát;
- Chiến lược quản trị rủi ro rõ ràng, minh bạch thể hiện qua chính sách rủi ro của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể;
- Kế hoạch triển khai quản trị rủi ro thông qua các chính sách, quy trình đầy đủ;
- Công tác quản lý, kiểm tra, rà soát thường xuyên của BOM;
- Ban hành và triển khai đầy đủ các chính sách, quy trình quản trị rủi ro và các hạn mức rủi ro, thiết lập hoạt động thông tin quản trị rủi ro phù hợp.
- Hệ thống quản trị rủi ro được xây dựng một cách hiệu quả dựa trên việc phân công trách nhiệm trong toàn công ty, mỗi trưởng phòng, nhân viên của từng Phòng/ Ban đều có trách nhiệm trong

hệ thống quản trị rủi ro thông qua các quy định của pháp luật, các quy trình, chính sách nội bộ của Công ty và được áp dụng thống nhất toàn Công ty.

- Hệ thống quản trị rủi ro thúc đẩy hiệu quả hoạt động của Công ty thông qua việc nâng cao trách nhiệm, đánh giá năng lực mỗi nhân viên.

Trong hệ thống quản trị rủi ro chung, Vietcap tách biệt vận hành quy trình quản trị rủi ro riêng đối với từng hoạt động kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo tính thống nhất trong toàn bộ hệ thống

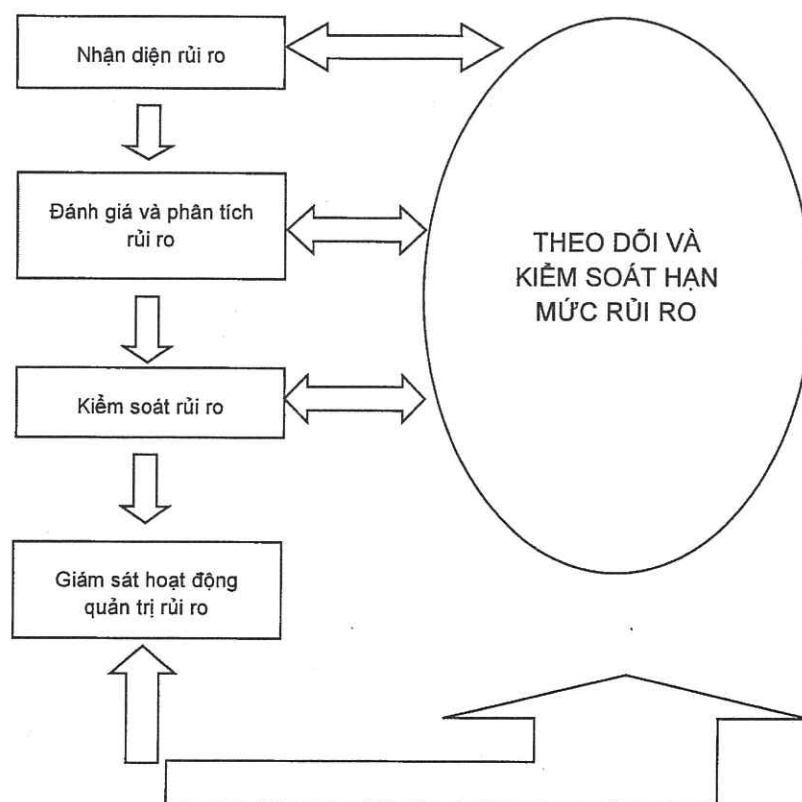
b. Quy trình quản trị rủi ro

- Hàng năm, Vietcap xây dựng và ban hành chính sách rủi ro làm cơ sở cho hoạt động quản trị rủi ro thường xuyên của Công ty, Trong đó, mức độ rủi ro, hạn mức rủi ro và khả năng chấp nhận rủi ro được quy định cụ thể cho từng hoạt động kinh doanh và được Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Hạn mức rủi ro được phân bổ và quản lý theo phương thức từ trên xuống cho từng bộ phận hoặc từng đối tác, giao dịch.
- Trong hoạt động phát hành chứng quyền, Vietcap thiết lập một hạn mức rủi ro cho danh mục chứng quyền của Vietcap, Đồng thời, xây dựng phương án bảo đảm thanh toán cho người sở hữu chứng quyền và phương án phòng ngừa rủi ro cho từng chứng quyền.
- Hạn mức rủi ro cho danh mục chứng quyền do phòng Đầu tư, phòng Quản lý rủi ro, phòng Phân tích và phòng Kế toán tính toán, thiết lập dựa trên sự phân bổ các nguồn vốn, các yếu tố về rủi ro trọng yếu và khả năng chấp nhận rủi ro tối đa của Vietcap.
- Phương án bảo đảm thanh toán cho người sở hữu chứng quyền do phòng Kế toán xây dựng chi tiết, cụ thể cho từng Chứng quyền dựa trên việc cân đối, tính toán các nguồn vốn hay tài sản để đảm bảo cho việc thanh toán thực hiện chứng quyền.
- Phương án PNRR cho từng Chứng quyền do phòng Đầu tư, phòng Phân tích và Phòng Quản trị rủi ro phối hợp xây dựng dựa trên việc tính toán số lượng chứng khoán cơ sở đủ để đảm bảo việc phòng ngừa rủi ro cho hoạt động PHCQ.

c. Mô hình quản trị rủi ro

- Quản trị rủi ro là một quá trình liên tục được vận hành xuyên suốt trong quá trình thực hiện các chiến lược của Công ty, cân bằng giữa nguy cơ và cơ hội, tạo ra một khuôn khổ giúp định hướng sự gia tăng tính hiệu quả của quyết định.
- Quy trình quản trị rủi ro được tích hợp với văn hóa doanh nghiệp, Văn hóa rủi ro tập hợp giá trị cá nhân và doanh nghiệp, thái độ, năng lực, hành vi giúp Công ty xác định phương pháp quản trị rủi ro và xây dựng hệ thống quản trị rủi ro phù hợp.
- Quy trình quản trị rủi ro được vận hành cho toàn bộ Công ty và cho từng hoạt động kinh doanh của Vietcap được khái quát theo mô hình dưới đây:

Hình 6: Mô hình quản trị rủi ro



- **Bước 1: Nhận diện rủi ro**
- Quá trình nhận diện rủi ro là việc phát hiện và liệt kê tất cả các yếu tố tác động bên trong và bên ngoài có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Các yếu tố tác động bên trong có thể là những hiện tượng, hành vi vi phạm tuân thủ các quy định của pháp luật, của Vietcap hoặc những lỗi do hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống kế toán, bộ phận nghiệp vụ...
- Các yếu tố tác động bên ngoài là những yếu tố có thể ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán như lỗi hệ thống giao dịch chung, diễn biến giá chứng khoán cơ sở, thay đổi các chính sách, luật và quy định liên quan đến thị trường chứng khoán và tiền tệ.
- Đối với hoạt động PHCQ của Vietcap, những rủi ro chính gồm nhưng không giới hạn:
 - **Rủi ro thanh toán:** Rủi ro khi tổ chức phát hành không thể thực hiện được các nghĩa vụ đã cam kết đối với nhà đầu tư, chẳng hạn như tổ chức phát hành chứng quyền bị mất khả năng thanh toán khi nhà đầu tư thực hiện quyền.
 - **Rủi ro thị trường:** Rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền có bảo đảm và giá của tài sản cơ sở.
 - **Rủi ro pháp lý:** Rủi ro khi tổ chức phát hành vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định và quy tắc của pháp luật hiện hành, dẫn đến bị phạt, cảnh cáo, tạm ngừng hoạt động hoặc bị rút giấy phép nghiệp vụ, đăng ký kinh doanh.
 - **Rủi ro thanh khoản:** Rủi ro thanh khoản là rủi ro khi chứng khoán cơ sở của Chứng quyền không giao dịch hoặc giao dịch với khối lượng rất thấp khiến cho NĐT không thể đóng trạng thái giao dịch đủ nhanh để ngăn ngừa hoặc giảm thiểu thiệt hại.

- Bước 2: Đánh giá và phân tích rủi ro
- Dựa trên các rủi ro liệt kê ở bước 1, Phòng Quản trị trong công ty sẽ đánh giá về khả năng hay xác suất rủi ro đó xảy ra và mức độ tác động.
- Dựa vào đánh giá và phân tích mức độ ảnh hưởng và khả năng xảy ra rủi ro, phòng Quản trị rủi ro xây dựng ma trận rủi ro gồm 5 cấp độ rủi ro tương ứng với mức độ ảnh hưởng: rất thấp, thấp, trung bình, cao và rất cao.
- Quá trình phân tích và đánh giá rủi ro giúp cho việc xác định được rủi ro trọng yếu ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình tài chính và khả năng hoạt động liên tục của Công ty, từ đó xây dựng các phương pháp xử lý tập trung chủ yếu vào một hoặc một vài rủi ro trọng yếu.
- Bước 3: Kiểm soát rủi ro
- Việc phân tích, đánh giá rủi ro sẽ giúp công ty xây dựng được chiến lược kiểm soát rủi ro thông qua việc lựa chọn chiến lược giải quyết hay đối phó với các rủi ro cho phù hợp. Các chiến lược thường được áp dụng để giải quyết hay đối phó với rủi ro là: tránh rủi ro, chuyển giao rủi ro, giảm nhẹ rủi ro, chấp nhận rủi ro.
- Chẳng hạn, sau khi xác định được các rủi ro trọng yếu, Phòng quản trị rủi ro và phòng ban liên quan cần phối hợp để tính toán và đưa ra các mức cảnh báo hoặc các tham số mục tiêu, từ đó đưa ra các phương án cũng như chiến lược để phòng ngừa rủi ro nhằm kiểm soát các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh chứng quyền của công ty.
- Bước 4: Giám sát hoạt động quản trị rủi ro
- Hoạt động cuối cùng trong quy trình quản trị rủi ro là hoạt động giám sát và trao đổi thông tin nhằm đánh giá lại toàn bộ quá trình nhận diện rủi ro, phân tích rủi ro, kiểm soát và đối phó với rủi ro của Công ty. Tiến độ thực hiện các kế hoạch kiểm soát rủi ro cho các rủi ro cụ thể cần được thông báo lên cấp trên và các phòng ban liên quan để chủ động thực hiện các hành động sửa chữa phù hợp.
- Định kỳ, Phòng quản trị rủi ro thực hiện đánh giá hoạt động quản trị rủi ro và đề xuất các giải pháp điều chỉnh hoạt động quản trị rủi ro, chính sách quản trị rủi ro, báo cáo BOM.

1.2 Vai trò của nhà quản lý cấp cao trong việc theo dõi quản trị rủi ro

a. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị có trách nhiệm thành lập Tiểu ban Quản trị rủi ro hoặc cử thành viên phụ trách để hỗ trợ các vai trò của Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện triển khai hoạt động quản trị rủi ro theo chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt.
- Hội đồng quản trị thực hiện các công việc sau:
- Tiến hành rà soát và phê duyệt định kỳ hàng năm các chính sách, hạn mức rủi ro.
- Chỉ đạo xử lý kịp thời các tồn tại trong công tác quản trị rủi ro trên cơ sở các báo cáo của Tổng Giám đốc, Bộ phận quản trị rủi ro và các bộ phận khác có liên quan đến hoạt động quản trị rủi ro.
- Kiểm tra, đánh giá đầy đủ tính hiệu quả và hiệu lực của Bộ phận quản trị rủi ro.
- Các biên bản được lập đối với các cuộc họp của Hội đồng quản trị với Tổng Giám đốc, bộ phận quản trị rủi ro.

b. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc:

- Tổng Giám đốc có trách nhiệm thành lập Bộ phận Quản trị rủi ro hoạt động độc lập với các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ khác, Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm trưởng bộ phận quản trị rủi ro của Tổng Giám đốc phải được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị.
- Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị trong việc triển khai chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Tổng Giám đốc thực hiện các công việc sau:
 - Xây dựng chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro trình Hội đồng quản trị phê duyệt.
 - Xây dựng các tiêu chuẩn quản trị rủi ro.
 - Định kỳ hàng quý báo cáo Hội đồng quản trị việc triển khai thực hiện quản trị rủi ro, đánh giá tính phù hợp của chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình quản trị rủi ro.
 - Đảm bảo hệ thống quản trị rủi ro được hiểu và vận hành thống nhất từ trên xuống dưới trong công ty phù hợp với chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt.
 - Xây dựng và triển khai các quy trình xử lý rủi ro phù hợp với chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro, sức chịu đựng rủi ro của công ty chứng khoán.
 - Đảm bảo các quy trình quản trị rủi ro và bộ phận quản trị rủi ro được thiết lập và tổ chức đầy đủ, rõ ràng, đủ nhân sự và nguồn lực tài chính.
 - Báo cáo Hội đồng quản trị về trạng thái rủi ro trọng yếu.

c. Trách nhiệm của Phòng quản trị rủi ro:

- Bộ phận quản trị rủi ro có trách nhiệm:
 - Thường xuyên theo dõi, đánh giá và đo lường các rủi ro của công ty chứng khoán.
 - Rà soát, điều chỉnh các mô hình định giá và hệ thống đánh giá các công cụ tài chính được sử dụng bởi các bộ phận nghiệp vụ kinh doanh.
 - Đề xuất các chính sách quản trị rủi ro cho Tổng Giám đốc.
 - Đề xuất hạn mức rủi ro cho các bộ phận nghiệp vụ.
 - Đánh giá mức độ rủi ro và trạng thái tập trung rủi ro, thiệt hại thực tế phát sinh và thiệt hại được dự báo bởi bộ phận quản trị rủi ro.
 - Theo dõi để đảm bảo việc thực hiện trên thực tế các chính sách quản trị rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình xử lý rủi ro mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt.
 - Lập báo cáo định kỳ hàng tháng về quản trị rủi ro thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ để báo cáo Tổng Giám đốc.
 - Trưởng bộ phận quản trị rủi ro thực hiện theo dõi, đánh giá hàng ngày trạng thái rủi ro của công ty chứng khoán.

d. Vai trò quản trị rủi ro tại các bộ phận nghiệp vụ:

- Quản trị rủi ro là bộ phận không mang tính tách rời trong hệ thống quản trị của công ty, Các trưởng phòng/ban có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện tuân thủ, quy định quản trị rủi ro đối với từng hoạt động nghiệp vụ.

- Các quy trình thuộc bộ phận nghiệp vụ cần có tối thiểu các nội dung về chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền quyết định, trách nhiệm, các quy định hạn chế rủi ro và các quy tắc đảm bảo nghĩa vụ tuân thủ các quy định pháp luật.

1.3 Sự kiểm soát giao dịch, hạn mức tín dụng và ký quỹ

a. Kiểm soát giao dịch

Kiểm soát rủi ro hoạt động giao dịch chứng khoán ký quỹ là việc Phòng Quản trị rủi ro phối hợp với Phòng DVKH thực hiện các biện pháp giám sát, quản lý đối với các phòng nghiệp vụ để kiểm soát các rủi ro đã được phát hiện, cảnh báo, Theo dõi diễn biến thị trường, các chính sách các văn bản pháp luật để kịp thời phát hiện rủi ro trong hoạt động giao dịch ký quỹ, Các công việc bao gồm:

- Theo dõi, giám sát quá trình tác nghiệp GDKQ của từng cá nhân, từng cán bộ trong phòng nghiệp vụ, Chi nhánh, Phòng giao dịch để đảm bảo tuân thủ đúng quy trình nghiệp vụ, phát hiện những hành vi vi phạm các quy trình nghiệp vụ, vi phạm quy định của pháp luật hoặc các hành vi có thể xâm phạm lợi ích của Công ty, lợi ích của Khách hàng và phòng tránh các rủi ro khác có thể phát sinh.
- Theo dõi, giám sát các giao dịch của các phòng nghiệp vụ có liên quan để đảm bảo các giao dịch của các phòng nghiệp vụ không phát sinh các rủi ro, tuân thủ đúng các quy trình nghiệp vụ, quyền hạn, hạn mức đã được cấp, các yêu cầu về tính minh bạch, sự an toàn của giao dịch và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.
- Theo dõi diễn biến của thị trường để xác định các rủi ro thị trường có thể tác động đến hoạt động GQKQ, Báo cáo Ban lãnh đạo các nội dung liên quan đến hoạt động GQKQ, bao gồm:
- Tình hình, kết quả thực hiện mua ký quỹ trong ngày bao gồm Tổng dư nợ cho vay giao dịch mua ký quỹ, tổng mức cho vay GDKQ đối với một Khách hàng, tổng dư nợ cho vay GDKQ của một công ty chứng khoán đối với một loại chứng khoán, tổng số chứng khoán cho vay GDKQ;
- Đề xuất về thay đổi các tiêu chí (nếu có);
- Tình hình biến động các cổ phiếu trong DMCKKQ (giá, thanh khoản của cổ phiếu, các tiêu chí tài chính...);
- Các kiến nghị, đề xuất khác của Phòng Quản trị rủi ro và các phòng ban có liên quan (nếu có).
- Theo dõi các chính sách, các văn bản pháp luật, văn bản pháp quy của Nhà nước và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành để xác định rõ các thay đổi trong chính sách có thể ảnh hưởng, tác động đến hoạt động giao dịch ký quỹ.

b. Hạn mức tín dụng và ký quỹ

- Tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của một công ty chứng khoán không được vượt quá 200% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán.
- Tổng mức cho vay giao dịch ký quỹ của công ty chứng khoán đối với một khách hàng không được vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán.
- Tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của một công ty chứng khoán đối với một loại chứng khoán không được vượt quá 10% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán.
- Tổng số chứng khoán cho vay giao dịch ký quỹ của một công ty chứng khoán không được vượt quá 5% tổng số chứng khoán niêm yết của một tổ chức niêm yết.

1.4 Tổ chức đánh giá tín dụng:

Không có

2. Phương án phòng ngừa rủi ro dự kiến

2.1 Phương án bảo đảm thanh toán cho người sở hữu chứng quyền

Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền được bảo đảm bằng các nguồn tài sản sau:

- Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;
- Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký;
- Bảo lãnh thanh toán hoặc tài sản khác (nếu có);

Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần

2.2 Phương án phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền

a. Mục đích phòng ngừa rủi ro

Để tổng chi phí bỏ ra trong suốt thời gian từ khi phát hành đến khi đáo hạn tiến đến gần sát, không được quá chênh lệch khoản phí chứng quyền hợp lý, trong trường hợp nếu có chênh lệch thì chỉ ở mức độ chấp nhận được, Chi phí bỏ ra gồm:

- Chi phí mua/bán tài sản cơ sở cho nhà đầu tư khi chứng quyền được thực hiện
- Chi phí lãi vay khoản tiền dùng để mua tài sản cơ sở trong quá trình phòng hộ
- Phí giao dịch khi mua/bán tài sản cơ sở trong quá trình phòng hộ

Phí chứng quyền hợp lý là mức phí được tính toán theo các công thức định giá quyền chọn (còn gọi là giá lý thuyết) căn cứ trên một mức độ biến động hợp lý của giá tài sản cơ sở

b. Phương án phòng ngừa rủi ro tổng quát

- Nghiệp vụ đảm bảo (Hedging):
- (1) Giả định giá (P) sẽ thay đổi ở tần suất của mỗi lần cập nhật giá
- (2) Giả định Sigma (Si) sẽ thay đổi bình thường mỗi ngày, ngoại trừ những thời điểm biến động mạnh trên thị trường
- (3) Nghiệp vụ đảm bảo Delta được duy trì hàng ngày trừ trường hợp có sự biến động lớn khi một trong hai hoặc cả hai biện pháp này có thể được thực hiện

(a) Lấy mẫu lại trong ngày thường xuyên của nghiệp vụ đảm bảo Delta

(b) Đảm bảo rủi ro gamma và vega

Nghiệp vụ đảm bảo Quyền Mua (Bán) bảo lãnh được thực hiện bằng cách mua (hoặc bán) Delta x Tỷ lệ chuyển đổi chứng khoán cơ sở (C)

Giá của một chứng quyền được bảo đảm tăng và giảm liên quan đến tài sản cơ sở theo thời gian. Tuy nhiên, số tiền (tỉ số hoặc delta) mà giá của chứng quyền được bảo đảm thay đổi, phụ thuộc vào việc chứng quyền được bảo đảm là ITM, ATM hay OTM. Delta của chứng quyền được bảo đảm nằm trong phạm vi từ 0 đến +1 đối với quyền mua.

- Chứng khoán phòng ngừa rủi ro:
- Chứng khoán cơ sở của chứng quyền,
- Các loại chứng khoán khác có cùng CKCS của chứng quyền (nếu có),
- Vị thế phòng ngừa rủi ro:
- Hệ số phòng ngừa rủi ro: Delta
$$\text{Delta Quyền Mua} = (\exp(-Q * T)) * N(d1)$$
- Giả định về tình hình thị trường:
 - R - giả định lãi suất kép liên tục
 - D - Giả định lợi suất cổ tức kép liên tục
 - P - Giá của chứng khoán cơ sở
- Giả định mô hình:
 - Si - Sigma hoặc biến động
- Giả định hợp đồng:
 - K - Giá thực hiện của chứng quyền có bảo đảm
 - T - Thời gian đáo hạn (năm)
 - C - Tỷ lệ chuyển đổi
- Công thức tính:
 - (1) $F = \exp((R-Q) * T)$; F là giá tương lai
 - (2) $d1 = (\ln(F / K) + 0,5 (Si^2) T) / (Si * T^{(0,5)})$
 - (3) $d2 = (\ln(F / K) - 0,5 (Si^2) T) / (Si * T^{(0,5)})$
 - (4) $N(d1) = \text{NORMDIST}(d1, 0, 1, \text{TRUE})$; Phân phối chuẩn của d1
 - (5) $N(d2) = \text{NORMDIST}(d2, 0, 1, \text{TRUE})$; Phân phối chuẩn của d2, của quyền mua được thực hiện
 - (6) $N(-d1) = 1 - N(d1)$
 - (7) $n(d1) = \text{NORM,S,DIST}(d1, \text{FALSE})$; Mật độ xác suất của tiêu chuẩn
 - Giá quyền mua chứng quyền có đảm bảo $= (\exp(-R * T)) * (F * N(d1) - K * N(d2))$
 - Vega $= P(\exp(-Q * T)) * (n(d1) * (T^{(0,5)}))$
 - Gamma $= (\exp(-Q * T)) * n(d1) / (P * Si * (T^{(0,5)}))$
- Công thức tính toán vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết:
 - Mua** – if ((giá CKCS hiện tại <= giá thực hiện), số lượng chứng quyền * tỷ lệ chuyển đổi * [giá CKCS hiện tại – giá thực hiện] – Delta * số lượng chứng quyền * tỷ lệ chuyển đổi, 0)
 - Bán** – if ((giá CKCS hiện tại >= giá thực hiện), số lượng chứng quyền * tỷ lệ chuyển đổi * [giá thực hiện – giá CKCS hiện tại] – Delta * số lượng chứng quyền * tỷ lệ chuyển đổi, 0)

3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền của tổ chức phát hành

Bộ phận đầu tư của Vietcap phụ trách việc lựa chọn chứng khoán cơ sở, tạo lập thị trường cho CW hàng ngày, và kết hợp với Bộ phận Quản trị rủi ro để quản trị rủi ro cho các chứng quyền phát hành. Các nhân sự phụ trách đã được đào tạo đầy đủ về các nội dung và nghiệp vụ liên quan.

Đến nay, Vietcap đã có nhiều năm kinh nghiệm thực hiện các đợt phát hành và niêm yết chứng quyền có bảo đảm, và luôn đảm bảo thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của TCPH theo quy định pháp luật trong công tác phát hành, niêm yết, tạo lập thị trường, thanh toán thực hiện chứng quyền có bảo đảm. Với ưu thế về số lượng khách hàng, tiềm lực tài chính tốt, các chỉ tiêu an toàn tài chính luôn duy trì ở mức cao so với quy định, hệ thống công nghệ hiện đại, quản trị rủi ro chặt chẽ, Vietcap có khả năng thanh toán đầy đủ các chứng quyền với nhà đầu tư, đồng thời đáp ứng nhu cầu mua hoặc bán lại chứng quyền của nhà đầu tư với số lượng đã chào bán, đảm bảo thanh khoản cho các chứng quyền do Vietcap phát hành.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

1. Ngân hàng lưu ký nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán

Tên ngân hàng:	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Tên viết tắt:	BIDV
Địa chỉ trụ sở chính:	Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại:	+84 (0)28 3821 8812
Website	www.bidv.com.vn

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tiền thân là Ngân hàng Kiến thiết Việt Nam, được thành lập theo Quyết định 177/TTg ngày 26/04/1957 của Thủ tướng Chính phủ, với chức năng ban đầu là cấp phát và quản lý vốn kiến thiết cơ bản từ nguồn vốn ngân sách phục vụ tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Ngày 08/11/1994 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 654/QĐ-TTg về việc chuyển giao nhiệm vụ cấp phát vốn ngân sách và tín dụng theo Kế hoạch nhà nước từ BIDV về Tổng cục Đầu tư (trực thuộc Bộ Tài chính) và Quyết định 293/QĐ-NH9 ngày 18/11/1994 của Thống đốc NHNN Việt Nam cho phép BIDV được kinh doanh đa năng như một Ngân hàng Thương mại, BIDV đã thực hiện những bước chuyển đổi cấu trúc cơ bản, định hướng kinh doanh mạnh mẽ theo hướng một ngân hàng thương mại đa năng, hoạt động đa ngành, kinh doanh đa lĩnh vực vì mục tiêu lợi nhuận. Những nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên BIDV đã góp phần tích cực trong sự nghiệp đổi mới kinh tế, thực hiện công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước; khẳng định vai trò và vị trí của BIDV trong hoạt động ngân hàng; và đặc biệt, đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận với danh hiệu “Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới”.

Qua 66 năm trưởng thành và phát triển, đến nay BIDV là một trong bốn ngân hàng thương mại lớn nhất ở Việt Nam, được tổ chức hoạt động theo mô hình Ngân hàng thương mại cổ phần, trong đó Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối.

Hoạt động chính của BIDV là thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thanh toán giữa các tổ chức và cá nhân; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu, các giấy tờ có giá khác và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

Ngân hàng lưu ký BIDV không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.

2. Tổ chức kiểm toán

Tên công ty: Công Ty TNHH PwC (Việt Nam)



Tên viết tắt: PwC Việt Nam

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84 (0)28 3823 0796

Website: www.pwc.com/vn

PwC Việt Nam thành lập văn phòng tại Hà Nội và Tp.HCM năm 1994 với đội ngũ chuyên gia hơn 1000 người Việt Nam và nước ngoài am hiểu sâu sắc môi trường kinh doanh tại Việt Nam. PwC Việt Nam cung cấp các dịch vụ tư vấn về chính sách và thủ tục đầu tư, thuế, pháp luật, kế toán và tư vấn tài chính doanh nghiệp trên cả nước, PwC Việt Nam có một cộng ty luật được Bộ Tư pháp cấp giấy phép có trụ sở chính tại Tp.HCM và chi nhánh tại Hà Nội.

IX. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Chúng tôi và các chi nhánh của chúng tôi tham gia vào một loạt các hoạt động ngân hàng đầu tư, đầu tư, môi giới và các hoạt động khác và có thể có các thông tin quan trọng về Công ty và / hoặc các CKCS hoặc phát hành hoặc cập nhật các báo cáo nghiên cứu về Công ty và / hoặc CKCS. Các hoạt động, thông tin và / hoặc các báo cáo nghiên cứu như vậy có thể liên quan đến hoặc ảnh hưởng đến Công ty và / hoặc các CKCS và có thể gây ra những hậu quả bất lợi cho Nhà đầu tư hoặc tạo ra mâu thuẫn quyền lợi liên quan đến việc phát hành Chứng quyền. Chúng tôi không có nghĩa vụ công bố những thông tin như vậy và có thể phát hành báo cáo nghiên cứu và tham gia vào bất kỳ hoạt động nào như vậy mà không liên quan đến việc phát hành Chứng quyền.

Trong quá trình kinh doanh thông thường, chúng tôi và các chi nhánh của chúng tôi có thể thực hiện các giao dịch cho tài khoản của chúng tôi hoặc cho các khách hàng của chúng tôi và có thể tham gia vào một hoặc nhiều giao dịch liên quan đến Công ty và / hoặc các CKCS hoặc các sản phẩm phái sinh liên quan. Điều này có thể gián tiếp ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà đầu tư.

Vietcap không phải là người có liên quan của Ngân hàng lưu ký và tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở.

X. CÁC CHỨNG QUYỀN BẢO ĐẢM MÀ CÔNG TY ĐÃ PHÁT HÀNH VÀ ĐANG NIÊM YẾT

Các chứng quyền bảo đảm mà Vietcap đã thực hiện phát hành và niêm yết đã được đáo hạn. Vietcap hiện không có chứng quyền bảo đảm đang niêm yết.

XI. CAM KẾT

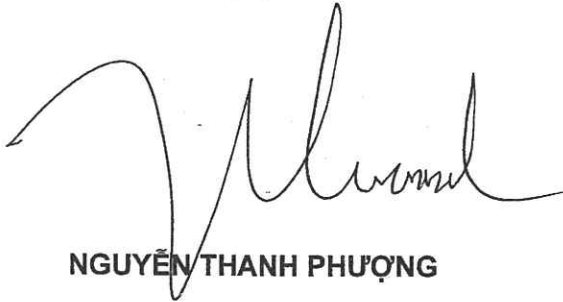
Vietcap cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong bản cáo bạch này.

XII. PHỤ LỤC

- Nghị quyết Hội đồng Quản trị thông qua quyết định chào bán chứng quyền có bảo đảm
Tp. HCM, ngày 30 tháng 10 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN THANH PHƯƠNG
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT


MAI THỊ THANH TRANG

TỔNG GIÁM ĐỐC 



TÔ HẢI
KẾ TOÁN TRƯỞNG


ĐOÀN TRẦN PHƯƠNG THẢO

XÁC NHẬN CỦA NGÂN HÀNG LƯU KÝ



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Minh Châu

VIỆT NAM CHINA



CỘNG HÒA VIỆT NAM
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

VIỆT NAM CHINA



**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP**

(Về việc: Chào bán và niêm yết các loại chứng quyền có bảo đảm)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**Đoàn Diệu Tú Quỳnh
Giám Đốc Nhân Sự**

- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ.VCSC ngày 22/04/2019 thông qua việc phát hành và niêm yết chứng quyền có bảo đảm;
- Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng quản trị vào ngày 26./08./2025 về việc phát hành và niêm yết các loại chứng quyền có bảo đảm.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (“Vietcap” hoặc “Công ty”) phát hành và niêm yết các loại chứng quyền có bảo đảm với nội dung chi tiết sau:

- 1.1 Thông tin chi tiết về việc chào bán và niêm yết mã chứng quyền có bảo đảm tại các phụ lục đính kèm Nghị quyết này.
- 1.2 Quy định về quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư sở hữu chứng quyền:
 - Quyền được thanh toán bằng tiền hoặc chuyển giao chứng khoán cơ sở theo điều kiện và phương thức do Vietcap công bố trong bản cáo bạch của từng đợt chào bán.
 - Quyền được thanh toán bằng tiền khi chứng quyền bị hủy niêm yết theo quy định của pháp luật.
 - Quyền chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế, cầm cố, vay mượn trong các quan hệ dân sự theo quy định của pháp luật hiện hành.
 - Quyền được ưu tiên thanh toán trong trường hợp Vietcap bị giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật.
 - Các quyền khác theo quy định của pháp luật cho phép tùy từng thời điểm.
- 1.3 Thông qua phương án bảo đảm thanh toán cho nhà đầu tư theo mã chứng quyền trong các phụ lục đính kèm Nghị quyết này.

Điều 2: Giao và ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện, nộp hồ sơ phát hành và niêm yết chứng quyền có bảo đảm tại Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và thực hiện các công việc khác có liên quan để hoàn thành việc phát hành và niêm yết theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký, và lập thành 3 bản gốc có giá trị thực hiện như nhau.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN THANH PHƯƠNG

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở FPT

Đợt phát hành năm 2025 (Series) - 8

Tên chứng quyền:	Chứng quyền FPT/VIETCAP/M/Au/T/A8
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Công ty cổ phần FPT (FPT)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Công ty cổ phần FPT
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	10:1 (10 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở HDB

Đợt phát hành năm 2025 (Series) - 3

Tên chứng quyền:	Chứng quyền HDB/VIETCAP/M/Au/T/A3
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh (HDB)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	2:1 (2 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở MSN

Đợt phát hành năm 2025 (Series) - 8

Tên chứng quyền:	Chứng quyền MSN/VIETCAP/M/Au/T/A8
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	5:1 (5 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở MWG

Đợt phát hành năm 2025 (Series) - 10

Tên chứng quyền:	Chứng quyền MWG/VIETCAP/M/Au/T/A10
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	5:1 (5 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở VIC

Đợt phát hành năm 2025 (Series) - 4



Tên chứng quyền:	Chứng quyền VIC/VIETCAP/M/Au/T/A4
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Tập đoàn Vingroup – Công ty CP (VIC)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Tập đoàn Vingroup – Công ty CP
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	10:1 (10 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

PHỤ LỤC**Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho
chứng khoán cơ sở VJC****Đợt phát hành năm 2025 (Series) - 2**

Tên chứng quyền:	Chứng quyền VJC/VIETCAP/M/Au/T/A2
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (VJC)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	10:1 (10 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho
chứng khoán cơ sở VNM

Đợt phát hành năm 2025 (Series) - 6

Tên chứng quyền:	Chứng quyền VNM/VIETCAP/M/Au/T/A6
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	6:1 (6 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở VPB

Đợt phát hành năm 2025 (Series) - 8

Tên chứng quyền:	Chứng quyền VPB/VIETCAP/M/Au/T/A8
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	2:1 (2 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở VRE

Đợt phát hành năm 2025 (Series) - 5

Tên chứng quyền:	Chứng quyền VRE/VIETCAP/M/Au/T/A5
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Vincom Retail
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	2:1 (2 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở ACB

Đợt phát hành năm 2025 (Series) - 5

Tên chứng quyền:	Chứng quyền ACB/VIETCAP/M/Au/T/A5
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	2:1 (2 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở HPG

Đợt phát hành năm 2025 (Series) - 8

Tên chứng quyền:	Chứng quyền HPG/VIETCAP/M/Au/T/A8
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	2:1 (2 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở MBB

Đợt phát hành năm 2025 (Series) - 7

Tên chứng quyền:	Chứng quyền MBB/VIETCAP/M/Au/T/A7
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MBB)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	2:1 (2 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở STB

Đợt phát hành năm 2025 (Series) - 7

Tên chứng quyền:	Chứng quyền STB/VIETCAP/M/Au/T/A7
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (STB)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	3:1 (3 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở TCB

Đợt phát hành năm 2025 (Series) - 7

Tên chứng quyền:	Chứng quyền TCB/VIETCAP/M/Au/T/A7
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (TCB)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	3:1 (3 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở TPB

Đợt phát hành năm 2025 (Series) - 4

Tên chứng quyền:	Chứng quyền TPB/VIETCAP/M/Au/T/A4
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (TPB)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	1:1 (1 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở VIB

Đợt phát hành năm 2025 (Series) - 4

Tên chứng quyền:	Chứng quyền VIB/VIETCAP/M/Au/T/A4
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	1:1 (1 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở VHM

Đợt phát hành năm 2025 (Series) - 5

Tên chứng quyền:	Chứng quyền VHM/VIETCAP/M/Au/T/A5
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Vinhomes
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	6:1 (6 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở DGC

Đợt phát hành năm 2025 (Series) - 1

Tên chứng quyền:	Chứng quyền DGC/VIETCAP/M/Au/T/A1
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (DGC)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	9:1 (9 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở LPB

Đợt phát hành năm 2025 (Series) - 1

Tên chứng quyền:	Chứng quyền LPB/VIETCAP/M/Au/T/A1
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam (LPB)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	3:1 (3 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở SHB

Đợt phát hành năm 2025 (Series) - 1

Tên chứng quyền:	Chứng quyền SHB/VIETCAP/M/Au/T/A1
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (SHB)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	1:1 (1 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC
Về việc cung cấp dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm
thanh toán

Số: 03 /2019/TT/BIDVHTH-VCSC

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT
(TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM)

VÀ

NGÂN HÀNG TMCP ĐT&PT VIỆT NAM – CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI
NGHĨA
(NGÂN HÀNG LƯU KÝ)

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 04. Tháng 09. Năm 2025

SAO Y BẢN CHÍNH
TP. Hồ Chí Minh, Ngày 4. tháng 9. năm 2025
CN. NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NKKN
TL. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thụy Hoàng Anh



Đoàn Diệu Tú Quỳnh
Giám đốc Nhân sự



HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Về việc cung cấp dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm thanh toán

Hợp đồng nguyên tắc về việc cung cấp dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm thanh toán (“**Hợp Đồng**”) được ký kết vào ngày 05 tháng 7 năm 2019 bởi và giữa các bên:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Giấy phép thành lập số: 68/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (UBCKNN) cấp ngày 06/11/2007.

Địa chỉ: Tầng 15, Tháp Tài chính Bitexco, Số 2 Hải Triều, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : (028) 3914 3588

Fax: (028) 3914 3209

Đại diện : Ông Đinh Quang Hoàn

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Theo giấy ủy quyền

(Sau đây gọi tắt là “**Bên A**” hoặc “” hoặc “**Tổ Chức Phát Hành chứng quyền**”)

Và

BÊN B: NGÂN HÀNG TMCP ĐT&PT VIỆT NAM – CHI NHÁNH NAM KỲ KHÔI NGHĨA

Giấy phép HDLK: Quyết định số 106/QĐ-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 14 tháng 5 năm 2003

Địa chỉ: 66 Phó Đức Chính, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 38218812 Fax: 028 38218813

Đại diện:

Chức vụ: **Phó Giám đốc làm đại diện**

Theo giấy ủy quyền số 917/QĐ-BIDV về việc ủy quyền ký và tổ chức thực hiện các hợp đồng, văn bản có liên quan đến hoạt động đại lý lưu ký, ngân hàng giám sát, thanh toán bù trừ và kinh doanh chứng khoán tại Chi nhánh do Người đại diện theo pháp luật của BIDV ký ngày 27 tháng 11 năm 2018.

(Sau đây gọi tắt là “**Bên B**” hoặc “**BIDV – Nam Kỳ Khởi Nghĩa**” hoặc “**Ngân hàng lưu ký**”)

XÉT RẰNG:

- (a) Bên A là Công ty Chứng khoán có chức năng phát hành chứng quyền có bảo đảm theo quy định của Pháp luật Việt Nam, và mong muốn hợp tác một Ngân hàng có chức năng lưu ký, quản lý tài sản ký quỹ cho Bên A;
- (b) Bên B là ngân hàng thương mại được thành lập tại Việt Nam, có giấy phép hoạt động lưu ký do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp sẵn sang hợp tác để cung cấp các dịch vụ đáp ứng yêu cầu của Bên A phù hợp theo quy định của Pháp luật;

hợp tác để cung cấp các dịch vụ đáp ứng yêu cầu của Bên A phù hợp theo quy định của Pháp luật;

NAY, VÌ VẬY, Các Bên đồng ý ký kết **“Hợp Đồng”** này với các điều khoản và điều kiện sau đây:

1. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Trong phạm vi **“Hợp Đồng”** này, các thuật ngữ được hiểu như sau:

- **“Người Sở Hữu Chứng Quyền”** là nhà đầu tư bao gồm các cá nhân, tổ chức sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của Tổ Chức Phát Hành và không phải là tổ chức phát hành chứng quyền.
- **“Tài sản bảo đảm”** là tiền gửi hoặc chứng chỉ tiền gửi của Bên A ký quỹ tại Bên B hoặc Thư bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng lưu ký. Tài sản bảo đảm này không được dùng để cầm cố, thế chấp, làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay hoặc các nghĩa vụ tài chính khác của Bên A hay của bất kỳ bên thứ ba khác.
- **“Danh sách Người Sở Hữu Chứng Quyền”** là danh sách do Tổ chức phát hành chứng quyền gửi cho Ngân hàng lưu ký có đầy đủ thông tin của Người Sở Hữu Chứng Quyền.
- **“Hợp đồng quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm”** là hợp đồng được hai Bên ký kết sau khi Bên A được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền cho từng đợt Phát hành chứng quyền.

2. MỤC ĐÍCH VÀ THỜI HẠN KÝ QUỸ

- a) Mục đích: Ký quỹ đảm bảo khả năng thanh toán/Bảo lãnh đảm bảo khả năng thanh toán cho từng đợt Phát hành chứng quyền của Bên A.
- b) Thời hạn ký quỹ, số tiền ký quỹ và hình thức ký quỹ sẽ được quy định cụ thể tại Hợp đồng quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm giữa Bên A và Bên B sau khi Bên A được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền cho từng đợt Phát hành chứng quyền.

3. PHÍ DỊCH VỤ

Phí dịch vụ, cách tính và thời hạn thanh toán sẽ được hai Bên quy định cụ thể tại từng Hợp đồng quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm giữa hai Bên.

4. CAM KẾT CỦA BÊN A

- a) Thực hiện ký quỹ Tài sản đảm bảo để bảo đảm khả năng thanh toán cho từng đợt phát hành chứng quyền theo quy định của pháp luật;
- b) Khi có sự thay đổi bất kỳ liên quan đến giá trị Tài sản đảm bảo của Bên A, Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B để thực hiện nghĩa vụ báo cáo các cơ quan chức năng có liên quan;
- c) Thực hiện ký quỹ bổ sung để đáp ứng tỷ lệ ký quỹ tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- d) Thực hiện chứng quyền bằng tài sản ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký hoặc thanh toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền khi Tổ chức phát hành chứng quyền thực hiện sử dụng chính Tài sản bảo đảm để chi trả cho Người Sở Hữu Chứng Quyền;

- e) Thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này, Hợp đồng quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm và quy định của pháp luật.

5. CAM KẾT CỦA BÊN B

- a) Tiếp nhận đầy đủ, kịp thời việc quản lý Tài sản bảo đảm cho Bên A khi Bên A có yêu cầu;
- b) Bên B thực hiện phong toả/giải toả tiền gửi không kỳ hạn trên tài khoản của Bên A/Hợp đồng tiền gửi/Chứng chỉ tiền gửi theo từng thời điểm của Bên A gửi tại Bên B phù hợp với Hợp đồng quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm và quy định của pháp luật;
- c) Lưu giữ bản gốc Hợp đồng tiền/Chứng chỉ tiền gửi và/hoặc các văn bản có liên quan đến Hợp đồng tiền/Chứng chỉ tiền gửi của Bên A;
- d) Quản lý tách biệt Tài sản bảo đảm với tài sản khác của Bên A, và các tài sản khác của Bên B;
- e) Thực hiện hoạt động thu, chi, thanh toán và chuyển giao tiền liên quan đến hoạt động phát hành chứng quyền của Bên A;
- f) Xác nhận báo cáo do Bên A lập có liên quan đến Tài sản đảm bảo;
- g) Thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này, Hợp đồng quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm và quy định của pháp luật.

6. LUẬT ÁP DỤNG, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

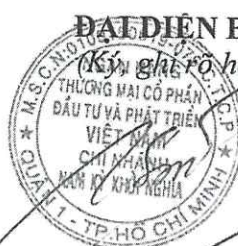
- a) Hợp đồng này được lập và điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.
- b) Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng này sẽ được giải quyết trên cơ sở thương lượng bình đẳng giữa hai Bên. Trường hợp không thương lượng được, các Bên có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền để giải quyết tranh chấp.

7. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- a) Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt khi hai Bên có văn bản được ký tên, đóng dấu hợp lệ về việc chấm dứt hiệu lực Hợp đồng này.
- b) Việc sửa đổi, bổ sung nội dung Hợp đồng này phải được cả hai Bên đồng ý và lập thành văn bản do đại diện có thẩm quyền của các Bên ký, đóng dấu. Những sửa đổi, bổ sung đó có hiệu lực thay thế, bổ sung các điều khoản tương ứng trong Hợp đồng là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.
- c) Hợp đồng này được lập làm 02 (hai) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản để thực hiện./.



ĐINH QUANG HOÀN
Phó Tổng Giám Đốc



PHÓ GIÁM ĐỐC
Hoàng Văn Sơn